VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

Khánh Trường

số 75 . tháng 7 năm 1992

VĂN HỌC

Tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

Phát hành mỗi đầu tháng

Chủ Bút: Nguyễn Mộng Giác

Tổng Thư Ký: Trịnh Y Thư

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs. Lê Tất Luyện
15 Place Souham, 75013 Paris, France.
Phone: 45.831.912

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú
14 Lester Rd, Padstow, N.S.W. 2211 Australia.
Tel: (02) 771.1770

Thư từ tiền bạc xin gửi về:

Văn Học
P.O. Box 1359
Garden Grove, CA 92642-1359, USA
Tel: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

thư tòa soạn

Như đã cam kết với quí bạn đọc và anh em văn hữu xa gần, *Văn Học* số 75 ra đúng đầu tháng 7-1992. Chúng tôi đã dần dần chấn chỉnh lại việc tổ chức tòa soạn, phân công và kỹ thuật. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn biết *Văn Học* số này chưa được hoàn toàn như ý, nhất là nội dung bài vở. Do các số trước ra trễ và liên lạc giữa tòa soạn với các văn hữu lỏng lẻo, nhiều văn hữu đã tưởng *Văn Học* không thể tiếp tục ấn hành, thôi không gửi bài nữa. Điều đó ảnh hưởng lớn tới phẩm chất nội dung của tạp chí, chúng tôi xin hứa, là bằng bất cứ giá nào, *Văn Học* cũng sẽ tiếp tục hiện diện và cải tiến thường xuyên về hình thức lẫn nội dung. *Văn Học* mong ước đón nhận sớm sủa sáng tác mới của các bạn, để một lần nữa, xác nhận với đồng bào quốc nội là văn chương hải ngoại có nhiều tiềm năng, và sẽ tạo được sinh khí mới cho kho tàng văn hóa Việt Nam nói chung. Hơn thế nữa, trong giai đoạn thế giới chuyển mình hiện nay, nhờ tiếp cận với các trào lưu tư tưởng mới của thế giới, người cầm bút hải ngoại có thể giúp cho đồng bào trong nước thấy những triển vọng mới về tư tưởng và nghệ thuật, tránh khỏi tình trạng lắng đọng ao

tù do cô lập về tư tưởng và chính trị.

Muốn như thế, *Văn Học* chủ trương mỗi người cầm bút phải tự cố gắng vượt lên trên những thành kiến và tính phân hóa nhất thời, thẳng thắn, khách quan phô diễn tâm tình của mình bằng chữ nghĩa. Không ai có thể tự nhận là đã nắm bắt được chân lý. Và trong giai đoạn phức tạp hiện nay, sự khác biệt do thành kiến có thể giải quyết bằng đối thoại tương kính. Chưa kể giữa những người làm văn học nghệ thuật với nhau, lý tưởng phục vụ cái Đẹp, cho Con Người dễ dàng đánh bại mọi thành kiến và ngộ nhận. *Văn Học* sẽ mở rộng cửa cho những cuộc đối thoại thân tình, và sẽ dứt khoát từ chối những lời lẽ hằn học hiện nay nhan nhản trên các trang báo Việt ngữ.

Riêng trong số này, *Văn Học* trân trọng giới thiệu vài góp ý về ngữ học Việt Nam của nhà nghiên cứu Nguyễn Khắc Xuyên, trích đoạn Hồi Ký của nhạc sĩ Phạm Duy về thời kỳ nhạc sĩ mới chân ướt chân ráo tới lập nghiệp tại Quận Cam (Orange County), và một đoạn hồi ký cải tạo giá trị của một tác giả từ trong nước gửi ra. Phần sáng tác, *Văn Học* giới thiệu sáng tác mới của các tác giả: Trần Hồng Châu, Ngự Thuyết, Hoàng Xuân Sơn, Nguyễn Thị Thanh Bình, Trịnh Y Thư, Hồ Ông, Triều Hoa Đại, La Toàn Vinh, Cao Xuân Tứ, Hoàng Chính, Thụy Khanh, Trầm Phục Khắc. Đặc biệt, từ số này, *Văn Học* khởi đăng truyện dài mới nhất của nhà văn Mai Kim Ngọc, truyện *Chị Em*.

Phần điểm sách, phê bình có Duy Lam và Thế Uyên đề cập đến tác phẩm của Nguyễn Chí Thiệp, Nhật Tiến và Nhật Tuấn.

Trân trọng cảm tạ quí bạn và hết sức mong ước đón nhận sớm hồi âm.

Văn Học

NGUYỄN KHẮC XUYÊN

về i hay y trong chính tả việt ngữ

Đọc *Ngày Nay* số 239 ngày 1 tháng 11-1991, Phần B, chúng tôi được biết bài của P.A.N.K. nói về *Vài điểm nhận xét về chính tả Việt ngữ*, chúng tôi xin góp đôi lời để làm sáng tỏ vấn đề. Thực ra đã có nhiều người bàn luận tới. Riêng phần chúng tôi, chúng tôi cũng viết cho tạp chí *Văn Hóa Nguyệt san* Sàigòn năm 1956 về *Nguồn gốc hai chữ I và Y trong quốc âm*. Chúng tôi cũng nhắc lại trong *Sự hình thành chữ quốc ngữ*. Ở đây chúng tôi sẽ trình bày lai lịch vấn đề từ thế kỉ 17 cho tới ngày nay.

Chúng tôi sẽ nói tới ba giai đoạn chính yếu thuộc ba thế kỉ khác nhau: Thế kỉ 17 với nhóm người sáng lập chữ quốc ngữ, trong đó nổi bật tên tuổi giáo sĩ Alexandre de Rhodes, rồi sau gần hai thế kỉ nghĩa là vào thế kỉ 19 mới có Taberd và Theurel với tự vị Việt Latinh, Legrand de la Liraye và Génibrel với tự vị Việt Pháp để đi tới Huỳnh Tịnh Của. Sau cùng vào thế kỉ 20, chúng ta có Việt Nam Tự điển của Khai Trí Tiến Đức và Tự vị Việt Hoa Pháp của Gustave Hue, để rồi đi tới những tự điển rất gần chúng ta ngày nay: Lê Ngọc

Trụ và Lê Văn Đức Sàigòn; *Từ điển tiếng Việt* và *Từ điển chính tả tiếng Việt* Hà Nội.

1. Thế kỉ 17 với Alexandre de Rhodes

Nói về Tự điển Việt Bồ La ấn hành năm 1651 ở Rôma thì cũng phải đề cập tới *Khái luận về tiếng Việt* hay *Mẹo tiếng Việt*, ngữ pháp tiếng Việt đầu tiên cũng do Alexandre de Rhodes viết. Ông nói gì về hai tiếng I và Y chúng ta muốn bàn giải ở đây, vắn tắt thì thế này:

Ở đầu một chữ, khi đứng trước một nguyên âm thì dùng Y, thí dụ Yả, Yêm, còn khi đứng trước một phụ âm thì dùng I, thí dụ *Im, In*.

Ở cuối một chữ thì đều dùng I, thí dụ hi mũi, biên kí, trừ khi bó buộc phải dùng Y để phân biệt với một âm khác, thí dụ *cai, cay*.

Đứng một mình thì dùng I, thí dụ I (áo), *í* (mặc *í*, có *í*, vô *í*).

Theo đây thì chúng ta thấy tác giả đã nghiêm chỉnh giữ một định luật bất khả xâm phạm: một kí hiệu cho một âm, một âm có một kí hiệu. Nhưng tại sao lại không viết I mà là Y ở đầu một chữ khi tiếp sau là một nguyên âm. Trong Tự điển ông ghi: *Yả, Yêm, Yểm, Yên, Yên sào, Yên* (một yên), *Yết hầu, Yêu, Yếu, Yểu* (chết yểu); *Im, In, Inh* ỏi, *Ít*.

Có một điều mà chúng tôi chưa thấy rõ khi bắt đầu nghiên cứu chữ quốc ngữ đó là điều này. Khi lớp giáo sĩ dòng Tên đầu thế kỉ 17 tới xứ ta, vì thấy chữ Nôm rất khó học, nên họ mới nghĩ ra cách Latinh hóa vần quốc âm để họ dễ học tiếng nước ta. Chúng ta đã có chữ viết rồi, chúng ta không cần một thứ chữ nào khác. Phiên âm tiếng Việt để cho họ học mà thôi và họ đã dùng chữ Latinh để viết chữ Việt. Mà tiếng Latinh là thứ tiếng hay thứ chữ cổ điển chung cho cả các giáo sĩ người Âu, nhất là người Ý, người Bồ, người Tây Ban Nha, người Pháp. Và trong vần Latinh của họ có một chữ I nguyên âm là I và một I phụ âm là J. Do đó trong các sách Latinh lúc đó (bởi vì sau này có sửa đổi), họ viết *iustitia* = *justitia* (la justice, sự công bằng), hoặc *ieiunium* = *jejunium* (le jeune, sự ăn chay). Vì thế, đối với họ mà thôi (bởi vì đối với chúng ta là những người không biết tiếng Latinh, thì không có sự lẫn lộn đó) nếu viết là *iả, iêm, iểm, iên, iến sào, iến, iết, iêu*... thì họ có thể lầm là *jả, jêm, jểm, jến, jến sào, jết, jêu*... Còn nếu viết *im, in, inh ỏi, ít*... thì I ở đây không thể là I phụ

âm được.

Chữ Y này, chúng ta gọi là I dài (Y) để phân biệt với I ngắn (I), nhưng thực ra khi chúng tôi học đánh vần thì gọi nó là *I gờ rét*, vì là chữ I tiếng Hylạp (Y grec). Bởi vì thực ra tiếng Latinh chỉ có chữ I, nhưng sau này khi họ dịch tiếng Hylạp sang tiếng nước họ , thì họ đã phiên âm chữ *upsilon* Hylạp là Y. Thí dụ *Kupios* thành *Kyrios*, để thành *Kyris* trong kinh Latinh thời xưa vẫn đọc. Chúng tôi không dài dòng về vấn đề này.

Trung thành với lời lẽ của mình về chữ I đứng cuối, De Rhodes đã ghi trong tự điển nhất luật như sau:

– *Hĩ, hỉ mũi; hỉ, hoan hỉ.*

– *Kí, biên kí; kì, hương kì nam; kì, kinh kì; kỉ, ngoại kỉ.*

– *Lí, Cao lí; lí, lí lẽ.*

– *Mĩ* (tốt), *mị, phù mị* (béo).

– *Qui* (về); *quí, phú quí, quỉ.*

– *Tĩ, nha tĩ; tí* (chuột); *tỉ, cử tỉ; tị* (rắn).

Thực ra sự hình thành chữ quốc ngữ là công cuộc thuộc về cả một lớp người đã đi trước De Rhodes: ông có công là đã thu tập, đã hoàn thành một cách sáng sủa và tra tay kí vào mấy cuốn như *Phép Giảng* và *Tự điển* của ông (1651). Vì thế, đó đây, người ta đã thấy trong các bản viết tay một số các chữ viết theo cách thức ông đã nêu ra trong *Khái luận* (1651).

Bản viết tay của Borri năm 1621, có ghi *ma quỉ* (Đỗ Quang Chính, *Lịch sử chữ quốc ngữ*, Sàigòn, 1972, trang 32). Bản viết tay của Gaspar d'Amaral năm 1632 ghi: *nha tĩ* (Sđ trang 55), *tế kì đạo* (trang 56), *cầu iền* (trang 59). Theo chúng tôi, chữ *iền* D'Amaral viết ở đây, có thể coi là *jền* thì đúng hơn, bởi vì đây là *cầu Dền, ô cầu Dền* ở Hà Nội ngày nay, không xa chùa Liên Phái thời danh. De Rhodes ghi trong *Lịch sử Đàng Ngoài* là *cầu Giền*, tự điển của ông cũng ghi *cầu Giền.*

Một bản viết tay khác vào năm 1648 cho biết người ta đã viết *í* chứ không phải *ý*: *í nài* (Sđ trang 75); *muôn í*; *Lu-i-si* phiên âm tên riêng tiếng Pháp là Louis (Đỗ Quang Chính cho là phiên âm Aloysius).

Thế nhưng trong bản viết tay của Văn Tín năm 1659, thì thấy *ý* chứ không *í* (Sđ trang 95). Và cũng trong bản viết tay năm 1659 của Bentô Thiện, thấy

viết theo nguyên tắc De Rhodes đã đưa ra về chữ I ở cuối, đó là : *Mị chu* (châu) (Sd trang 109), *Lí Nam Đế* (trang 111), nhà *Lí* lên *trị* (Sd trang 113), nhà *Lí* (trang 114), *Lí Li* (Hồ Quí Li, Sd trang 115).

Tóm lại về thế kỉ 17 và nhất là ở Rhodes, định luật một âm có một kí hiệu, một kí hiệu cho một âm được duy trì nghiêm chỉnh và đó có thể là đề tài suy nghĩ và định đoạt cho chúng ta ngày nay, như chúng ta sẽ thấy sau.

2. Thế kỉ 19 với Taberd

Trước khi tới Taberd thế kỉ 19, thực ra chúng ta có Pigneaux de Béhaine nhưng hai tác phẩm của ông này chưa được công bố và hiện nay vẫn còn là những bản viết tay rất quí nằm ở Văn khố Hội Thừa Sai ngoại quốc Paris, phố Du Bac. Nên chúng tôi không thể biết thêm về ông. Trái lại, Taberd nói rõ là đã dùng tác phẩm của Pigneaux và thêm nhiều từ cho tác phẩm của ông ấn hành năm 1838, nhan đề *Nam Việt Dương Hiệp Tự vị* hay *Dictionarium Annamitico-Latinum (Tự vị Việt Latinh).*

Taberd không hoàn toàn theo Rhodes, ông đã không giữ đúng qui luật người trước đã đưa ra, cho nên ông viết: *y, ý, ỷ, yả, yêm... nhưng lại viết: ym, iủ.*

Còn ở cuối, ông viết như de Rhodes: *hi, hí, hỉ, kị, kí, kì; mị, mí, mì, mĩ; qui, quí, quì, quỉ; tí, ti, tị,* nhưng ông vừa viết *li* (phân li), *lì*, vừa viết *lý, lý lẽ, đạo lý, địa lý, hoa lý.*

Như vậy, với ông, chữ y đã xâm nhập vào vần quốc ngữ với *y, ý, lý* và mặc dầu ông ghi *ym* (đáng lí phải là *im*) và *iu* (đáng lí phải là *yủ*, theo De Rhodes), ông giữ cách viết như De Rhodes trong *yả. Đó là phần đóng góp của Taberd, ông này, như chúng tôi đã nói và chính ông cũng cho biết, đã sử dụng dồi dào Pigneaux de Béhaine (vào năm 1777).*

Theo sau Taberd, vào thế kỉ 19 này, có Theurel viết *Tự vị Annam Latinh*, Ninh Phú, 1877, Legrand de la Liraye với *Dictionnaire Annamite Francais*, Paris, 1874; Génibrel, *Vocabulaire Annamite Francais, Nam ngữ thích Tây tổng tước*, Sàigòn, 1893 và sau đó là Huỳnh Tịnh Của với *Đại Nam quấc âm tự vị* Sàigòn, 1895.

Theurel nói là đã theo Taberd, nhưng thực ra, ông thêm khá nhiều từ và

nhất là sắp xếp theo từng ý nghĩa của một chữ, có chữ bao hàm hai hay ba, hoặc sáu bảy nghĩa. Nói chung Theurel viết theo Taberd như *y, ý, ỳ, yả*, như *iu iủ, iủ*, nhưng ông ghi *im*, còn khi viết *ym* thì ông nói "hãy coi *im*".

Tới những chữ chúng ta đưa ra làm thí dụ, thì Theurel cũng theo Taberd mà viết: *hi..., kí..., mi..., qui..., ti. Về li* thì vừa có *li, lị, lì, lỉ tỉ*, vừa có *lý* với bảy nghĩa được ghi lần lượt: 1) *lý lẽ, lý luận*; 2) *thiên lý*; 3) *hương lý, lý trưởng*; 4) *lý hình*; 5) *hành lý*; 6) *họ Lý, nhà Lý*; 7) *hoa thiên lý*.

Cũng như Taberd, ở đây Theurel không cho biết tại sao đã dùng *li, lị, lì, lỉ*, vừa *lý* như trên đã thấy, cũng như đã không dùng *i, í* mà là *y, ý*.

Liraye cũng theo Taberd nói chung và viết *y, ý, ỳ, ỷ, yả* và *iu, iủ*, nhưng *im*, chứ không *ym*. Ngoài ra, ông viết *hi..., mi, mĩ...; qui...; ti...* Còn về *ki* thì có *kị, kiêng kị; kĩ, kĩ càng*; nhưng lại ghi *ký, biên ký, ký chép; kỳ, kỳ dị, tam kỳ, kỳ lân...; kỷ, năm kỷ tị, tự kỷ...* Về *li*, thì có *li, li dị...; lị, bệnh lị...* nhưng có *lý* với nhiều ý nghĩa như trong Theurel tuy ít hơn một chút. Ông cũng không cắt nghĩa tại sao ông dùng *ký, kỷ* thay vì *kí, kỉ*. Hẳn không phải vì chữ nào gốc Hán thì ghi với y, còn chữ nào gốc Nôm thì ghi i, bởi vì Liraye cẩn thận ghi xuất xứ của một số chữ và ở đây ông viết *kị* (gốc Hán tự) mà lại viết với i, còn *ký, kỳ, kỷ* cả ba chữ này đều được coi là gốc Hán tự, theo Liraye, mà lại ghi với *y*.

Như vậy với ông này, có sự lấn át của chữ Y bởi vì không phải chỉ có *y, ý* và *lý* mà còn thêm *ký* nữa.

Génibrel không đi xa hơn mấy bạn đồng sự, bởi vì ông viết *y, ý, ỳ, ỷ, yả, iu, iủ*, nhưng không viết *ym* mà lại là *im*. Ngoài ra ông viết: *hi...; mi, mỉ...; qui, quí...; ti, tị, tí...* nhưng ông lại ghi cả hai lối viết: *ki, kị, kí* hay *ký, kì* hay *kỳ, kỉ* hay *kỷ, kĩ* hay *kỹ*. Ông cũng ghi: *li* hay *ly, lị, lý* (họ Lý).

Huỳnh Tịnh Của là người Việt Nam đầu tiên làm từ điển tiếng Việt, năm 1895. Đây không phải là từ điển Việt Latinh hay Việt Pháp mà là hoàn toàn tiếng Việt, lấy tiếng Việt cắt nghĩa tiếng Việt.

Thực ra Huỳnh Tịnh Của theo những người trước và ông ghi:

y, ý, yả, yê... ym, iủ...

Ngoài ra có:

hi, hì, hí, hỉ

mi, mì, mị, mí, mĩ

qui (về), *qui* (chế), *qui* (rùa), *quị, quí, quì, quỉ*

ti, tị, tí, tì, tĩ, tị.

Nhưng lại có:

li (lìa); *li*, lưu *li*; *li*, phân *li*;

ly, hồ *ly*; *lý* (lẽ), *lý* (đặm), *Lý* (họ Lý, nhà Lý); *Lỳ* (mòn).

Về *ki* thì có *ki, kị,* rồi *kí* (nhớ, biên, ghi), *ký* (gởi, ủy thác); *kì* (lạ, hẹn), *kỳ* (kỳ lân), *kỳ* (cờ), *kì* (cờ), *kỳ* (kinh kỳ), *kỳ* (cầu); *kỷ* (sử kỷ), *kỉ* (ngoại kỉ). Nói chung, không có một tiêu chuẩn nào, không theo một qui tắc nào, thí dụ *kỳ* (lá cờ), *kì* (đánh cờ)...

Tóm lại, trong thế kỉ 19 này, chữ Y xâm nhập vào K và L, tức *Ký, Lý*... còn thì vẫn giữ *hi, mi, qui*, và *ti*. Cái nguyên tắc ban đầu không được áp dụng nghiêm chỉnh.

3. Tiền bán thế kỉ 20

Không có khả năng kê khai hết các từ điển, chúng tôi chỉ đưa ra hai cuốn làm tiêu biểu cho giai đoạn này: *Việt Nam tự điển* của Khai Trí Tiến Đức, Hà Nội 1932 và *Dictionnaire Annamite Chinois Francais (Tự điển Việt Hoa Pháp) của Gustave Hue, 1937.*

Khai Trí Tiến Đức là cuốn từ điển tiếng Việt thứ hai do một nhóm người Việt Nam soạn, sau cuốn của Huỳnh Tịnh Của. *Đại Nam quấc âm tự vị* (1895) đã ra mắt đồng bào vào thời phôi thai của nền văn học viết theo chữ quốc ngữ, trái lại bộ *Việt Nam tự điển* được biên soạn sau khi đã có hai tờ *Đông Dương tạp chí* và tờ *Nam Phong* và một số tác giả tiên phong trong văn học quốc ngữ.

Bộ tự điển này có hai đặc điểm trong vấn đề chúng ta đang bàn giải. Thứ nhất, chúng ta thấy ghi: *y* (nó), *y* (áo), *y* (theo), *y* (thuốc) và *ý, ỳ, ỷ, ỵ*. Nhưng nếu ghi *ỉu* thì cũng viết là *ỉa*; chữ *ỉa* này hoàn toàn mới so với cách viết thế kỉ 17 và 19.

Thứ hai, chúng ta thấy ghi:

hi, hí, hĩ.

li, lí. (Đây là một lối viết khác với lối viết của những người trước).

ky, ký, kỳ, kỷ, kỹ, kỵ. (Hoàn toàn tránh i).

mi, mí, mì, mĩ, mị. (Kể cả Mĩ châu).

qui, quí, quì, quỉ, quĩ, quị.

ti, tí, tì, tỉ, tĩ, tị. (Không có y).

Gustave Hue là một giáo sĩ thuộc Hội truyền giáo ngoại quốc Paris, người Pháp. Ông rất tinh thông Hán học, lại viết tiếng Việt sành sõi, người ta thường nhắc tới bộ *Tự điển Việt Hoa Pháp* và bộ sách tranh luận khá gay gắt về vấn đề Phật giáo vào thời gian này, gọi là bộ *Phục Phật xích độc* in khổ bỏ túi và có chừng hơn một chục cuốn. Trong lời tựa của tự điển, ông viết rất thẳng thắn và rất có lí như thế này: "*Hai chữ y và i hình như chỉ chỉ một âm, nửa nguyên âm hay nguyên âm tùy trường hợp và việc dùng hai chữ này tách biệt thì không có lí cớ nghiêm chỉnh. Do đó, để duy trì truyền thống, thì chúng tôi giữ chính tả cổ xưa.*" (Sđ trang 2)

Do đó, chúng ta thấy có: *y, ý, ỷ* (mà không có *i, í, ỉ*); có *ia, iu* nhưng ở *yả* thì nói coi *ỉa*. Chúng tôi xin lỗi độc giả, vì hẳn có người thấy khó chịu khi nói đi nói lại cách viết chữ này: *yả* hay *ỉa*, nhưng chính tả là chính tả, không tránh né được. Chúng tôi nhắc lại, khi viết *yả* là để tránh không cho người đọc lẫn với *iả* tức *jả* đối với người đọc theo tiếng Latinh, như chúng tôi đã nói ở trên. Theo nguyên tắc này thì phải viết *yủ* để khỏi lẫn với *iủ* tức *jủ* và nếu viết *iêu* thay vì *yêu*, thì có thể lẫn với *iêu* tức *jêu*, vì i vừa đọc là i nguyên âm, vừa đọc là j phụ âm trong La ngữ.

Còn về sáu chữ chúng ta bàn tới thì hoàn toàn ông viết với i, không hơn không kém:

hi, ki, li, lí, mi, mĩ, qui, quí, ti...

Ở chữ *mĩ*, ông đưa ra hai nghĩa:

– *mĩ* là đẹp, là tốt;

– *mĩ* là phiên âm vắn tắt của chữ *Amérique*, gọi là Mĩ quốc hay A-mĩ-lợi-gia.

Như vậy trừ chữ *y* dùng thay cho *i* theo De Rhodes, thì Gustave Hue gần De Rhodes hơn cả và ông nói là ông theo chính tả cổ truyền.

4. Hậu bán thế kỉ 20

Giai đoạn hậu bán thế kỉ 20 này được đánh dấu bằng một Hội nghị thống nhất ngôn ngữ được tổ chức tại Sàigòn vào tháng 9 năm 1956. (Coi *Văn Hoá nguyệt san*, 1956, số 16, trang 1824). Khi viết bài này, chúng tôi cũng không còn nhớ về chi tiết và cũng không có tờ nguyệt san vừa nói. Thế nhưng hẳn là đã có những buổi thảo luận về hai chữ I và Y này, tại sao viết I mà không viết Y hay ngược lại. Chúng tôi cũng đã viết bài đã nói ở trên về nguồn gốc hai chữ Y và I và dĩ nhiên là nại tới văn bản cơ bản của De Rhodes trong *Khái luận Việt ngữ* cũng đã nhắc ở trên.

Cũng trong hội nghị này, người ta đã trình bày qui luật: một kí hiệu cho một âm, một âm có một kí hiệu, nhưng cũng thêm một qui luật thứ hai: thông tục cũng là một qui luật phải tôn trọng, khi không nên cải tổ, hay khó cải tổ, không cần cải tổ.

Ở thời kì này, có nhiều công trình đáng ghi nhớ, vắn tắt hãy kể ra: ở miền Nam có Lê Ngọc Trụ với *Việt ngữ chánh tả tự vị*, Sàigòn, 1959 và Lê Văn Đức, cộng tác với Lê Ngọc Trụ, với *Việt Nam tự điển*, Khai Trí, Sàigòn, 1970. Ở miền Bắc có *Từ điển tiếng Việt*, Hà Nội, 1967, *Từ điển chính tả*, Hà Nội 1985, và *Từ điển tiếng Việt*, Hà Nội, 1988. Lê Ngọc Trụ là nhà tinh thông Hán học, có nhiệt tình với quốc văn và có công nghiên cứu rành mạch. Riêng về vấn đề nhỏ bé chúng ta bàn giải ở đây, ông cũng theo người đi trước, thí dụ *ỉ*, âm *ỉ*; *ỷ, ỷ* lại, *iả, iủ*. Cũng vậy ông viết *mĩ, mĩ* miều; *Mỹ* tho, *Mỹ* quấc. Nếu ông viết *tỉ, tĩ, tị* (mũi) thì ông lại viết *quy, quỳ, quỷ, quỹ, quỵ, quý*.

Lê Văn Đức cũng phân biệt cách viết, bởi vì nếu có *i, ì, í* thì cũng có *y, ỳ, ý, ỷ* dĩ nhiên với nghĩa khác nhau. Nếu ông viết *iả* thì ông cũng ghi *iả*.

Về những chữ chúng ta bàn giải ở đây, không nhất luật, lúc ghi I, khi Y, có khi viết cả hai I và Y trong ngoặc, thí dụ *hi (hy), hí (hý)*; cũng viết *lý*, còn *mi* thì viết *mi* (mày), *mi* (lông mi), *mỹ*(đẹp), *mị*, *Mỹ* (Hoa Kỳ). Về *tỉ*, vừa có *tỉ, tị* (chút ít) vừa viết *tỵ* (tuổi tỵ), *tý* (tuổi tý). Còn *kỉ*, thì có *kỉ* (kí lô), *kỉ* (kỉ cọ), *ki* (cái kì), nhưng có *kỳ, kỷ, kỷ, kỹ, kỵ*. Tóm lại, người ta có cảm tưởng như có một chút kì thị các chữ: tầm thường thì viết I, cao sang hoặc gốc Hán thì viết Y? Thí dụ một *tí*, một *tị* và tuổi *Tý*, tuổi *Tỵ*.

Từ điển tiếng Việt, Hà Nội, 1963, cho biết "về chính tả, chủ yếu dựa vào quyển *Từ điển chính tả phổ thông* của Viện Văn Học xuất bản đầu năm 1963."

Chúng tôi không có cuốn này, thế nhưng cứ theo *Từ điển tiếng Việt* này thì biết nội dung về chính tả bàn giải ở đây. Nói chung thì người ta cũng còn khá lúng túng và không dựa vào một tiêu chuẩn, một qui luật nào rõ rệt. Nếu có *ì* ạch thì cũng ghi *ỳ* ạch, ngoài ra viết *y, ý, ỳ, ỷ*. Chỉ có *hi* là viết với I, ngoài ra thì:

kí (kí lô), *ky, kỳ, ký, kỷ, kỹ* và *kỵ*.

li bì, lì, lí láu, *lị* (bệnh lị) và *ly, lý, lỵ* (bệnh), lỵ sở.

mi, mì, mí, mị, mỹ (đẹp).

quy. (Tất cả đều viết với Y).

tỉ, tí, tì, tĩ, tī, tị (hầu hết là chữ Nôm), nhưng *tỵ* trưởng, *tỳ* bà (đàn), *tỳ* vị, *tý* (chuột, tuổi Tý), *tỷ* lệ, *tỷ* giá, *tỵ (rắn, tuổi Tỵ).*

Có thể là vì thấy chưa có một lối viết mạch lạc, thống nhất mà Từ điển chính tả tiếng Việt, Hà Nội, 1985, đã viết trong lời hướng dẫn: "Viết nhất quán bằng I nguyên âm, I cuối âm tiết trong các âm tiết gọi là âm tiết mở như *ki, li, mi*, v.v... trừ trường hợp sau QU, viết Y (QUY), cho thống nhất với UY, viết UY, thí dụ *mỹ* (nay viết *mĩ*), xem *mĩ*; *quí* (nay viết *quý*) xem *quý*." (Sđ trang 21).

Từ điển chính tả còn viết *i, ì, ỉ, ĩ, ị, í* (í ới), *ỉa, iu, ỉu, và y* (hắn), *y* (thuốc), *y* (áo), *ỷ* (dựa), *ỷ* lại, nhưng *ỉ* là lợn lại viết với I, còn *ý* thì viết với Y là lẽ dĩ nhiên, đã thành thông lệ. Cũng trong cuốn về chính tả này, có nhắc tới quyết nghị của Hội đồng chuẩn hoá chính tả của Bộ giáo dục ngày 1-7-1983. Chúng tôi không biết quyết nghị này nhưng cứ xem cuốn chính tả thì biết nội dung của quyết nghị.

Sau cùng và mới hơn là cuốn Từ điển tiếng Việt, Hà Nội, 1988. Trong lời hướng dẫn, người ta cho biết: "Theo quyết nghị số 240/QĐ ngày 5-3-1984 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục: Nguyên âm *i* cuối âm tiết được viết thống nhất bằng I (viết *hi, ki, li, mi, ti*, thay cho hy, ky, ly, my, ty, trừ *uy* vẫn viết *uy* (luy, tuy...) (Sđ trang 10).

Như vậy, với *Từ điển chính tả* (1985) và *Từ điển tiếng Việt* (1988), đã có một bước tiến quyết liệt trong vấn đề chúng ta đang bàn. Ở cả hai cuốn, người ta ghi nhất luật: *hi, ki, li, mi, ti*, và ở cả hai đều viết *quy* thay cho *qui*, tức *quy, quỳ, quý, quỷ, quỹ, quỵ*. Lý do được nêu lên là ở âm UY, chứ không phải âm

UI, thí dụ *ui* và *uy*, *thúi* và *thúy*.

Về điểm này, theo thiển ý chúng tôi, thì chưa xác đáng và chúng ta trở lại với bản văn của De Rhodes, theo đó viết I ở tất cả những âm cuối như *Từ điển tiếng Việt* (1988) vừa nói. Hơn nữa, chúng tôi nhắc lại ở đây, những người sáng chế ra vần quốc ngữ, một là đã dùng vần Latinh, hai là để cho người hiểu biết La ngữ sử dụng, vì thế họ đã ghi *qui, quì, quí, quỉ, quĩ, quị,* bởi vì *qui* trong La ngữ đọc như *qui* rồi, không cần phải viết *quy* cho thêm rườm rà. *Qui* Latinh này thường gặp trong nhiều tiếng và đọc như *qui* của vần quốc ngữ, mà thực ra *qui* của chúng ta là do *qui* trong La ngữ. Tiếng Pháp cũng có từ *qui*, nhưng lại đọc là "ki"; cũng vậy, *qualité* đọc như "calitê".

Để tạm kết luận chung cho cả bài này, chúng tôi có thể công nhận định luật một kí hiệu cho một âm và một âm có một kí hiệu. Và cũng là chủ trương của De Rhodes. Như vậy, nhất luật chúng ta viết: *hi, ki, li, mi, qui, ti*; qui luật này từ Taberd cho tới nay đã không được nghiêm chỉnh tuân thủ. Bản văn trong *Khái luận về tiếng Việt* của De Rhodes (1651) phải được học hỏi để không đi xa nguồn gốc và cơ bản.

Thế nhưng, như chúng tôi đã nói, còn một qui luật thứ hai là thông tục, vì lí do này hay lí do nọ, vì thẩm mĩ, vì chủ quan, thí dụ chúng ta đã không quen viết *í* tưởng mà viết *ý* tưởng, không quen viết *i* học mà viết *y* học, v.v... Cũng không viết *yả* mà viết *iả*. Nhưng chúng ta có thể viết *Mĩ* tho, *Mĩ* châu hoặc *Mỹ* tho, *Mỹ* châu. Ở đây vì quen mắt hay vì thẩm mĩ, chúng tôi tự hỏi. Dẫu sao, có thể còn một qui luật thứ ba là tiết kiệm sức lực, tiết kiệm thời giờ bởi vì thời giờ là vàng là bạc. Cho nên khi nhất thiết không cần viết Y thì nên viết I cho đỡ tốn công, đỡ mất thời giờ. Tinh thần thực tế, tinh thần đơn giản và thiết thực cũng là một trong những đức tính của con người ngày nay.

Cho nên, *Từ điển tiếng Việt* năm 1988 là một bước tiến so với *Từ điển tiếng Việt* năm 1963 và nói chung, thực ra là một bước tiến. Thế nhưng về việc dùng Y trong qu: *quy, quý, quỳ, quỷ, quỹ, quỵ* thì lại là một bước lùi. Sự thoái lui này là do hai nguyên cớ: thứ nhất, người ta không tìm đến "hiến chương" của sự hình thành chữ quốc ngữ, chúng tôi muốn nói *Khái niệm về tiếng Việt* của De Rhodes (1651) và thứ hai người ta không am tường cách đọc chữ *qui* trong La ngữ, như chúng tôi đã nói. Chúng ta không cần phải dùng Y mà dùng I là

đủ: *qui, quì, quí, quỉ, quĩ, quị.*

Rồi muốn tiến hơn lên một bước nữa và bãi bỏ cả thông tục, thì có thể viết *i, í, ì* (áo), *i* (thuốc), v.v... chứ không cần viết với y.

Chúng ta có thể vượt hẳn cả chính De Rhodes nữa, nếu chúng ta bỏ Y trong những chữ mà De Rhodes thấy cần phải viết Y để tránh sự lẫn lộn, đọc nhầm. Vả chúng ta cũng đã viết *ia* chứ không *yả*. Do đó chúng ta sẽ có thể viết: *iêm, iểm, iên, iết, iêu, iểu...* thay vì *yêm, yểm, yên, yết, yêu, yểu...*

Khi De Rhodes dùng chữ Y ở đây là vì lúc đó người ta có một kí hiệu I để vừa chỉ I nguyên âm và I phụ âm như chúng tôi đã nói. Nhưng ngày nay, trong bản văn La ngữ, người ta đã thiết lập lại và dùng I cho I nguyên âm, và dùng J cho I phụ âm. Người ta không còn viết *iustitia, ieiunium* mà viết *justitia, jejunium.* Hơn nữa, chúng ta không phải là người Latinh hay người tinh thông văn chương Latinh, cho nên không thể có sự lầm lẫn được.

Được như vậy thì một là chúng ta đã trở về nguồn, trở về hiến chương sự hình thành chữ quốc ngữ kể từ khi phát hành *Từ điển Việt Bồ La* (1651) và *Khái luận về tiếng Việt* (1651), và hai là chúng ta tìm cách tiến hơn cả hiến chương đó nữa, bởi vì cái bức tường cản trở không còn, I là I và J là J, chứ không còn lẫn lộn. Tại sao chúng ta viết *iả (yả)* được mà lại không viết *iêu (yêu)* được, phải chăng vì phân biệt xấu tốt, không đẹp với đẹp. Cho nên, nếu chúng ta làm được việc này một cách toàn diện, thì chúng ta trở về nguồn không những theo chữ đen, theo vật chất mà còn theo ý hướng, theo tinh thần của *Khái luận* mà chúng tôi coi như một thứ hiến chương, ít ra về vấn đề chúng tôi bàn giải ở đây.

Thế nhưng nghĩ đi thì cũng phải nghĩ lại, vì thế còn có thể để cho thông tục có một chỗ đứng, mà theo chúng tôi viết *qui* với Y thì không phải là theo thông tục nhưng là một thoái lui. □

Tìm đọc
TRẠI KIÊN GIAM
hồi ký Nguyễn Chí Thiệp
Sông Thu xuất bản

một khoảnh việt nam cộng hòa nối dài

LỜI TÒA SOẠN: *Văn Học trân trọng giới thiệu quí bạn đọc một số trích đoạn trong tập hồi ký* Một Khoảnh Việt Nam Cộng Hòa Nối Dài *do một nhà văn - nhà nghiên cứu sử học, vừa từ trong nước gửi ra. Khác với những hồi ký cải tạo đã được xuất bản, tập hồi ký này có nhiều nhận xét khách quan và sâu sắc về người (cả Nam lẫn Bắc), về cảnh đổi đời, về đời sống nói chung. Tác giả vừa là người tham dự, vừa là người quan sát công bình.*

Văn Học tạm dùng bút danh A. B. C. thay cho tên thật của tác giả tập hồi ký.

*

Chúng tôi nhận ra được nhiều mẫu người trong đám vệ binh. Giữa lúc đang bận rộn cuốc đất hay vun rác gần đến giờ về thì bỗng vệ binh đến hỏi tên một người rồi dở sổ ra hí hoáy ghi chép. Trong lúc chúng tôi còn ngơ ngác thì anh ta ôn tồn trấn an – điều mà tôi không ngờ tới vì mới ngạc nhiên về hành động kia chứ chưa kịp lo sợ: "Không hề gì đâu, tôi chỉ làm thủ tục

thông thường thôi." Sau đấy mới hiểu rằng anh ta có bổn phận phải ghi nhận xét lao động hằng ngày mà chỉ ghi những người xốc vác, năng nổ. Có vệ binh lân la hỏi thăm các dược sĩ, bác sĩ. Chẳng qua là anh ta đi chơi bời mắc bệnh! Tuổi trẻ có biết bao nhiêu là nhu cầu thế mà chỉ có vài ba đồng mỗi tháng diêm thuốc . . . làm sao anh ta nghĩ đến các thứ hàng ngoài phố, nghĩ đến chuyện "rước đèn". Con gái Sàigòn ngay buổi đầu đã chê "chúng nó không láng". Cái bộ ngơ ngác đi dạo phố, thấy gì cũng nhìn, càng nhìn càng muốn mà túi rỗng không, đi không dứt, gặp những tay ôn dịch bạn hàng đanh đá không nề những cử chỉ, lời nói phũ phàng cay chua nào cả . . . Một mẩu chuyện nghe đột ngột giữa hai vệ binh, thấm thía với cả người nghe đang thất thế: "Chủ nhật mà không đi chơi à?" "Đi làm gì, chúng nó khinh như chó . . . "

Có lúc họ xoay nghề buôn bán với cải tạo. Không phải với luật cung cầu của thị trường – tất nhiên, mà theo một thứ luật lệ buôn bán không có nhà kinh tế nào nghĩ tới – trừ phi họ đã ở tù. Vệ binh cần bán thì xưng em ngọt xớt nhưng bán không được thì quát nạt để bọn ngụy tung tiền ra cúng ôn. Bán lén bán lút thì có chuyện tiền là giấy báo và đường là đất sét! Nhưng ở chỗ chúng tôi thì việc buôn bán không phát triển lắm có lẽ vì gần ban chỉ huy, sự cấm đoán có điều kiện thành công hơn. Từ đó có thể đoán được sự bực bõ của vệ binh trước cảnh quà cáp gia đình ngụy gởi tới – lúc đầu tuy chẳng nhiều nhưng cũng đủ gây thèm thuồng, tức bực mà sở dĩ không nổ bùng chỉ vì tính chất cửu non của "khối những ông già..."

Tuy tiếp xúc ít oi như vậy chúng tôi cũng ngạc nhiên về sự lộn xộn không trên dưới gì cả của sinh hoạt bộ đội. Hồi ấy đã bắt đầu có lon trên cổ áo họ, chúng tôi tuy còn lẫn lộn một ít nhưng cũng phân biệt được đại khái các cấp bực. Cấp dáng nhớ nhất là cấp binh vì hồi trước trong một trận đánh có tin giết được một tướng Việt Cộng – Có ngôi sao trên nền đỏ! Một anh bạn cười nói với tôi: "Mới vừa có một anh trung tá đi ngang qua, một thằng lính trong tiểu đoàn chạy ra nắm tay dặc dặc: 'Có thư không?' rồi khoắng vào túi ông ta . . . " Người ta đã từng coi đó là dấu hiệu tốt của một quân đội nhân dân, từ quần chúng mà ra. Nhưng hình như người ta cũng thấy đó là một sự bào chữa nhất thời. Hàng ngũ chúng tôi, lính cũng kêu "trung úy, đại úy" chẳng bẩm lạy gì cả và chúng tôi không như một vai kịch của đoàn kịch nói Trung

ương như trong tuồng hát bội, chúng tôi thì thành thị hóa đến thành thô lỗ, du côn chỉ sai lính trống không, "Ê, mày đi lại đằng kia . . . ", chỉ dành các danh từ hạ sĩ, trung sĩ khi gởi người vô hộp thôi. Còn nhà nước mới cũng biết đến các thứ bực là cần thiết nên các tờ báo lúc ấy chẳng mấy tờ không nói đến việc chính quy hóa từ những xã luận nghiêm túc đến các bài phóng sự thô kệch nêu các ví dụ điển hình cứng nhắc về việc chào kính, gọi đáp . . . Điều đó chứng tỏ họ đã lưu ý đến tình trạng quân giai là cần thiết không phải chỉ vì phú quý sinh lễ nghĩa mà còn vì như một biện pháp chấn chỉnh sự lộn xộn sau chiến tranh, lúc sự nguy hiểm và lí tưởng đã hạ mức độ cố kết trong quân ngũ và bày ra muôn hình muôn vẻ sa đọa trước mắt chúng tôi. Chẳng có ai nghe lệnh ai hết. Quản giáo là sĩ quan, vệ binh là lính mà lại nói: "Đ. m., tôi coi các anh chứ không phải chúng nó". Sự xung đột vệ binh - quản giáo là một nỗi khổ tâm của chúng tôi. Quản giáo bảo làm cái này, vệ binh ngăn lại. Trở lại báo cáo, quản giáo thúc hối, đến trước vệ binh lên cò súng, cải tạo rút lui. Quản giáo gắt: "Sao các anh không nghe lời tôi?" "Chúng tôi sợ cây súng dài hơn." (Kì thực sợ cả hai thứ súng). Cứ giằng co như vậy để ông thần thời gian làm dịu tự ái đôi dàng, rồi cải tạo len lén qua mặt vệ binh làm ngơ để về trại hay qua mặt quản giáo làm ngơ để về phòng. Quyền hành tỏa ngang như vậy hẳn là tránh được sự tập trung quyền lực khỏi những âm mưu nhen nhúm. Các trường hợp xung đột như vậy rốt cục đưa đến chính trị viên thu xếp với uy thế của Đảng có mặt khắp nơi. Và như thế là khỏi có chuyện quân đội làm đảo chánh như thường thấy ở thế giới thứ ba.

Có điều là phần lớn chúng tôi không biết được những diễn biến sâu kín bên trong nên phải ngạc nhiên không ít. Trong đơn vị chỉ có thủ trưởng là được tuân theo, mà chỉ là tuân theo cho có lệ chứ vị thủ trưởng tới vệ binh chạy như vịt, thủ trưởng đi thì đâu vẫn hoàn đấy. Vụ nổ kho đạn bên cạnh cho chúng tôi một bằng cớ bất trị của lính. Câu hỏi đặt ra: "Thế sao họ lại chiến thắng?" là cả một kết tập phức tạp mà lời giải đáp giản dị dễ chấp nhận là: "Nhờ có Đảng lãnh đạo."

Ngày qua tháng lại rồi đến kì học tập nữa. Chẳng có gì hứng khởi nhưng thói quen bù được những ngày mệt nhọc lần trước. Đã thuộc cách thế suy nghĩ theo lối mới nên bớt khổ về suy nghĩ hơn. Lần này khóa học dài hơn và

chủ đề thiên về lí thuyết xã hội chủ nghĩa nhưng thật khó phân biệt với lần trước vì cũng bấy nhiêu lí lẽ được lập đi lập lại. Lí thuyết cách mạng XHCN đơn giản hóa đến mức độ ông Marx còn sống đến ngày nay chắc phải kiếm ra câu phân trần nào khác hơn: "Je ne suis pas marxiste."

Thực ra nếu loại bỏ vấn đề tranh giành chính thống thì thật tự nhiên là phải lựa lấy *một* XHCN ("XHCN nào?"). Nhưng muốn khỏi mang tiếng đứng trên một nền tảng lung lay thì phải nói rằng chỉ có "phe ta" đối với "phe địch" và khi phe ta bị vẹt mòn hay vỡ ra thì phải coi phe ta là cái mảnh mình bám vào đó – một thứ phe ta của phe ta trước đây giờ chính thức là phe ta. Nếu có thấy thiếu thì có thể bắt quàng lãnh tụ PLO, lãnh tụ một nước Phi châu nào đấy để gọi là "đồng chí" trong khi văn thư đi Nam Tư thì chúc mừng "Ngài"! Cho nên mới có chuyện nhà trí thức thời đại tưởng Thụy Điển là nước XHCN, chỉ vì nước này mở hội nghị Stockholm và giúp nhiều cho phe ta trong đó có nhà máy giấy Bãi Bằng mà các chuyên viên sống trong "làng Thụy Điển" là ước mơ của các cô gái Hà Nội! Cái quan niệm thực dụng tối đa đó đòi hỏi một sự bưng bít gắt gao và tàn nhẫn riêng biệt để dù muốn dù không cũng khuôn nắn lên một thứ CNXH mà để biện minh lại phải thêm ý niệm *sáng tạo*. Chẳng ai có quyền được hỏi sáng tạo và *xét lại*, khuynh tả hay hữu khác nhau như thế nào chỉ biết rằng quyền sáng tạo thuộc về những lãnh tụ để xây dựng một mô thức XHCN ở Việt Nam mà qua những điều đã được học tập, khởi đầu có thể đặt tên là *XHCN Bắc Kì phong kiến hóa* không cần phải e ngại sự va chạm địa phương.

Hãy nhìn xem một vài hình ảnh họ truyền dạt cho chúng tôi về xã hội tư bản. Giá trị thặng dư được hiểu là giá trị dôi ra giữa tiền bán sản phẩm và tiền công thợ: Ôi! lời quá xá như ông chủ điền chỉ mất công đi một vòng thâu lúa ruộng! Tình trạng thất nghiệp được hiểu là mất công ăn việc làm không còn nguồn cung cấp nào khác, hình ảnh phản chiếu qua sinh hoạt của một vùng trải qua năm đói Ất Dậu nên càng trở nên ghê rợn hơn. Lí tưởng đi học để làm quan, làm giàu đối chiếu với hình ảnh thất học thì chăn trâu ở đợ cũng được dùng để soi rọi vào con số thất học ở Mĩ để vẽ ra một xã hội bần cùng, đói rách thảm thương. Số liệu và sự kiện lấy từ nguồn tin tư bản không được áp dụng với quan niệm ở nơi xuất phát, liên kết với mức độ tiến bộ vật chất

mà lại được dùng qua hình ảnh lạc hậu trước mắt, trong nước và còn được tô vẽ thêm với những hình ảnh ảm đạm của những ngày qua. Tư bản bóc lột thì cũng giống như địa chủ bóc lột thôi! Mà có lẽ còn tàn tệ hơn vì được lồng trong bức tranh thực dân đế quốc. Suy luận bình thường không thể vượt quá xa cái biết do cuộc sống đem lại. Một thi sĩ nổi danh trong một chuyến làm đuôi mua hàng ở Mạc Tư Khoa đã ghi cảm tưởng rồi thuật lại cho độc giả, tưởng như đây là một luận cứ vững chắc bài bác được bọn tư bản nói dối, khoác lác: "Bọn tư bản cứ nói rằng XHCN là Xếp Hàng Cả Ngày, chẳng lẽ không chịu sống có trật tự, tôn trọng lẽ phải / như thế này mà lại lên cướp giật theo lối mạnh được yếu thua sao? Chắc anh ta cũng đã từng nghe bài bác quan niệm "xã hội tiêu thụ" nhưng lại không sống trong xã hội tiêu thụ đó nên không thấy được giải đáp tầm thường là có thể không phải xếp hàng, không phải giành giựt mà vẫn có hàng để mua! Trách gì những đồng bào không được hưởng ân huệ quá cao của nhà nước như anh ta nên coi những chuyện bên trời Tây (Nga) mà những người như anh ta mang về tô điểm thêm cho cái lối "Đi xa về nhà . . . ", là những huyền thoại có thực ở nơi xa ấy và sẽ thành hiện thực ở nước ta. Tiếc rằng thi sĩ kia lại thuật chuyện trên một tờ báo ở Sàigòn, hãnh diện về cái ưu việt của phe ta mà không biết – hay cố tình không biết, tỉnh bơ? – rằng dân ngụy ở đây có một công thức khác cho lí tưởng XHCN: Xấu hơn cả Ngụy.

Những "giáo viên" của chúng tôi có dựa theo một lí thuyết quốc tế để khỏi mang tiếng hợp hòi, đã cố đem vào luận cứ những sự kiện họ thấy được sau tháng 4-75, những đường lối lí giải lại vẫn dựa vào thói quen suy nghĩ có sẵn, uốn nắn theo tiền dề không phải bàn cãi là tính ưu việt của chế độ mới, thu gọn trong sự tiến triển của riêng mình và vượt ngoài tính chất khách quan là tình trạng mẹ hát con khen hay đã trở thành bình thường không tự biết. Nhà ngói đối với nhà tranh lụp xụp đã là bước tiến đáng hãnh diện của công trình XHCN ở miền Bắc thì cao ốc – dù là xấu xí – ở Liên Xô hay đâu đó ở Đông Âu thật đáng ngưỡng vọng biết bao! Những con số sẽ đem lại bằng chứng khoa học, bằng chứng thuyết phục. Nước XHCN này đã tăng năng xuất trong loại này, loại nọ bao nhiêu ngàn phần trăm so với thời kì mấy mươi năm về trước. Nước dân chủ nhân dân kia có tốc độ phát triển hằng năm bao nhiêu

phần trăm so với nước tư bản to lớn như Mĩ, Anh ... cứ ì à ì ạch ở mức khiêm tốn vì khủng khoảng, đình công, dân chúng biểu tình ... Họ chẳng cần biết căn bản 100 để tính là bắt đầu từ đâu, chẳng cần biết là thu nhập 50 đồng năm nay chẳng hạn so với 100 đồng sang năm – vẫn còn ở mức chết đói nhưng được tiếng là tăng 100% còn ở nơi khác thu nhập 1.000 đồng – trên mức sống bình thường, mà có hơn 100 đồng thì chỉ mới tăng 10%, thua "ta" xa! Dân làm nghề thống kê ở xứ "tư bản" đã có câu tục bi quan: "Thống kê là một cách nói láo có bằng cớ khoa học", nhưng hắn ta sẽ nói sao nếu được sống dưới chế độ XHCN có những con số thống kê "lấy thành tích" mà bọn tù ngụy nghe khoe khoang đã giật mình và tìm được một công thức nữa là XHCN: Xạo Hết Chỗ Nói!

Vì coi thất nghiệp là hậu quả của sự bóc lột thu lợi nhuận tối đa nên ở các nước XHCN tiên vàn là không thể có tình trạng ấy được. Công việc được chia đều cho nhiều người cùng làm bởi vì có công việc làm đồng nghĩa với có nhân phẩm: "Lao động là vinh quang". Người ta không nhắc tới, làm như không biết đến từ thực tế bình thường: lương không đủ sống phải xoay sở, biếng nhác lừ đừ, và bỏ quên đòi hỏi của lí thuyết phát triển mà chế độ nhân danh tiến bộ thường huênh hoang: phân công chẳng phải là chia việc, chia đều việc và chẳng có gì ngăn cản sự phát triển hơn là một chế độ thư lại như truyền thống phương Đông đã chứng tỏ.

Mà chẳng sao! Truyền thống luồn vào chế độ mới đã được chấp nhận dưới danh nghĩa "sáng tạo". Những người trốtkit quá bám lấy lí thuyết trên phương diện quốc tế có lúc đã coi mình như không phải người Việt Nam, sự quá khích đó thích hợp với những khối óc trí thức suy luận trừu tượng tìm thấy được lí do khinh miệt xã hội nông nghiệp lạc hậu chung quanh họ từ chủ thuyết biện minh cho sự kiêu căng tự mãn không thú nhận. Những người đệ tam khăng khăng tự nhận theo đúng đường lối, khẳng định rằng giai cấp công nhân vẫn giữ vai trò lãnh đạo và nông dân là đồng minh chủ yếu, họ kết tập được số đông để thành công nhưng những yếu tố vô ý thức của lịch sử đâu có chịu thua! Nhóm lãnh đạo là trí thức – đến nỗi phải có lời hô hào "vô sản hóa" – gồm con cháu sĩ phu, địa chủ cả đến những chức chưởng trong hệ thống phong kiến thời thuộc địa. Công nhân cũng chỉ là những nông dân thất thế

nên tính giai cấp của kinh điển chỉ mờ nhạt trên một nền tảng ý thức có từ ruộng vườn, làng xóm, phong tục . . . Cuộc chiến lần thứ nhất đẩy Đảng về thôn quê nương tựa trên lớp nông dân tự cung tự cấp. Giai cấp công nhân trở về số không (Lénine đã nói rồi!), có gắng gượng thì hãy gọi là công nhân những người làm ở các xưởng vũ khí nhưng thực ra đó là những nông dân, tiểu tư sản mặc áo lính không có cái tương quan của xã hội công nghiệp bình thường, được nuôi dưỡng bằng tinh thần dân tộc nồng nhiệt, thứ tinh thần mà lí thuyết lúc giận dỗi gọi là tinh thần dân tộc tư sản! Có sự bó gọn trong hoàn cảnh khách quan như vậy mới hiểu sự cần thiết liều lĩnh, phải đưa ra chính sách cải cách ruộng đất, nghĩa là đảo lộn nội bộ ngay trong thời kì chiến tranh tiếp diễn ác liệt để đem lại lời tự khen sự sáng suốt của Đảng. Vai trò của người Cộng sản Trung Hoa có tác dụng mạnh trong quyết định này, vai trò của một xứ làm khuôn mẫu phong kiến cho phương Đông với lượng nông dân tràn ngập đã làm nên cuộc cách mạng gọi là vô sản từ nông thôn sau khi nó đã thất bại ở các thành phố nơi nó phải xuất hiện đúng theo lí thuyết. Và sự trì trệ bắt đầu có căn bản vững chắc từ nền tảng xã hội đó với khung cán bộ lựa chọn theo tiêu chuẩn "ba dời bần cố". Đám tiểu tư sản, trí thức được đào tạo từ thành phố trở nên mất gốc, phải theo lí thuyết "ba cùng" đi chân đất, đầu phục giai cấp, thực ra là đầu phục sự lạc hậu thành hình. Cuộc hôn phối lạ lùng giữa lí thuyết hướng về tương lai và con đường thực hiện lún sâu vào quá khứ được diễn tả một cách điển hình với mẫu hồi ức trong phút giây giác ngộ – *illumination* của chủ tịch Hồ Chí Minh.

Giả định của anh giáo viên Tân An "Nếu cụ Hồ lập chiến khu ở miền Nam . . . " không thành hình được vì những điều kiện lịch sử - địa lí qui định. Vả lại, chuyện đã qua không dung chứa chữ "nếu". Một sự kiện lịch sử trần trụi là "Cụ Hồ" (đã) lập chiến khu tại miền Bắc" nên chúng ta bây giờ thấy được một quan niệm và tổ chức XHCN Bắc Kì chồng chất với ba mươi năm có tuyệt đại đa số trong vùng sống bên lề những thay đổi vào giai đoạn cuối của điều người ta gọi là gia tốc của lịch sử thế giới.

Bởi vậy người cán bộ kĩ thuật miền Bắc mới chê cái máy điện nhỏ có hệ thống kiểm soát tự động mà khen cái nhà đèn Chợ Quán, người cán bộ hành chánh chê cái lối "ăn một chỗ, ỉa cũng một chỗ đó" của cái cầu tiêu bên cạnh

phòng làm việc, phòng ngủ và những người bộ đội cất luôn cái nhà tranh bên cạnh doanh trại gạch ngói cũ, dùng làm nơi làm việc, noi gương Bác ở Bắc Bộ Phủ!

Người quản giáo của đội chúng tôi đã có lần bảo: "Các anh đừng có "sợ" Cộng sản. Rồi các anh sẽ thấy rằng sống dưới chế độ xã hội chủ nghĩa chẳng có gì khó khăn lắm đâu. Việc gì mà phải phiền phức lôi thôi nhu cầu này nọ như các anh! Làm việc ngày tám tiếng, cơm gạo than củi mắm muối đã có tiêu chuẩn nhà nước. Còn khi nào phải đi họp mà dổ lười ra thì bảo thằng Cu đi thay!" Vâng, đó là đời sống lí tưởng của một thứ công xã nông nghiệp. Nhưng chúng tôi lại thấy vừa đủ khó khăn trong khuôn khổ ý thức hệ lí tưởng ấy.

Nếp sống ồ ạt quen với sự thúc giục của xe cộ, của thời gian, chuyển qua thành sự ồn ào của tay chân quơ múa, bước đi vội vã, mắt nhướng miệng la, chúng tôi cũng đem nó vào trại thêm với mớ kiến thức khá cao riêng biệt của nhóm biệt phái. Tụ tập lại, ngồi chung ăn cơm, hút thuốc lào . . . thì thế nào cũng nổi lên cuộc tranh luận triết lí, văn chương, khoa học . . . ồm tỏi cả lên. Một hôm anh T. đưa cho tôi một rẻo báo *Sài Gòn Giải Phóng*, chỉ một đoạn *feuilleton*: "Này xem, bọn tù binh Đức giống y bọn mình . . . " Một buổi chiều, một con bọ ngựa cái rơi từ cây me xuống đất đương ngơ ngác thì lọt vào mắt xanh của một anh chàng chẳng có việc gì làm. Một tay góp ý: "Này, con này là con cái đấy, con đực nhỏ hơn, khi chúng giao hợp nhau xong thì thế nào con cái cũng quay lại ăn con đực". Cuộc tranh cãi nảy lên những cách giải quyết cũng dễ: bọ ngựa còn trên nhánh me thiếu giống gì! Thế rồi hai người ngồi xuống đất thả bọ ngựa vào giữa chờ xem kết quả. Vài ba người khác tham gia thành một vòng tròn lôi kéo thêm nhiều người khác nữa. Vòng trong vòng ngoài chen nhau, người ngoài lấn vào, người trong đẩy ra giành chỗ cho "giao" trường. Một anh quản giáo đi qua lên tiếng hỏi không được trả lời từ dám đông bận xô đẩy, bèn đưa cánh tay len vào – cũng bị hất ra như ai, nhưng cuối cùng thỏa mãn bèn tủm tỉm cười bước đi. Thật rất lâu mới đến hồi kết cuộc. Khi con bọ ngựa cái quay ngoắt lại táp con đực thì đám đông ồ lên như ong vỡ tổ. Người ta la, người ta hét, người ta vỗ tay nhảy cẫng lên . . . Hai vệ binh ở tiểu đoàn xách súng chạy xuống chỉ gặp đám khùng nhảy múa, hỏi

chẳng ai trả lời vì mắc cười!

Khi có việc lên tiểu đoàn (lãnh gạo, muối...), lên trung đoàn chúng tôi kịp nhận ra cảnh vắng lặng trái ngược bày ra trước mắt. Không phải cái không khí lặng lẽ của một nơi làm việc nghiêm túc. Vài người lính lui cui ngoài vườn tưới nước, xới cây. Đám anh nuôi lăng xăng qua lại nhưng cũng không nói một lời. Những anh trai tán gẫu cô thợ may mà như người thăm bệnh. Trong các phòng, họ xúm lại quanh tách trà, điếu thuốc lào, im lặng. Những người ngồi góc cột, dưới gốc cây, ngó vơ vẩn. Tất cả cùng ngồi một kiểu – kiểu nước lụt – hai chân co lên trên giường, trên ghế, trên đất với hai tư thế: hoặc là đầu gối quá tai như hai cái càng muốn che khuất cả thân mình, hoặc là chống trên hai bàn chân để bộ mặt nhô ra, nhưng tất cả đều có một vẻ gì gò bó muốn mình thu nhỏ lại chừng nào hay chừng nấy.

Cái lối sống đó đối chọi với của chúng tôi, nhưng tất nhiên lại là căn bản cho khuôn mẫu học tập. Sự sửa sai thường xuyên được nhấn nhủ qua các lần giao ban hoặc lên lớp. Tất nhiên trong cuộc sống ở đây, chúng tôi có buông thả hơn ngoài xã hội – tù mà! Nhưng những lời chỉ trích cũng toát ra một cái gì từ thứ lễ giáo đã qua không biết đến sự thay đổi của thời đại cũng như thực tế của chúng tôi "suốt ngày ở trần trùng trục như lai (nai)", gặp họ không chắp tay chào "cứ trương mắt ếch lên". Bọn thực dân đế quốc đã tung tiền ra biến các anh thành những con người mất gốc, không biết những gì tốt đẹp của truyền thống dân tộc, những gì quý báu mà ông bà ta đã tạo ra và tăng tiu gìn giữ nó. Phải tách rời những cái tốt đẹp, thân thiết đó các anh mới đang tâm dội bom xuống xóm làng, xuống đầu những người thân thích các anh mà không chút ân hận xót xa! Ừ, cũng đúng sách vở đấy, nhưng giá lúc nào anh gặp một tên cải tạo cũ được hắn về chơi nhà trong tư thế làm chủ bản thân của hắn, anh sẽ thấy hắn như thế nào. Trừ khi anh còn nhớ sách vở và hắn còn khinh ghét anh.

Bộ đội còn dạy chúng tôi cả cách đi đái. Bỏ ra ngoài tính chất hoàn cảnh ràng buộc thì đây cũng là một mối xung đột do sinh hoạt thành thói khác nhau. Họ không biết chúng tôi không ai mặc quần giải rút mà tất cả đều là dây thun, cho nên vào cầu tiêu một mình một cõi sao không tuột ra cho nó thong thả? Bây giờ bạ đâu đái đấy – đất rộng mà lại là tù mà! Vậy cũng cách

ấy mà làm, gặp quản giáo tới, luống cuống, xoay đằng nào cũng chẳng được, càng ngơ ngơ ra đấy – luống cuống không phải là sợ mà vì *ý thức có người lạ* như gái Thượng tắm gặp trai Thượng thì tỉnh bơ nhưng gặp trai Kinh thì leo lên bờ chạy trốn! Hành động như thế là mất dạy rõ ràng. "Thực dân đế quốc, lại cũng là thực dân đế quốc, dạy các anh trâng tráo, không biết xấu hổ là gì hết, ông bà mình xưa (!) làm việc đó một cách kín đáo, khuất lấp, vén quần che bẹn chứ có đâu như các anh bây giờ cứ tồng ngồng ra, chẳng văn minh văn hóa gì cả!"

Kinh nghiệm trực tiếp và những hiểu biết về sau sẽ cho chúng tôi biết và chứng kiến mức độ tàn bạo của họ được hướng dẫn bằng sự quá khích lí tưởng vượt ngoài những ràng buộc pháp lí thông thường. Lí tưởng cách mạng biện minh cho hành động đẫm máu đối với những kẻ tự nhận hay bị coi là kẻ thù – bị đặt bên kia biên giới của sự khoan dung. Nhưng con người ưu việt kia không được biết ranh giới ấy co dãn là chừng nào khi bước từ lí thuyết đơn giản qua cuộc sống phức tạp để từ đó thấy bộ mặt con người thù bạn cũng thiên hình vạn trạng, nay thế này mai thế khác theo đường lối, chính sách mang tính thực dụng đến ngỡ ngàng, quay quắt – hay chính sách đẻ ra từ những sai lầm ngớ ngẩn, ngu ngốc không được thú nhận. Chẳng thắc mắc nhiều, mà thắc mắc cũng chẳng được, về đường lối giai đoạn, các tín đồ mới chỉ có kẻ thù trước mắt, tức khắc, ở đó lí tưởng, hay nói đúng hơn, giáo dục lí tưởng là luật pháp đã trao quyền áp dụng cho họ. Vì thế chỉ đoành một phát là xong, là đủ.

Bởi vì thế đáng lẽ "bỏ đi", thì tên phản động một khi được chấp nhận trong vòng bao dung thì có thể hưởng sự chăm sóc đến thật là khó chịu vì ý tưởng hướng dẫn cải tạo là một thứ quan điểm tập thể công xã nông nghiệp viện dẫn ca dao tục ngữ "*Bầu ơi thương lấy bí cùng*". Nhưng được chấp nhận vào vòng rồi phải coi đó là một cái ơn cắn cỏ ngậm vành, từ đó phải học các câu: ". . . biết ơn Cách Mạng không những cho tôi mạng sống mà còn cho lẽ sống . . . ", phải được huấn luyện, giáo dục với nghĩa *dạy* và *dỗ "Thương cho roi cho vọt", "Nặng về giáo dục mà nhẹ về trừng phạt"*, đòi hỏi một sự chăm sóc đặc biệt, chi li j như câu chuyện đi đái trên – khiến chúng tôi cứ tưởng mình đang hưởng một chế độ kì mục mới mà các chức sắc thật tin tưởng vào nhiệm

vụ sắp xếp việc làng khi la rầy, sửa chữa sai trái của đàn em vào khuôn khổ... Và khi cần thì phải gay gắt, day nghiến như đối với trai bạn: "Thử nghĩ các anh đã làm gì để xứng với miếng cơm mà nhân dân, Cách Mạng đã cho các anh ăn hằng ngày?" Người ta chẳng có thể hiểu được hoặc chẳng cần chứng tỏ đã hiểu rằng sự cần thiết giam giữ chúng tôi có ích lợi như thế nào đối với chính quyền để chén cơm, miếng bột hàng ngày chỉ là những chi phí nhỏ nhoi, thảm hại...

Cái mới trong nền giáo dục đó là sự trở mặt bất chợt đến ngạc nhiên sững sờ! Một hôm chúng tôi được gọi lên lớp để nghe "lên lớp" về tội trạng không chịu giáo dục cải tạo. Một cái thế xa luân chiến dồn dập. "Tội các anh là tội bán nước, làm tay sai cho đế quốc cầm súng ngoại bang [AK?, B40?] giết hại đồng bào, tàn phá xóm làng... tội ác đến nước bể đông không rửa sạch, trời không dung, đất không tha... Thế mà nhờ ơn Cách Mạng khoan hồng, tuân theo di chúc của Hồ Chủ tịch, cho các anh đi học tập cải tạo để trở thành người dân lương thiện... thế mà các anh chối từ sự giáo dục của Đảng, âm mưu nhen nhúm chống đối [ở cái khối "những ông già..."?] hòng bẻ lạng chống trời..." Đang đà hăng hái, người quản giáo hằng ngày đối với chúng tôi rất thuần hậu, thân mật, bèn chỉ vào cái khẩu hiệu viết từ thời nào trên vách tôn: "Các anh âm mưu gì thế? Viết khẩu hiệu như thế là với ý đồ gì? Luyến tiếc quá khứ như thế có kết quả gì không?" Một không khí nặng nề theo chúng tôi về phòng. Thế rồi mới đó lại mềm mỏng, lại thân mật như không có điều gì xảy ra. Đến lúc nào thì bão tố trở lại? Sự giả dối thì ở đâu, lúc nào cũng có, nó gắn liền thành một với bản chất sự thật và xuất hiện để tôn xưng sự thật, nhưng khi giả dối đã trở thành tinh vi che khuất được sự thật thì tương quan xã hội kết tập vào đâu cho xứng đáng? Trong cái thế hạ phong "sinh mạng các anh ở trong tay..." như người vệ binh nói thì làm cách nào chúng tôi có thể nhìn qua những vẻ mặt hiền lành, lời nói ngọt ngào để biết ý định trừ khử chúng tôi? Còn nói rằng nhu cầu giai đoạn chưa cần tới mức độ trầm trọng đó mà chỉ có tính cách đe dọa, thì chợt vui chợt buồn, chợt giận chợt thân được tập thành một cách tự nhiên, tỉnh táo như thế thì cái khuôn mẫu con người mới ràng ràng trước mặt chúng tôi đó thật đáng thất vọng biết là chừng nào!

Đó là tất cả những gì chúng tôi học được về xã hội chủ nghĩa trong hình thức Việt Nam. Muốn hay không muốn không thuộc về người cán bộ giáo dục cũng không thuộc về chúng tôi. Giáo dục cải tạo, trong mong muốn của người chủ trương, được hình thành qua sự cưỡng bách và tự nguyện. Nhưng có lẽ người chủ trương có biết cũng không ngăn cản được, đó là còn có sự phản ứng, biểu hiện khác của tự do, ngoài tự nguyện.

Có điều là phản ứng chỉ là của cá nhân run sợ nên các buổi học thật tròn trịa, êm xuôi. Sự "thoải mái" đã thấy có. Những danh từ, ý niệm, cái gì rồi cũng quen, không phải quen với chân lí mới mà quen với những điều mình không cho là phải. Phát biểu suông sẻ, đỡ ngập ngừng hơn, những cái máy nói oang oang cũng không còn dấu vết gì là ngụy trừ sự chứng tỏ phát biểu chân lí Cách Mạng rành rẽ hơn người Cách Mạng. Những lời đấm ngực than van, ân hận thì vẫn như cũ, sự mạt sát đế quốc thực dân có cao giọng hơn và mối tin tưởng hi vọng có dài hơi hơn vì ghép thêm một tương lai thịnh trị của Việt Nam thống nhất trong cộng đồng nhân loại không giai cấp, không áp bức, nói tóm lại, người ta đã sử dụng sít sao những từ ngữ tuyên truyền đã thành nhàm nhưng vẫn là đúng với một thiên đường hạ giới. □

TRẦM PHỤC KHẮC

thù

*

Có gì dâu một mối thù
Ban mai mới ở thiên thu đã chờ
Âm vang cánh cửa thiên đô
Mênh mang một cánh hải hồ chao đi
Biển xanh tuổi ấy hài nhi
Bài ca ngư phủ tiếng chùy càn khôn

HOÀNG XUÂN SƠN

áo xuân xưa

*

vịn hờ
tay áo em
xưa
ngỡ chòm mây trắng
bay qua
vực hồng
có
đôi chim vợ chim chồng
hót tràn khe lãnh
rừng thông
nắng trào
ửng mùa xuân
tới
non cao
du hồn tiểu lụy
hóa vào
đại ân
chín rồi quả mộng trầm luân
áo em trắng giữa
muôn phần
cỏ
cây

hẹn cùng

*

hẹn cùng một buổi mai lên
dốc trời miên thẳm
hát rền
tiếng mây
ồ
sương dã kín
vai ngày
mà em vai cùng
buộc gầy
xương hoa
hẹn nhau
về độ giang hà
nghe hồn thuỷ mật
phù sa tuổi đầy
bãi dời
cho cánh thuyền say
hẹn
cùng trăng nữa
mai này
tịnh ân

cali, thuở ban đầu

Chúng tôi tới California một ngày hè 1977 với chiếc xe hơi méo mó và chiếc *trailer* sứt mẻ. Đã liên lạc từ trước, chúng tôi tới ở tạm nhà Lê Quý Biên ở đầu đường Hunter thuộc Midway City, cách Los Angeles khoảng 45 miles. Bà Hằng (vợ tôi) và các con ở một phòng trong nhà, tôi ở trong *trailer* có gắn máy lạnh.

Tới vùng Nam Cali này, chúng tôi đi hát ngay ở trường Đại học Long Beach. Rồi qua hát tại Denver ở tiểu bang Colorado do lời mời của anh bạn bác sĩ Trần Ngọc Ninh vừa vượt biển qua đây. Gặp nhau, chúng tôi mừng mừng tủi tủi, nhắc lại chuyện xưa, nhắc tới người bạn đã quá cố Nguyễn Đức Quỳnh với nhiều thương cảm. May mà anh Quỳnh mất trước 30-4, nếu còn sống thì hoặc bị cộng sản tóm được, hoặc phải sống lưu vong, chắc anh không có được cái chết bình thường như vào lúc anh trút hơi thở cuối cùng ở Sàigòn.

Biết thêm cảnh vật Nam Cali rồi, tôi còn có cơ hội leo lên miền Bắc Cali, trình diễn tại Sacramento (nữ sĩ Trùng Dương đi coi, nhưng có lẽ thấy tôi buồn nên không tới nói chuyện), San Francisco (nhạc sĩ Lê Văn Khoa bảo trợ) và San José, nơi được gọi là "Thung lũng hoa vàng" đang có thêm tên "Thung lũng điện tử". Người Việt tị nạn rất thành công khi đi vào nghề ráp máy điện toán ở đây.

Có thêm tiền và không muốn kéo dài sự ở chung, tôi mua một căn nhà cũng ở đường Hunter này (1). Đã có kinh nghiệm sống ở Hoa Kỳ qua mấy

lần thăm viếng, tôi chọn mua nhà ở đây vì nhà rất gần hai xa lộ 22 và 405. Nhà bưu điện, ngân hàng, chợ Mỹ chỉ cách nhà tôi khoảng một "mile", hằng ngày tôi có thể đi bộ ra những nơi đó. Sống tại Hoa Kỳ, có hai điều quan trọng: phải biết nhịn ăn và tiết kiệm tiền đổ xăng (2).

Thành phố mang tên Thị Trấn Giữa Đàng (Midway City) nằm ở ngay bìa của một ô vuông, bao bọc bởi đại lộ Bolsa, Magnolia, Westminster và Brookhurst. Cái gọi là khu Bolsa (trước khi được gọi là Little Sàigòn) nằm trong cái ô vuông này. Khi tôi vừa tới định cư tại đây, cái ô vuông đó còn là những vườn dâu xanh ngát, lác đác đây đó là vài ba khu tiểu thương mại Mỹ với khoảng một chục cửa hàng trong đó họa hoằn lắm mới có một tiệm ăn Việt Nam. Tôi không thể ngờ rằng chỉ trong một thời gian ngắn, khu Bolsa (3) trở thành *Little Sàigòn* với hàng ngàn cửa hiệu Việt Nam. Nhà tôi chỉ cách Tiểu Sàigòn một ngọn đèn đỏ, tôi có thể đi bộ giao hàng cho các tiệm bán sách, bán băng. Sự mọc lên của Thủ Đô Tị Nạn còn khiến cho giá nhà tăng lên rất nhanh. Mua căn nhà với giá 60.000$, nếu bán đi bây giờ, tôi sẽ được 120.000$.

Người Việt trên đất Mỹ ùn ùn kéo về vùng này mỗi ngày mỗi đông khiến cho khu Bolsa sẽ được gọi là khu "bon chen". Giới làm dịch vụ địa ốc là giới thành công nhanh nhất. Rồi tới các chợ bán thực phẩm Á Đông. Dịch vụ này nằm trong tay người Tàu, hoặc Tàu Chợ Lớn, Tàu Đài Loan, Tàu Hồng Kông hay Tàu Los Angeles, con cháu của người Tàu tới Mỹ trong thế kỷ trước để làm đường hỏa xa (4). *Little Sàigòn* ở không xa Los Angeles nên bị các lực lượng kinh tế kể trên chỉ huy. Nhưng nó chỉ là "little money" so với các khu chợ Tàu ở New York, San Francisco hay Los Angeles nên không xảy ra các vụ thanh toán đổ máu như ở các nơi đó. Từ ngày khởi sự thành lập cho đến khi bành trướng, *Little Sàigòn* chỉ bị sách nhiễu bởi một số thiếu niên du dãng Việt Nam do một vài cựu quân nhân học làm "bố già" giật dây nhưng bị cảnh sát địa phương và liên bang (FBI) dẹp ngay tức khắc.

Sống tại một nơi được coi như ổn định nhất trong các cộng đồng người Việt tị nạn, tôi hoàn toàn bước ra khỏi cơn chấn động hoang mang, chỉ còn một nỗi nhớ thương con mà tôi giải quyết bằng cách tiếp ngân đều đều để chúng có phương tiện vượt biên. Tôi còn phác ra kế hoạch cứu con qua hai giai đoạn. Trước hết đưa Duy Quang ra khỏi Việt Nam qua giải pháp đoàn

tụ với Julie đang ở Pháp. Khi ngỏ ý kiến với con dâu cũ ở Paris thì Julie đồng ý ngay dù hai đứa đã ly thân từ lâu. Một khi Quang đi thoát, Minh, Hùng, và Cường sẽ dễ xoay sở hơn.

Tại Midway City, ba đứa con nhỏ lớn dần, vùi đầu vào việc học hành hay vui chơi, tôi ít phải bận tâm đến chúng. Chúng chỉ thỉnh thoảng lâm vào cảnh sợ ma một khi vợ chồng tôi và Thái Hiền phải đi hát xa. Để thưởng công coi nhà, tôi tặng chúng đồ chơi đủ thứ. Những ngày không đi lưu diễn, Thái Hiền đến làm việc tại một cửa hàng chuyên gửi quà về Việt Nam, một dịch vụ càng ngày càng phát triển làm giàu cho ai biết khai thác. Tôi có nhiều thời giờ để gặp bạn cũ, có thêm bạn mới. Bạn cũ gặp nhau không còn ngượng ngùng như khi còn ở trại tị nạn. Các ca nhạc sĩ ở gần hay ở xa khu Bolsa là Nguyễn Đức Quang của Phong trào Du Ca, Hoàng Thi Thơ của *Trăng rụng xuống cầu*, Ngọc Bích của Kháng Chiến, Lữ Liên của AVT, Bùi Thiện, ca sĩ hồi chánh, Đỗ Đình Phương, rất giỏi về *guitare classique* . . . Ít người có thể hành nghề ca nhạc toàn phần như tôi. Người làm việc cho USCC hay YMCA, kẻ đi học nghề hay làm trợ giáo trong các trường có học sinh người Việt. Bạn cũ trong giới cầm bút có thi sĩ Cao Tiêu vào ngồi trong "sở mách việc", nữ ký giả Kiều Mỹ Duyên làm nghề địa ốc, Lê Tất Điều từ Bloomington (Illinois) đi tản về San Diego để sửa tàu biển cùng Phan Lạc Tiếp . . .

Sống đông đảo trong một địa phương, ngoài những định chế có sẵn còn có thêm bối cảnh mang màu sắc dân tộc như chợ búa, quán ăn, nhà thờ (người Công giáo lễ bằng tiếng Việt), chùa chiền (Phật tử sửa *living room* kiểu Mỹ thành nơi cúng Phật), tôi cảm thấy xã hội Việt Nam bị tan vỡ sau ngày 30-4-75 đang dần dần thành hình. Sự kiện năng gặp gỡ nhau là chất keo đầu tiên làm cho các mảnh vụn xã hội dính lại với nhau.

Trong số người mới quen như Hoàng Quốc Bảo, Trần Quảng Nam . . . tôi hay tới gặp Đông Duy, con trai của anh bạn già Hoàng Nguyên, cựu công chức lớn của Bộ Thông Tin thuở chúng tôi là người đồng sở. Đông Duy vốn là ký giả, nay trở thành chủ nhân một nhà in nhỏ và lập một cơ sở ấn hành lấy tên là Đông Phương. Anh là một trong những người đầu tiên tung ra sách báo Việt Nam ở Mỹ. Số ra mắt của tập san mang tên *Tin Văn* với chủ đề "Tháng Tư Đen" có bài bình luận chính trị của Tô Văn, nhạc của Trần Quảng Nam, thơ của Hoàng Khởi Phong . . . làm tôi có cảm hứng để soạn ngay một

bài hát có tính chất tuyên ngôn được dùng để đồng ca vào ngày dân tị nạn cùng gọi là Ngày Quốc Hận như ngày đất nước bị phân đôi vào năm 1954:

Tháng Tư Đen! Xin cúi đầu mình xuống Khóc quê hương, trói trong tay bạo quyền

Tháng Tư Đen! Ba mươi năm quật cường
Tan tành vì lọt vào tay đế quốc . . .

Bài hát mang tên *Tháng Tư đen* muốn ghi lại xúc động chung của người Việt tị nạn. Tên bài hát nhắc tới tên một tổ chức chống đối của người Palestine: *Black September*. Nó có cái mạnh của một tổ chức tranh đấu cùng mang phận lưu vong như Việt Nam này. Tuy nó nói tới sự đen đủi của số mệnh quốc gia, sự đen tối trong đầu óc mọi người nhưng nó có thêm cái bóng bẩy, cái đa dạng vì nó đưa ra những hình ảnh như:

Tháng Tư Đen! Xin cúi đầu một phút
Nhớ anh em, sống trong ngục trong tù
. . .
Tháng Tư Đen! Xin ngước mặt nhìn tới
Tới tương lai, tới quê hương vời vợi.

Nó không hẳn là cảm thức của một người, nó là chữ mới, ý niệm mới trước đây không có (ngày Quốc Hận năm 1954 không có thêm cái tên Tháng Bảy Đen chẳng hạn) bây giờ được đám đông cùng nghĩ, cùng chia sẻ. Nó là một thứ truyền cảm, một thứ keo sơn muốn thắt lại sự rời rã trước đây của cái trở nên Cộng Đồng Việt Nam:

Này người Việt ở trên thế giới
Nào cùng nhau họp chung khí giới
Cất tiếng đòi tự do cho triệu đồng bào ta
HÃY ĐOÀN KẾT LẠI!
Tháng Tư ơi! Hơn năm mươi triệu người
Như một người, phải thành công mới thôi!

Soạn ra vài ba bài hát được coi như phản ảnh những bước đi đầu tiên của tôi trên con đường tạm dung (hay con đường tự do cũng thế) tôi nhận được tin tức ở Việt Nam, trước hết là tin anh Vũ Hoàng Chương qua đời. Tôi sực

nhớ tới những câu thơ anh viết ra từ ngày mới rời Bắc vào Nam:

Lũ chúng ta lạc loài dàm bảy dứa
Bị quê hương ruồng bỏ giống nòi khinh

Ngày còn ở Fort Walton Beach, cũng như tất cả mọi người tị nạn, tôi đang bị tê liệt sau cơn chấn động. Đời sống riêng của tôi là sự hoang mang, đời sống chung của đồng hương là một môi trường không có gì giao thoa với nhau được cả. Ai cũng sống trong cảnh xa lạ, nhiễu nhương, tan tác. Nói tới chuyện lưu vong hay di tản, mọi người đều chưa thấy chiều hướng rõ rệt của nó. Có thể nói chưa ai nhìn ra và nói lên ý nghĩa của cuộc ra đi vừa vĩ đại vừa bi thương này. Lúc đó ai ai cũng chỉ có ý nghĩ trốn thoát cộng sản, chưa có ai xác định cuộc ra đi là chống cộng chẳng hạn. Trong tôi còn có cả ngàn mặc cảm. Tôi còn lẩm cẩm cho rằng có lẽ cộng sản đúng (vì chiến thắng), mình sai (vì phải bỏ nước ra đi). Câu thơ của anh Vũ Hoàng Chương sống lại trong tôi khi nghe tin anh chết. Trong hoang mang, tôi đặt câu hỏi vào câu tự thán của nhà thơ (5):

Có phải tôi là người quê hương ruồng bỏ?
Có phải tôi là người giống nòi khinh?
Có phải tôi là người quê hương nguyền rủa?
Có phải tôi là người giống nòi xua?

Tôi khẳng định ngay rằng quê hương và giống nòi không ruồng bỏ, khinh khi, nguyền rủa, xua đuổi tôi đâu:

Quê hương tôi ơi! Tôi sinh ra ở đây
Tôi lớn lên cùng với phận cỏ cây
Vững chắc như tre, đam mê như ngọn lúa
Tôi bám rễ vào nước mặn đồng chua.

Tôi phải bước đi vì những quyền làm dân đã chết trong tay quân gian tham độc đoán và tôi hẹn sẽ về giải phóng quê tôi.

Mai này tôi về cùng quê hương rạng rỡ
Mai này tôi về cùng với Tự Do
Mai này tôi về cùng quê hương đổi mới (6)

Mai này tôi về cùng giống nòi tôi.

Đến giữa năm 77 bỗng xảy ra những biến động cực kỳ to lớn (sau biến cố 30-4 mọi người vừa trải qua). Những biến động này làm thay đổi toàn diện thái độ của người lưu vong. Trước hết là phong trào *boat people*. Hàng ngàn rồi hàng trăm ngàn người Việt bỏ nước ra đi dù trải qua hai cuộc chiến dữ dội, nước Việt Nam trên danh nghĩa đã độc lập và thống nhất.

Phong trào *boat people* là hồi chuông báo động về sự vi phạm nhân quyền của Hà Nội. Sau ba năm cộng sản chiếm được miền Nam và trị dân bằng một chính sách vô nhân đạo, dù toàn dân phản đối nhưng không có tin tức nào lọt ra thế giới để tố cáo những trại cải tạo ở Việt Nam. Phong trào *boat people* với sự hùng vĩ và thảm thương của nó làm rúng động thế giới. Nó xảy đúng lúc Tổng thống Hoa Kỳ Jimmy Carter đưa vấn đề nhân quyền lên hàng đầu trong quốc sách Hoa Kỳ. Thế là ở Mỹ, cả chính phủ (Dân Chủ) lẫn dân chúng (như Joan Baez, Ginette Sagan và nhiều danh nhân khác . . .) sau khi mang nhiều mặc cảm vì Hoa Kỳ nhảy xổ vào Việt Nam một cách thiếu cương quyết rồi rút lui khỏi Việt Nam một cách nhục nhã và thiếu trách nhiệm, nay muốn chuộc lỗi xưa nên tất cả đều hăng hái giúp người vượt biển. Do sự vận động của Thượng Nghị sĩ Kennedy, Tổng thống Carter ký sắc lệnh cho phép 14.000 người vượt biển vào Hoa Kỳ trong mỗi tháng. Hoa Kỳ còn ra lệnh cấm vận cho Việt Nam khi Việt Cộng xâm chiếm Căm Bốt.

Với sự quan tâm tới nhân quyền ở Việt Nam, sự đón nhận rộng rãi thuyền nhân Việt Nam và với sự trừng phạt Việt Cộng của Hoa Kỳ, tôi thấy Nữ Thần Tự Do đã xoay nhìn về hướng Đông Phương như tôi từng van nài qua bài hát trên đường tạm dung rồi! Ai dám bảo (nói phét chơi) tượng đá không biết nghe bài hát nhỏ bé của một kẻ "du ca, di tản buồn cười" là tôi?

Đối với người Việt tị nạn, biến cố người vượt biển cho thấy một chiều hướng tất yếu. Đó là sự ưu thắng của chủ nghĩa cộng sản chỉ là nhất thời. Ưu thắng của cái gọi là yếu tố Việt Nam nhất thời bị thua thiệt nhưng chung cuộc nó có triển vọng thắng lợi. Tôi không cần viết ra đây những hành động nhốt quân nhân, công chức, trí thức, văn nghệ sĩ vào trại cải tạo, vơ vét tiền bạc của người dân qua những đợt đánh tư sản, đổi tiền . . . mà ai cũng biết. Một chế độ mất lòng dân như thế không thể tồn tại. Người dân phản đối bằng cách vượt biển ra đi, bất chấp hiểm nguy. Ra tới thế giới tự do, một người vượt

biển là một phòng thông tin tố cáo chế độ phi nhân của Việt Cộng. Liên Xô có Soljenytsyne để nói về *Gulag Archipelo*, Việt Nam có hàng triệu Soljenytsynes để tố cáo quần đảo lao tù.

Đang cần có một chủ đề để hành động, tất cả người Việt tị nạn ở trên thế giới ào ào tổ chức những công tác cứu nguy người vượt biển và tố cáo sự vi phạm nhân quyền trầm trọng của cộng sản. Cần nói tới một hành động điển hình nhất là một đám đông người Việt đi biểu tình ở Hoa Thịnh Đốn, trong đó có nữ tài tử điện ảnh Kiều Chinh, bị đau chân nên bỏ giầy đi đất. Trong đêm tối, tay cầm nến, họ tới tụ tập trước Tòa Bạch Ốc. Tổng Thống Carter ở trong Phòng Bầu Dục (Oval Room) nhìn ra ngoài thấy những ngọn nến lung linh giống như những linh hồn của những người chết trên biển! Tổng thống rất cảm động và hôm sau ký ngay sắc lệnh giúp đỡ người vượt biển.

Vượt biển! Thật là đúng với sứ mệnh của dân mình, vì chữ *việt* luôn luôn mang ý nghĩa *vượt*. Tôi còn cho rằng bức tường Berlin bị đập tan vào năm 1989 cũng do có phong trào *boat people* của Việt Nam đứng bên cạnh những phong trào đòi nhân quyền ở Đông Âu như Công đoàn Đoàn Kết Solidarnosc ở Ba Lan chẳng hạn.

Biến cố *boat people* đến cùng lúc với biến cố chia rẽ trong nội bộ Cộng Sản Á Đông qua hai cuộc chiến tranh giữa Hà Nội và Bắc Kinh, giữa Việt Nam Đỏ và Khờ Me Đỏ. Đã có mâu thuẫn trầm trọng giữa Liên Sô và Trung Cộng rồi, nay có thêm hai vụ đổ máu Việt/Trung và Việt/Miên, tôi nghĩ rằng ngày tận số của khối cộng sản không xa lắm đâu. Quả nhiên, giờ khai tử của chủ nghĩa cộng sản sẽ điểm vào đầu thập niên 90. Đối với thời gian của lịch sử, từ 1977 tới 1992, 15 năm có là bao?

Làm sao mà một nhạc sĩ đang đói đề tài như tôi lại có thể dửng dưng trước phong trào *boat people* được? Trong lòng đầy kính phục và thương cảm, tôi soạn bài *Hát trên đường vượt biển* hay là *Hát cho người vượt biển*:

Này đoàn người đang vượt biển Đông
Bé lì ti như chiếc lá trong rừng
Người liều mạng đang vượt trùng dương
Như hạt cát giữa sa mạc nóng
Đoàn người lũng đang vượt biển rộng
Mũi kim khâu ở đồng rơm khô

Này đoàn người đi tìm tự do
Muốn tìm người, thật là khó . ..
. . .
Này đoàn người đang vượt biển Đông
Kiếp mong manh như áng mây hồng
Người gửi mình trong lòng đại dương
Treo đời sống giữa hai sợi tóc
Người chập chờn như trời biển rộng
Đã bao lâu thành đám thây khô
Này đoàn người đi tìm tự do
Cứu được người, thực chẳng khó . . .

Trong khi tôi đang lạy Trời Phật, lạy Thần Biển, lạy loài người, lạy tổ tiên trong bài hát để xin tất cả ra tay cứu giúp bé ngây thơ trong bão tơi bời, giúp ông bà lão nghiến răng cầm lái, doái thương đôi trẻ mới se duyên phù hộ cho họ mau mau thấy đất liền . . . thì TRỜI ĐẤT ƠI! Các con tôi cũng đang lênh đênh trên biển cả!

Giấy bút đã không đủ viết ra sự thống khổ ngày xa con thì bây giờ tôi cũng không tìm đủ chữ để diễn tả niềm vui sướng tột độ của vợ chồng tôi khi nghe giọng reo mừng của các con trong máy điện thoại: Sau ba ngày vật vờ trên biển Đông, Minh, Hùng, Cường đã tới Pulau Tenga! Nhờ trổ tài "nhạc trẻ" để giải trí cho người tị nạn ở hòn đảo thuộc Mã Lai này, chúng được Cha truyền giáo ở trong trại cho ra thành phố và vào nhà thờ gọi phone cho bố mẹ. Các cụ có câu *phúc bất trùng lai, họa vô đơn chí,* nhưng vào hoàn cảnh gia đình tôi, cái phúc tới hai lần trong một lúc: Duy Quang cũng vừa tới Paris! Làm sao tôi không khỏi quì lạy ngoài dời từ Trời Phật, tổ tiên tới loài người như đã quì lạy trong bài hát *Cho người vượt biển.*

Cũng phải mất từ 4 đến 8 tháng mới hoàn tất mọi thủ tục đoàn tụ để mọi người trong gia đình tôi ôm nhau trong tiếng khóc tiếng cười, nhưng ngay từ cuối 77 qua đầu 78, tôi như rồng lại gặp mây, diều lại gặp gió, tiếp tục đi trên những con đường đã phác họa: con đường tự do ở hải ngoại với *tị nạn ca*, con đường mất tự do ở trong nước với những *ngục ca*. Rồi tôi còn thong dong đi trên con đường dẫn tôi tới những năm 2000 với *mười bài rong ca.*

Tóm tắt lại, biến cố *boat people* và vụ xua quân qua chiếm Cao Miên khiến cho thế giới chán ghét Việt Nam Cộng Sản, chính phủ Hà Nội bị cô lập hoàn toàn về chính trị và kinh tế khiến tôi hoàn toàn hết bi quan về thời thế. Sự đoàn tụ với các con khiến lòng tôi không còn một sợi tơ buồn khổ. Tôi là chim Quyên đã cấu cổ quyên sinh hay thổ huyết chết, nay tái sinh từ đống xương tro của mình, cất tiếng hát to như ngày nào hát trong *mười bài tâm ca*. Tiếng hát có được nhiều người nghe hay không, đó là chuyện khác.

*

Khi tôi trở thành kẻ lưu dân và tới sinh sống ở một nước được gọi là có nhiều cơ hội tốt (land of opportunities), tôi đã 55 tuổi. Tuy vậy, sau khi cơn khủng hoảng tinh thần đã qua, nếu tôi muốn hòa nhập vào xã hội Mỹ thì cũng dễ thôi! Tôi thừa sức để học nghề địa ốc, ráp máy điện tử, làm báo, dạy học hay bất cứ nghề nào khác, kể cả đi lái xe taxi như cái ông hoàng Nga trắng ở Paris sau ngày chế độ cộng sản được thành lập ở Liên Sô. Tôi cũng được anh bạn Mỹ John McCarthy ở Maryland giới thiệu làm giáo sư dạy nhạc (Professor-in-residence) tại một trường Đại học trong tiểu bang Maine, nhưng vì sợ cái lạnh chết người nên tôi từ chối. Tôi đã đi hát với ca sĩ Hoa Kỳ đủ mỏi trường chỉ là những *University tours* hay *Community tours* dành cho những nghệ sĩ còn trong bóng tối trước khi trở thành ngôi sao kiếm tiền bạc triệu.

Nhưng tôi quyết định chọn làm một ca nhân Việt Nam dù biết rằng sẽ gặp nhiều khó khăn trong sự hành nghề. Sau khi ban *The Dreamers* (gồm Duy Quang, Duy Minh, Duy Hùng, Duy Cường, Thái Hiền, có thêm Julie và Thái Thảo) tái xuất hiện tại Hoa Kỳ, ban tam ca *The PHAM DUY Family Singers* được cho nghỉ dài hạn. Tôi dành toàn thời giờ để sáng tác, sản xuất và phát hành băng nhạc, sách nhạc. Những nhạc tập mang tên *Hát trên đường tị nạn, Nghìn trùng xa cách, Người con gái Việt Nam da vàng* (trong cả ba cuốn đều có thêm lời ca Anh ngữ do một bà giáo Mỹ lấy chồng Việt là Mary Nguyễn sửa chữa giùm tôi) được tôi hoặc cơ sở Đông Phương của Đông Duy ấn hành. Hầu hết những *tị nạn ca* của tôi được cựu giám đốc cơ sở Shotguns Ngọc Chánh thu vào các chương trình cassette. Tôi mang ơn Ngọc Chánh suốt đời vì anh là người tổ chức cuộc vượt biên vừa rồi và cho các con tôi đi theo. Qua tới Hoa Kỳ, Ngọc Chánh lăn xả vào nghề phát hành băng nhạc trước khi bỏ nghề này mở nhà in Perfect Printing, nhà dancing RITZ . . . và cho tới bây

giờ vẫn là người thành công độc nhất trong giới mở *night club*.

Như đã nói ở trên, đã có những bài hát cho đời sống tự do của người Việt hải ngoại, tôi cũng phải soạn bài hát cho người mất tự do ở trong nước. Tuy nhiên cả hai loại ca đó đều là những bài hát *hoài hương*. Những bài viết trong giai đoạn đầu đều giống như bài *Nguyên vẹn hình hài*, có xưng tụng quê hương thì cũng chỉ là *ảo ảnh quê hương* hoặc nếu chứa đựng những cảnh thương tâm thì được tôi gọi là *ác ảnh quê hương*.

Theo gót những bài có tính cách tuyên ngôn như *Ta chống Cộng hay ta trốn Cộng, Có phải tôi là người quê hương ruồng bỏ giống nòi khinh* . . . tôi có thêm bài *Người Việt cao quý*, xưng tụng:

Ôi! Cao quý thay những mẹ già trên đường tị nạn
Dưới mưa phùn hay tuyết lạnh mùa Đông
Ở Ba Lê hay ở Nữu Ước
Mẹ đứng chờ gặp quân cướp nước
Để nhổ vào mặt lũ sài lang . . .
Ôi! cao quý thay những cha già đang ngồi tuyệt thực
Nhắc nhân quyền cho nhân loại phải nghe . . .
Lặng nghe đây tiếng người bất khuất
Từ hơn ba mươi năm về trước
Hiến đời mình cho nước Việt Nam . . .
Ôi! Cao quý thay những em nhỏ tay cầm ngọn cờ
Cờ da vàng với ba dòng máu
Máu Việt Nam đổi lấy Tự Do
Máu dân anh nhắc nhủ trẻ thơ:
ĐỪNG BỎ QUÊ TA!
PHẢI VỀ QUÊ XƯA!

Cuối cùng tôi xưng tụng:

Ôi! Cao quý thay những người Việt Nam sống ở nghìn phương
Vẫn còn nuôi tình tự quê hương
Nắm tay nhau trên đoạn đường trường
Hẹn mai về giải phóng quê hương
Bằng cả tình thương của đời Việt Nam!

Bài hát *Ta là gió muôn phương* soạn ngay sau đó và cũng có tính cách tuyên ngôn, khẳng định người Việt đã từ quốc gia vươn ra quốc tế rồi:

Ôi! Này hỡi gió lạnh, miền Gia Nã Đại
Phủ tuyết bốn mùa
Là gió cảm thù của người di cư
Ôi! Này gió sa mạc, miền Úc thưa người
Làn gió nung hồn, của anh với tôi.
Này làn gió Thu!
Bên bờ sông Seine, làn gió mát
Thổi lá chết, về nơi hóa kiếp
Ôi! Làn gió Xuân, về xứ anh đào
Rồi vượt sóng, ghé Hạ Uy Di, vút về Cali.

Rồi cuối cùng tôi cũng tuyên bố:

Ta từ cõi Nam Việt, làn gió lên đường
Để thoát gông cùm
Tự do vẫy vùng, thổi vào muôn phương.
Rồi gọi gió nhân loại
Về nước gió gào, cùng với gió Lào
Cuồng phong ngọn gió, quét sạch Cộng nô.

Những bài hát tuyên ngôn, tự tình hay hoài hương mà chỉ là ảo ảnh quê hương đều mang những ưu tư và khẳng định. Thi nhân Vũ Hoàng Chương vẫn còn ám ảnh tôi nên tôi soạn bài *Chỉ còn nhau*, câu đầu là thơ của họ Vũ:

Đôi ta mất hết, chỉ còn nhau
Chỉ còn trước sau
Niềm đớn đau với nỗi hận sầu.
Buồn thương lai láng như biển sâu.
Đôi ta đã mất cả mộng mơ
Chỉ còn xác xơ, hình bóng xưa,
Dĩ vãng mịt mu
Buồn như chiếc lá rụng, mùa Thu.

Tôi cho rằng còn nhau là chúng ta chẳng mất gì hết! Vấn đề đặt ra là liệu

chúng ta có ngồi lại với nhau hay không? Tôi van xin mọi người:

Ngồi lại đây, xin ôm chặt lấy
Bàn tay này chứa đựng hôm nay
Năm ngón gầy đưa nhau tìm lối
Năm ngón dài ve vuốt tương lai
Ngồi kề vai, hôn không từ chối
Vết thương lòng khép kín nghỉ ngơi
Rồi cùng đi xây duyên tình mới
Thế gian này sẽ bớt đơn côi.

Cuối cùng tôi khẳng định:

Ta chưa mất hết vì còn nhau
Còn cần khát khao, cần biết yêu
Biết giữ tình đầu
Tình hôm nay nối qua tình sau
Ta xây đĩ vãng của ngày mai
Bằng tình lứa đôi, dù ngắn hơi
Tiếng hát còn ngời
Tình ta như nắng mọc ngoài khơi
Ta chưa mất hết vì còn nhau
Cùng nhau nướng nấu trong ân tình sau

Với thói quen đưa nhiều nhân vật vào bài hát, bây giờ *tị nạn ca* của tôi lại chất chứa những hình ảnh mẹ già, con thơ, anh trai, chị gái trên đường tạm dung . . . hoặc các nhân vật như người rao hàng, ông bà hàng xóm, anh chiến sĩ say rượu cười vang, học trò, người già, em bé ở trong nước hay dưới chế độ hiện nay. Bài *Tiếng thời xưa* là bài hát nhỏ nhưng những tiếng nói, tiếng hát, tiếng động thân yêu xa xưa:

Có ai nhớ tiếng rao hàng buổi sáng?
Tiếng xe máy rú trên đường thành đô
Có ai nhớ tiếng chuông chùa đầu ngõ
Tiếng chim hót, tiếng học trò hò la
Có ai nhớ tiếng dế mùa nóng?

Tiếng mưa vỗ những mái nhà lợp tôn
Những câu nói tiếng cha mẹ tủ tốn
Tiếng đôi lứa, tiếng e thẹn chờ hôn
Giờ ở trong nước câm lặng tiếng rồi
Giờ ở ngoại quốc xa lạ tiếng người
Tôi thương nhớ lời nói
Của người yêu hờn dỗi
Lời mẹ tôi thường vỗ về tôi
Có tôi nhớ tiếng ông bà hàng xóm
Tiếng anh chiến sĩ say rượu cười vang
Có tôi nhớ tiếng bé đùa ngoài nắng
Tiếng êm ái, tiếng tôi gọi: Việt Nam

Bài này gợi lại những âm thanh của thủ đô miền Nam. Bài *Thương nhớ Sàigòn* soạn ngay sau đó gợi lại hình ảnh thành phố những ngày chưa bị thay tên, với cảnh đêm hỏa châu bay, chim đậu cột đèn, nắng sớm mưa chiều, đại lộ tươi sáng, ngõ vắng chiều êm:

Sàigòn ơi! Tôi thương và tôi nhớ
Tôi nhớ Sàigòn mà như nhớ người tình
Từng hàng cây lung linh, từng bóng mát
Tôi nhớ từng nhà, từng khu phố hiền lành
Từng buổi trưa đi trên đại lộ tươi sáng
Phố xá Sàigòn, rộn ràng mạch sống tưng bừng
Từng chiều êm yên vui về trong ngõ vắng
Gió mát Sàigòn mơn trớn tình nhân
Những đêm không trăng, soi hồn vào ngọn hỏa châu
Sớm mai xôn xao, chim đậu cột đèn gọi nhau
Tháng năm trôi mau, giữa Sàigòn yêu
Kỷ niệm thật nhiều
Cùng nắng sớm với mưa chiều
Sàigòn ơi! Yêu tôi xin chờ tôi nhé!
Tôi sẽ trở về để hôn những vỉa hè
Của Thành Đô, cao sang và say đắm

Chia sớt tủi hờn và xây đắp tình nồng
Sàigòn ơi! Dù có thay tên
Mà người yêu còn nhớ không quên
Chẳng bao giờ quên!

Cùng một lòng thương nhớ Sàigòn, trong thời điểm này, một số lớn thi sĩ, nhạc sĩ ở trong và ngoài nước như Nguyễn Đình Toàn, Nam Lộc, Hoàng Thi Thơ, Song Ngọc, v.v... cũng soạn ra những bài như *Sàigòn Ôi vĩnh biệt, Sàigòn niềm nhớ không tên, Sàigòn vĩnh biệt tình ta, Sàigòn bây giờ buồn không tên, Sàigòn của tôi, Sàigòn Ôi đã hết* . . . Tôi đã có lúc băn khoăn tự hỏi: tại sao mất cả nước thì không khóc mà lại chỉ khóc một thành đô? Về sau tôi mới ngộ ra rằng đó là phản ứng của nhân dân Việt Nam trước việc đổi tên Sàigòn bằng tên Thành Phố Hồ Chí Minh. Người ta có thể không đặt phần quan trọng vào việc thay đổi danh hiệu của chế độ dù người ta cũng đã nhạo báng cái tên "xã hội chủ nghĩa" bằng đủ mọi danh từ như xếp hàng cả ngày, xạo hết chỗ nói, xuống hố cả nút, v.v... Nhưng đổi tên Sàigòn là Thành Phố Hồ Chí Minh là một sự áp đặt bất chính, trịch thượng của kẻ chiến thắng bằng bạo lực. Giới soạn nhạc ồ ạt phản đối bằng những bài hát kể trên.

Tị nạn ca của tôi còn là những bài như *Dấu chân trên tuyết,* cái tên có lẽ là dư âm của bài *Des Pas Sur La Neige* của Debussy nhưng nội dung thì buồn lắm:

Dấu chân trên tuyết của một người lữ thứ
Như mờ chôn một quá khứ nặng nề
Dấu chân sâu đậm giữ nguyên niềm hờn tủi
Của một người xa nơi miền ấm, nắng vui
Dấu chân be bé của mẹ già xứ nóng
Sao buồn hơn một vệt bước trong bùn?
Dấu chân khô lạnh chứa muôn vàn khổ nhục
Của mẹ lìa con hay vợ lỡ xa chồng.

Đó còn là dấu chân tung toé của lũ trẻ thơ đùa rỡn . . . Nếu đó là dấu chân êm ái của vài lứa tình nhân, nó cũng không che lấp được nỗi sầu xa tổ quốc. Tất cả chỉ là dấu chân bạc phước của những người vắng quê hương . . .

Dấu chân trên tuyết của bao người xa xứ

Tan dần khi làn nắng ấm Xuân về
Nếu trên con đường đã mọc loài cỏ dại
Thì còn hằn in một vài dấu chân người
Thì còn trong tim ta, đậm dấu chân người.

Bài *1954 Cha Bỏ Quê – 1975, Con Bỏ Nước* nói lên sự mất mát to lớn của hai thế hệ người Việt khi phải chạy đi tìm tự do dân chủ:

Một ngày năm bốn, cha bỏ quê xa
Chốn đã chôn rau, cắt rốn bao nhiêu đời
Một ngày năm bốn, cha bỏ phương trời
Một miền Bắc tối tăm mưa phùn rơi.
Một ngày năm bốn, cha bỏ Sơn Tây
Dắt díu con thơ, vô sống nơi Biên Hoà
Dù là xa dó cũng là quê nhà
Và miền nắng soi vui gia đình ta.
Một ngày bẩy lăm, con bỏ nước ra đi
Hai mươi năm là hai lần ta biệt xứ
Giờ cha lưu đầy, ở ngay trên đất ta
Và giờ con lưu đầy ở đây trên xứ lạ.
Một ngày năm bốn, cha lìa quê hương
Lánh Bắc vô Nam, cha muốn xa bạo cường
Một ngày bẩy lăm, đứng ở cuối đường
Loài quỷ dữ xua con ra đại dương.
Bị ám ảnh bởi sự thay tên của Sàigòn, tôi có đoạn hát:
Một ngày bẩy lăm, con bỏ hết giang sơn
Hai mươi năm tình, yêu người, yêu cuộc sống
Giờ nơi nước mình, niềm đau thay nỗi vui
Sàigòn đã chết rồi, phải mang tên xác người.

Vẫn là một ước mong "qui về một mối" sau khi chịu cảnh tan tác chia ly:

Một ngày dĩ vãng, ôi gần hay xa
Đất nước hai phen chứng kiến bao chia lìa
Đời của cha, con: hai lần vẫy chào
Chào từ giã quê hương trong khổ đau

Đời hai lần: ta bỏ quê, bỏ nước
Phải nuôi ngày mai về ôm Tổ Quốc!

Không phải lúc nào cũng mở miệng ra là nói mất nước, mất hết, trong bài *1954 Cha Bỏ Quê Hương – 1975 Con Bỏ Nước* này, tôi nói tới chuyện phải bỏ quê, bỏ nước vì lý tưởng tự do, dân chủ. Tôi còn khẳng định không mất quê hương qua ca khúc *Quê Hương Còn Đó*. Và đó là *Niềm Vui* của chúng ta:

Ta không mất quê hương
Vì quê hương còn đó
Ta có xa cửa nhà
Là vì yêu đời tự do.
Quê Hương giấu trong tim
Hồn mang thêm tổ quốc
Ta sống nơi lưu đầy
Lòng ta vẫn không đổi thay.

Lòng yêu nước của ta không bao giờ đổi thay và còn được nuôi dưỡng thêm bằng Đức Tin:

Nam Mô Quán Thế Âm
Từ bi ngôi Bồ Tát
Lạy Đức Mẹ Ma-ria
Hiền hòa cứu nguy đời ta
Ta đi giữa đêm đen
Mà ta không lạc lối
Ta sống hơn mọi người
Vì lòng sáng ngời Niềm Tin.

Tất cả những *tị nạn ca* vừa kể đều được soạn theo âm giai Tây Phương. Tôi trở về với ngũ cung qua bài *Tình nhân loại nghĩa đồng bào*:

Trời cho anh được hơn muông thú
Sinh ra đời với kiếp con người
Trời cho anh bộ tim khối óc
Cho linh hồn, cho biết buồn vui

Mẹ cho anh còn hơn thế nữa
Cho tấm lòng không thiếu không thừa
Niềm vui hay niềm đau thấp thoáng
Anh yêu người, dun dế còn thương.

Qua bài này, tôi nhắc nhở những ai đang trong cơn khủng khoảng tinh thần hãy nên nhớ tới Mẹ Việt Nam, cội nguồn của chúng ta và cũng là cội nguồn của tình yêu và lòng tha thứ. Trong cơn thống khổ, nếu ta tìm tới yếu tố Trời, Phật để được cứu rỗi thì ta cần biết rằng yếu tố MẸ rất là quan trọng. Khi *Phật cho em bàn tay măng búp, xoa cõi đời chan chứa đau buồn. Lệ em rơi thập phương, muôn hướng* . . . rồi em nhìn thấy cõi trầm luân thì Mẹ *cho em nhìn thấy luôn cảnh đất nước hoang tàn. Mẹ ru em lời ru tranh đấu cho dân mình ra thoát lầm than* . . . Với những người đang cầm vận nước trong tay, và đang để cho nước nhà lâm vào cảnh nguy nàn, Mẹ mong họ có ngày biết rõ lỗi lầm, biết hối tiếc, biết khiêm tốn, biết đổi thay:

Người van lơn, lạy ơn Thiên Chúa
Ban cho người Bác Ái, Khiêm Nhường
Tình yêu thương nở trên thánh giá
Xin mang tội thế giới gần xa.
Mẹ xin cho người cầm vận nước
Hối tiếc vì đã rõ lỗi lầm
Gục đầu đi, mẹ cho khiêm tốn
Khiến giống nòi sẽ thoát lầm than.

Sau Trời, Phật là cuộc đời, nếu cuộc đời cho ta bàn tay sắt đá, với bước chân dài đi khắp cõi đời, và nếu của thiên nhiên, của chung không chiếm, biết chia nhau thì chúng ta sẽ sống bình yên. Sau tấm lòng, cái nhìn, sự khiêm tốn, Mẹ còn cho ta ngàn năm sử sách, nước non mình vào lúc nguy nàn. Bàn tay ta, cùng giơ tay nắm, thương nhau nhiều nên có Việt Nam . . .

Tóm lại, nhờ Mẹ mà chúng ta có "tình nhân loại, nghĩa đồng bào". Điệp khúc này được hát luôn luôn giữa những phiên khúc:

Tình nhân loại, nghĩa đồng bào
Chia cho nhau hột cơm manh áo

Tình nhân loại, nghĩa đồng bào
Tránh cho nhau máu chảy ruột đau.
Gọi nhân loại, cứu đồng bào
Đang kêu to: Tự Do yêu dấu
Gọi nhân loại, cứu đồng bào
Sống yên vui dưới mặt trời cao.

(Trích Hồi Ký 4)

Chú thích:

(1) Nếu đừng quá vội vàng, mua nhà ở đường Newland (bên cạnh Hunter) thì rất phù hợp với cảnh mình: đường Đất Mới trong Thị Trấn Giữa Đàng.

(2) Tham ăn là dễ bị cholesterol làm nghẽn mạch máu. Đi bộ nhiều tránh được chết non.

(3) Bolsa tiếng Mễ là buôn bán.

(4) Chưa kể Tầu Trung Cộng cũng có mặt trong các hoạt động thương mại, văn hoá

(5) Cũng như tự hỏi và tự đáp trong bài Ta trốn Cộng hay ta chống Cộng?

(6) Vào năm 1978 mà tôi đã nói đến quê hương cần phải đổi mới!

PHẠM VIỆT CƯỜNG

đầu mùa

*

Chia nhau một mối tình mê đắm
Cho cả trần gian u ám đau
Man dại đêm dâng như vực thẳm
Xao xuyến mùa mưa mới khởi đầu.

TRẦN HỒNG CHÂU

không sắc không hình

*

Anh đi về nắng thêu trắng khung trời tưởng tượng
không sắc không hình
giọt giọt tâm hồn
rơi vào cõi trống
tiếng ngàn xưa
mênh mông

Em có không?
luyến tiếc thành tượng
bỏ ngỏ tám hướng môi hồng giếng sâu ngọt bùi
bập bềnh niềm mất biếc
còn lại đây!

đêm xuân ngọt ngào sắc không tưởng
cánh én bay về mật ngọt núi đồi ơi!
mắt hỏa sơn rừng rừng tình mất hướng

Anh có không?
chết lặng
âm vang thiền đạo

hương chiều đi lãng
nhập miền thung lũng đa tình
nửa hồn Bến Mê . . .

thời gian đi vào chớp mắt em
không gian co mình bụi nhỏ
kiếp nào của ta đây
dù trong dù đục
chập chờn bước chân
Ta bà thế giới!
điểm di động trên vòng tròn
trọn vẹn
không trước sau
không bình minh chẳng hoàng hôn
vần xoay hay bất động
ngàn muôn hay chẳng lường nào
có hay không
từ đâu?
về đâu?

Anh và Em
niềm lãng quên không giới tuyến
Ta hãy ngủ một ngàn năm chớp nhoáng
cố nắm bắt một vì sao chối cánh chuồn chuồn tuổi ngọc!
lênh đênh một thuở luân hồi
vòng tròn nhân thế đổi dời cố nhân

CAO XUÂN TỨ

hỏi

*

lom khom lượm đóa cúc tàn
hỏi thăm nhụy phấn có quàng chút mưa
công viên còn sớm tinh mơ
bởi đâu về giữa phố trưa tiếng gà

phải đây chớm gió gọi mùa
con tim đen dỏ mở cờ xôn xao
buông tay tuột ngọn nắng đào
hỏi hồi chuông vọng cõi nào hư vô

nằm chơi vỗ mộng Trang già
nheo con mắt bướm thăng hoa bóng hình
hỏi ta phải kiếp đa tình
trèo lên cuống nõn cho mình nhột da

ngắn dài chi chút so đo
dấu son ngấn lệ nào khô ấm nồng
đã quên ngày mớm mơ hồng
đã xa từ độ bế bồng nhau đi

truyện ngắn **NGỰ THUYẾT**

khăn vắt lên vai

Khăn thương nhớ ai khăn rơi xuống đất
Khăn thương nhớ ai khăn vắt lên vai . . .
(Ca dao)

Tiễn anh tại phi trường, em lại nhắc anh: "Thế là xong nghe anh, anh đừng thư từ gì với em nữa. Lẽ cố nhiên là em cũng không bao giờ viết cho anh. Để cho mọi chuyện nó xuôi qua, níu kéo làm gì, thêm buồn.'

"Em nói bằng giọng khá bình tĩnh, mắt nhìn thẳng vào anh, chỉ một thoáng bối rối. Rồi em quay đi lẫn vào trong đám họ hàng, bạn bè ít ỏi của anh. Anh nhìn cho đến khi không còn thấy em nữa. Anh cố mang một vẻ mặt rất buồn khổ. Cô em họ đầy nước mắt đến bên anh an ủi. Dự, Tâm, hai người bạn thân, nhìn anh ái ngại. Thật buồn cười. Đầu óc anh rỗng tuếch. Anh muốn nói một câu gì cho 'phải phép', nhưng chẳng biết nói gì. Cười lảng. Rồi đến giờ phải vào phòng cách ly, anh vội bắt tay người này, người nọ, nói những câu từ biệt, nói như cái máy, chẳng biết nói gì, cảm thấy đôi mắt mở to của em lặng lẽ nhìn theo, mong vậy, muốn đảo mắt tìm mắt em, sợ lỡ không gặp, vội quay lưng về phía mọi người, đi chầm chậm vào phòng cách ly, ngượng ngùng, cứng nhắc. Vĩnh biệt em.

"Khi máy bay sắp cất cánh, khi đã ngồi yên trong ghế, cài nịt an toàn cẩn thận, anh cảm thấy buồn thật, không phải cố mang bộ mặt buồn rầu, còn làm bộ với ai đây. Tại sao anh không đảo mắt tìm em một lần chót, biết đâu bắt gặp mắt em nhìn theo long lanh vài giọt lệ. Nhưng lỡ em nhìn nơi khác nói cười tỉnh bơ? Tiếc làm chi. Giá mà anh nắm tay em thật chặt, rồi hôn em, như biết bao lần anh hôn em khi chỉ có hai đứa. Giá mà trong đêm cuối cùng trước ngày anh ra đi anh cứ nói rằng anh yêu em vô cùng. Nhưng để làm gì?

Đằng nào em với anh cũng không bao giờ gặp nhau nữa, chia tay nhau hành trang nhẹ nhàng, mỗi người đi tìm tương lai của riêng mình, anh nghĩ như thế, và em cũng cho là vậy. Anh nhớ lại câu em nói, 'Thế là xong nghe anh.' Nhưng có thật vậy không, chuyện chúng mình có thể nào kết thúc dễ dàng và dứt khoát như thế không em? "Suốt mấy tháng nay, ban ngày chạy cuống cuồng trước cuộc sống xa lạ và đầy đe dọa, anh quên em. Nhưng đêm khuya, em làm anh thức giấc, giật mình tưởng như đang nằm mơ ngủ trong ngôi nhà cũ của thành phố cũ, mơ hồ nghe tiếng rao quà vặt những buổi trưa vắng lặng, tiếng gà gáy lạc lõng nửa khuya, tiếng nước chảy rộn ràng trên máng xối giữa cơn mưa, tiếng chim cu vang vọng từng tràng ngơ ngẩn, bồi hồi, và tiếng gõ cửa của em tần ngần, rụt rè. Rồi anh ngủ tiếp, thức ngủ chập chờn có em đi vào giấc mơ. Anh là kẻ trốn chạy, em là quan tòa độ lượng. Anh làm người vong quốc, em làm quê hương, làm sợi dây cuối cùng ràng buộc vào mảnh đất anh không thể nào quên được. Anh không thể níu kéo một cái gì đây lại với anh, cho dù, như em đã nói, níu kéo chỉ thêm buồn. Buồn? Thà như vậy còn hơn nhìn tháng ngày trống rỗng nối tiếp nhau dài đằng đặc.

"Cho nên anh phải viết cho em. Nhưng viết để làm gì? Em đọc? Anh đọc? Và biết đâu chừng, một vài bạn bè quen biết hoặc một người lạ nào đó tình cờ dở ra đọc? Nhưng đọc để làm gì? Có lẽ anh không nên vội tìm câu trả lời. Có lẽ câu trả lời vội là anh sợ, sợ một ngày nào đó, nếu không có một dòng chữ nào của anh, em sẽ quên hẳn anh, rồi anh cũng sẽ quên anh luôn trên những miền đất lạ để biến thành hạt cát trong bãi cát mênh mông của những bờ biển lạnh.

*

"Mình quen nhau lâu quá, phải không em? Hãy bắt đầu quãng đời nào đây? Thôi em cứ để anh bạ đâu viết đó, sắp đặt cho có thứ tự làm gì những kỷ niệm đã chôn chặt trong tâm hồn. Và làm sao anh nói cho hết những gì đã xảy ra giữa hai đứa mình, buồn nhiều hơn vui. Hay để anh như con thú rừng ngửa cổ hú lên vài tiếng, dễ gì mong được hồi âm.

"Hồi đó anh mang cây đàn, nhưng nói chi chuyện đó, hồi đó lưng anh mang ba lô, tay ôm súng. Cởi bỏ bộ quân phục trong những lần nghỉ phép hiếm hoi để đi với em, anh lúng túng, ngượng ngập. Chắc em còn nhớ những chuyến xe đưa mình đi xa, những Phan Rang, Nha Trang, Ban Mê Thuột,

những Mỹ Tho, Bến Tre, Trà Vinh. Có một lần mình về Gò Công trên chuyến xe chật như nêm, chạy lắc lư qua những chiếc cầu ọp ẹp mang tên ngộ nghĩnh, cầu Nhị Thiên Đường, cầu Chà Và, cầu Mồng Gà, cầu Ông Thình; qua những vùng có tên cũng không kém phần lạ lùng, vùng Cần Giuộc, Cần Đước.

"Những bà già trầu buôn thúng bán mẹt không còn ghế ngồi phải ngồi bệt xuống sàn xe nhìn em tò mò, bao dung, nhìn anh lạ lùng, ngờ vực. Bỗng em thì thầm nói bên tai anh: 'Anh dám hôn em không?' 'Dám là cái chắc.' Em nhìn thẳng vào anh gần hơn, anh thấy rõ những hạt mồ hôi đọng trên trán em, những sợi tóc mai mảnh và vàng như râu bắp non dán vào bên má hồng như cánh hoa hồng. Anh làm sao cưỡng được. Mấy bà già quay mặt nhìn phía khác, em sợ sệt quay mặt tránh anh. Anh vẫn vậy, vẫn thường vụng về gây nên những tình thế bẽ bàng, khó xử, khiến cho em phải nhiều lần thở dài chịu đựng. Qua những quãng đường xấu để tiến về vùng Kinh Nước Mặn và Cầu Nổi, xe chạy tung bụi phủ đỏ những hàng cây bên đường.

"Rồi mình qua phà. Buổi chiều, mặt trời chìm một nửa xuống ngã ba sông mênh mông không bờ bến. Có tiếng súng nổ từng hồi. Nền trời xa đỏ loét chuyển sang màu tím thẫm in hình một chiếc trực thăng nhỏ như con chuồn chuồn đứng mãi trong không trung. Đêm xuống trên vàm sông gây gây lạnh, sóng vỗ vào mạn chiếc phà làm nước bắn tung ướt mái tóc em. Con phà bồng chốc lướt lên trên những hàng lục bình dày đặc bềnh bồng trôi xuôi dòng về phía hạ lưu. Bờ bến kia hiện ra dần. Những luồng ánh sáng đèn pha quét lên trên những hàng cây xanh đen mọc ven sông; vài ba con chim đêm hoảng hốt sải cánh bay mất hút.

"Em thở dài. Anh quay nhìn, hai hàng nước mắt chảy dài trên khuôn mặt em buồn rười rượi. 'Cô này hồi bé chắc là khóc nhè suốt ngày,' anh nói khoả lấp. 'Em, em, lần sau đi phép anh sẽ đưa em đi Long Xuyên, qua bắc Vàm Cống, nghe em. Long Xuyên đẹp lắm. Rồi mình tuốt lên Châu Đốc có thằng em họ của anh đóng quân trên đó. Em đừng lộn Vàm Cống với Vàm Láng.'

Đêm qua bắc Vàm Cống

Mối sầu như nước dâng (*)

"Anh nói lung tung, vong mạng, chẳng đâu vào đâu, miễn sao làm cho em hết buồn là anh dỡ bối rối.

"Anh vẫn thường vậy, vẫn thường đưa em đi kéo lê hết nơi này đến nơi

khác, lăng quăng chẳng biết phải đi đâu, nhọc nhằn, buồn tủi. 'Bộ em hết yêu anh rồi sao? Ngại đi hả em? Đi với anh đi. Lỡ ngày mai anh không về, anh nằm xuống, anh bỏ lại Charlie.' Rồi anh hát nhại, nham nhở, vụng về. Đó, cái lối tấn công của anh vừa vô duyên vừa hạ cấp như thế đó, không hiểu sao em vẫn yêu anh.

"Rồi nước mất. Rồi anh vào tù. Trước khi đi trình diện 'học tập cải tạo', anh nhớ được ăn uống với em một bữa thật linh đình. Em mời anh. Nhà hàng buổi trưa vắng vẻ, phòng ăn trống rỗng, khách đến ăn chỉ có hai anh em mình. Những chiếc khăn bàn, những ngày đầu ngơ ngác đó, vẫn còn trắng, bình hoa vẫn còn tươi, chỉ những người bồi bàn trông tiu nghỉu, uể oải. Đằng xa, xuyên qua mành cửa sổ, thấp thoáng bóng vài tên lính đội nón cối, mặt non choẹt, khoác tay nhau đi trên đường Hai Bà Trưng lặng ngắt, không một tiếng động cơ nổ, không một tiếng còi xe hơi. Áo quần em mặc toàn màu đen, mái tóc đen dài lẫn sau lưng. Anh nói đùa, lại cái lối nói lăng xẹt, em muốn đưa đám anh đó hả? Em có linh cảm rằng anh sắp chết? Hay đi biệt tích? Không sao đâu em. Chỉ mười ngày nữa anh sẽ về với em. Rồi mình tính chuyện mai sau, ra sao thì ra. Mình yêu nhau lâu ngày, hẳn thử xa nhau một thời gian ngắn như ngày xưa những lần anh phải đi hành quân, rồi sau đó mình lại gặp nhau trong những kỳ anh nghỉ phép, rồi anh đưa em qua những cây cầu, những chiếc phà, những bến xe, ghé qua những quán bên đường ăn chiếc bánh ú, uống ly chanh muối, hoặc nghỉ chân tại ngôi trường làng bị sập một chái vì những loạt đạn trái phá, ngôi trường nhỏ của những thời thơ ấu đã bén mùi chiến tranh lỗ chỗ vết thương, mái lá, nền đất, phên tre, buổi chiều quạnh quẽ. Rồi mình lại đi.

"Anh yêu em từ lúc em còn bé, từ lúc em chưa biết chờ đợi, buồn tủi là gì. Hồi đó em gọi anh là chú, nhưng anh vẫn gọi em là em, gọi ba má của em là anh chị. Ba má của em thỉnh thoảng nhìn anh khó chịu. Anh thường đến thăm em vào chiều thứ bảy, dạy kèm em làm toán, những bài toán hình học thơ mộng, vòng tròn biến thành hình trái soan, hình vuông biến thành hình chữ nhật. Thầy trò mình dốt ghê, hai ba giờ không giải nổi bài toán dễ. Em thường cúi mặt nhìn chân bàn, bàn tay cầm bút thẹn thùng, cho anh thấy rõ từng sợi lông vàng mảnh dẻ trên đốt ngón tay cuối cùng của em. 'Anh sao cứ nhìn em chằm chặp, mắt rừng rực như mất giặc.' Em bắt chước câu nói đó của ai vậy?

Những ngày đầu tiên đó, anh chưa dám rủ em đi ra khỏi nhà. Lần đầu tiên gọi điện thoại cho em, anh nghe tiếng em trả lời lạ hoắc, tiếng nói của em bên kia đầu dây nghe hoảng hốt như tiếng tim đập loạn.

"Ba má của em bớt khó chịu dần, nhưng anh không làm sao xưng hô cho phải phép. Mẹ em thông cảm mau chóng, không gọi anh là chú Hưng nữa, mà gọi anh bằng tên như khi gọi em. Em tập gọi anh bằng anh, bài tập khó khăn thay. Những bức thư tình của em nồng nàn, cuống quít: 'Sao chú bắt cháu chờ lâu quá vậy. Em nhớ anh lắm, nhớ nhớ nhớ anh lắm lắm lắm, chú Hưng ơi! Anh!' Anh trông thấy em lớn dần. Chiến tranh cũng càng ngày càng ác liệt dần. Anh vào lính. Bạn bè của anh, những người anh họ của em, cũng vào lính. Kẻ sống, người chết, số chết nhiều hơn. Cuộc chiến vô vọng nằm ngoài tầm tay của người lâm chiến, tương lai mù mịt, ngày mai của anh lại càng mù mịt hơn. Lỡ mà anh trở về tàn phế? Lỡ mà anh không về? Lỡ mà mình bại trận? Còn em thì vừa mới lớn lên đã phải đối phó cuộc sống đầy bất trắc bên cạnh anh của em kỳ cục, lừng khừng, hoang mang. Cuộc tình của chúng ta không lẽ dậm chân tại chỗ mãi, những chuyến đi xa như trốn chạy đâu có phải là cách giải đáp cho tình trạng bế tắc.

"Anh viết quanh co đến đoạn nào rồi? Anh vào tù. Ba của em cũng vào tù. Ba tuổi già sức yếu không chịu nổi gian khổ chết vào năm đầu tiên trong trại giam bị chôn vùi ở một góc rừng biệt tăm. Vâng, anh biết em khổ lắm dù em chỉ viết cho anh vài hàng báo tin. Em thương tiếc ba nói sao cho xiết. Rồi mẹ em biến thành người mất trí khiến cho em, cô con gái đầu lòng vừa mới qua khỏi tuổi hai mươi, đã phải gánh vác mọi việc trong một gia đình đông đảo. Ở trong tù, anh không thể nào tưởng tượng nổi em phải xoay sở làm sao để cho tất cả gia đình có thể sống qua ngày. Năm này qua tháng khác, ngày về của anh lùi mãi vào tương lai mịt mờ, và thư của em thưa dần như anh muốn thế, dù đôi khi anh tự nhủ: 'Còn gì thú bằng mình có một người con gái, ở một góc trời nào đó, chờ đợi mình đến phai nhạt dung nhan, mỏi mòn tuổi trẻ.' Bọn đàn ông như anh ích kỷ lắm, nhưng thôi, em đừng viết cho anh nữa. Em hãy quên hẳn anh đi, đừng thương hại anh, hãy thương lấy em, hãy chuẩn bị để một ngày đẹp trời lên xe hoa. Quả thật, suốt hai năm cuối cùng trong trại giam anh không nhận được thư nào của em. Rồi cũng quen, dần dần anh thôi không còn quay quắt đợi thư em, anh biến thành người khỉ ngu ngơ suốt đêm

lẩn lút trong những vạc tranh, lùm cây, đám tre, bụi cỏ, đâu dám nghĩ đến cô gái khuê các lượt là ngày xưa.

"Cuối cùng anh cũng được ra khỏi nhà tù sau hơn mười năm chuyển đi hết khu rừng này đến khu rừng khác. 'Thế là xong nghe em,' hai đứa mình hẳn đã có một cuộc sống riêng. Nhưng anh cũng phải gặp em một lần nữa xem sao.

"Gặp lại em lòng bỗng bồi hồi. Em im lặng nghe anh kể chuyện hươu chuyện vượn. Dường như em đã nghe nhiều người kể chuyện tù cho nên anh chưa dứt câu em đã tỏ ra thấu hiểu hết thảy. Biết rồi, khổ lắm? Không, em quan tâm thật tình, con mắt tò mò nhìn xuống bàn chân như ngày xưa, cho anh bạo dạn nhìn kỹ khuôn mặt em sau hơn mười năm xa cách, khuôn mặt có phần tiều tụy nhưng sao trông gần gũi, thân thương đến thế. Mắt của anh không biết có còn rừng rực lửa hay không nhưng em của anh thì vẫn đốt cháy tâm can anh. Anh biết rõ là em chưa có chồng, nhưng ai là người yêu của em đây? Đôi mắt em nhìn anh đôi khi lóe lên tia sáng nửa sung sướng nửa giễu cợt. Em có còn là em của anh không?

"Những ngày kế tiếp anh lại đến em, lòng lo ngại. Có nhiều lúc đang vui câu chuyện, em trở nên lạnh lùng, khó hiểu. Cuối cùng anh nói thẳng: 'Em không có bổn phận gì với anh cả. Nếu em thấy bất tiện, anh đi ngay.' Em im lặng. Và anh đi. Anh đi loanh quanh trên những con đường cũ mang tên lạ, qua những góc phố nghèo nàn, hỗn độn, gặp những đài kỷ niệm vừa mới mọc lên đánh dấu những biến cố tưởng tượng, ngớ ngẩn; anh đi giữa những đám người nhẫn nhục, phiền muộn, những đám người lo âu, nhớn nhác, những đám người bị tước đoạt cuộc sống một cách thô bạo, những cặp mắt căm hờn, những cặp mắt hoang mang, những cặp mắt tuyệt vọng.

"Anh đi trong nhiều ngày không gặp được một người bạn cũ nào, không tìm được một nơi nghỉ ngơi, lang thang, lạc lõng, quẩn quanh, rồi tự nhiên bước chân mang anh trở về ngôi nhà em ở. Em vừa mừng rỡ vừa oán trách: 'Sao lâu quá anh không ghé em?' Lòng anh đang nặng trĩu bỗng dưng như mọc cánh bay. Rồi mình ôn chuyện cũ. 'Thư anh gởi cho em càng ngày càng tàn ác, sao vậy, anh?' 'Anh muốn em quên anh hẳn. Em phải có cuộc sống của em chứ. Anh, hồi đó, coi như người đã chết.' 'Anh tin hay không tùy anh, nhưng em vẫn đợi anh về. Mà cho dù em không muốn đợi anh đi nữa, anh

thấy đó, em cũng chẳng còn quen ai.' Đại khái câu chuyện là như thế, chắc em còn nhớ.

*

"Mấy hôm nay thời tiết thay đổi, buổi sáng ngày vẫn đến sớm, buổi chiều đêm vẫn về muộn, nhưng không có những cơn nắng gắt. Cả bầu trời mây bàng bạc khắp nơi, gió gây gây lạnh như những ngày cuối thu ở Huế sau những cơn mưa dầm dài lê thê, như những ngày lập đông ở Sàigòn vào mùa lễ Giáng Sinh hay Tết Tây, như hôm em đưa anh về thăm quê em hơn một tuần trước khi anh ra đi. Quê em, ngã ba đường quốc lộ quanh quanh có hai hàng cây cao thân bạc trắng đứng mãi qua bao biến cố, con đường hẹp và thẳng rẽ vào quận lỵ hai bên rải rác xóm làng, chùa, miếu, có nhiều mai vàng vào mùa xuân, có tháp nhà thờ cao vút vươn lên trên những chòm cây xanh, nhìn ra phố chợ bên kia con rạch, và xa hơn là một nhánh sông Cửu Long rộng mênh mông ôm lấy cù lao Đồng Phú chạy dài về phía Vĩnh Long. Biết bao lần em nhắc nhở đến quê em trong câu chuyện của hai đứa mình, những quả cam ngọt, những trái chuối lạ, những nhánh mận đỏ mọng rũ xuống tận mặt nước của các con kinh dọc ngang tạo thành mạng lưới thủy lộ chằng chịt, những con nước lên nước ròng cầm chân du khách, và thậm chí, tận đáy sông cát trắng tinh cũng là nơi sản sinh của giống ốc gạo nổi tiếng.

*

"Thật khổ cho em của anh, đúng vào lúc mình khởi sự nối lại những ngày bên nhau sau bao nhiêu năm xa cách cũng là lúc anh em mình phải nhìn thẳng vào sự thật để đi đến một quyết định bức thiết: Ở hay đi?

"Cuối cùng em khuyên anh đi. Trong một chế độ hà khắc, tàn bạo, trị dân bằng sắt máu, dối trá, quỷ quyệt, những người như anh không thể nào sống được. Các anh là những cái gai cần phải nhổ đi, là những con cá nằm trên thớt chờ nhát dao chém xuống bất cứ lúc nào. Nhưng em thì sao? Em làm sao bỏ được mẹ già ở lại một mình, làm sao bỏ được nơi chôn nhau cắt rốn trong khi mấy em trai của em lớn lên trong tuyệt vọng, sống vất vưởng mỗi đứa một nơi, không có ngày mai. Em bảo em phải giữ lại một cái gì sau cơn thảm họa của đất nước. Anh biết em không muốn và không thể đi theo anh, vậy thì hai đứa mình lại mỗi đứa một đường. Ngày xưa anh đưa em đi những chuyến đi xa như muốn trốn chạy khỏi cái thực tại hoang mang, vô vọng. Ngày nay mọi

thứ đã kết thúc một cách bi thảm hơn sự chờ đợi của mình nhiều, anh lại trốn chạy, nhưng lần này không có em. Cuộc đời anh là một xâu chuỗi của những ngày hoang mang, trốn chạy, phải không em? Chắc em cho anh là một tên hèn nhát? Nếu em nghĩ như thế tức là em đã nghĩ đúng.

"Những lần vượt biên thất bại mất hết sạch tiền bạc, của cải, anh quay về em. Những ngày cùng quẫn không còn biết đi đâu, anh quay về em. Em đón anh bằng con mắt sáng rực để tối tăm dần, bằng nụ cười tươi thắm để héo hắt dần. Thôi em nên bỏ anh cho rồi, lần này anh không nói bằng thư như khi đang trong tù, mà nói trực tiếp với em. Chắc em còn nhớ em trả lời như thế nào: 'Anh muốn em đi lấy chồng thiệt hả? Nhưng có còn ai để mà lấy? Không lẽ anh muốn em lấy cán bộ? Mà có phải chỉ một mình em như thế này đâu. Bọn em, tất cả bạn bè của em, từ mấy chục năm nay, đều cùng một hoàn cảnh như em. Anh đã thừa biết như vậy, đừng vờ nữa. Anh cứ yên tâm ra đi. Nếu anh đi thoát, em sẽ lấy chồng. Em sẽ chắp nối với ông già người Tàu bán chạp phô ở căn phố trước mặt. Vợ con của ông đều đã đi thoát, ông tiếc cái cửa hàng nên chưa đi, cứ lấm lét nhìn em hoài, anh không biết sao. Hoặc là em làm lẽ một Việt kiều nào đó trong một thời gian vì em cần có tiền. Cũng may mà mình chưa có con với nhau. Em kiệt quệ rồi, và anh cũng đã biết thế.' Đúng vậy, anh biết chứ.

"Em nhìn thẳng vào anh nói một cách suông sẻ, gãy gọn những điều có lẽ em đã suy nghĩ nhiều, những điều hết sức hợp lý và cụ thể, nhưng vào lúc đó anh kinh ngạc đến sững sờ. Anh đã phản ứng một cách quái gở, nói những lời xúc phạm, và lần này thì đến phiên em ngạc nhiên nhìn anh như nhìn một người lạ. Anh ra về, lòng buồn bực, không trở lại thăm em suốt cả tuần trước ngày anh đi. Đêm cuối cùng anh đến thăm em mà cơn giận vẫn chưa nguôi, giận anh hơn là giận em. Mẹ em, người bé choắt lại như đứa trẻ, đón anh niềm nở, gọi anh là con một cách ngọt ngào, thỉnh thoảng cười ngớ ngẩn. Không như mọi ngày, mỗi khi có anh đến em dỗ dành và dìu mẹ vào phòng trong, lần này em để mẹ ngồi tiếp chuyện. Đôi mắt thâm quầng, hình dung tiều tụy hẳn đi, em đón anh bằng nụ cười hồn nhiên như những ngày em chưa yêu anh, không một lời trách móc, không một chút giận dỗi. Em giả vờ giỏi hay em đã tìm thấy sự yên ổn trong tâm hồn? Anh ra về lòng buồn bực hơn.

"Em bây giờ ra sao? Mấy hôm nay anh nhớ em ngẩn ngơ, quay quắt. Anh

như sống lại những ngày xa xưa khi anh còn trẻ, em còn bé, và anh thích thú được làm cho mình bé lại như em, khi em bắt đầu tập gọi anh là anh, khi anh có chiếc khăn tay đầu tiên trong đời do em thêu tặng có hai chữ H quyện vào nhau. 'Anh đừng nghịch. Để Hà thêu đi anh!' Nhưng bao nhiêu khăn em thêu một cách công phu để tặng anh, anh đều đánh mất. Có một lần em giận anh thật lâu vì chuyện đó và anh nói dùa anh sẽ không làm mất khăn nữa bằng cách cài nó lên cầu vai như cài huy hiệu cho thiên hạ tha hồ ngắm hai chữ H dan vào nhau âu yếm. Thật ra anh hay đánh mất vì anh không có thói quen dùng khăn tay, không biết để chiếc khăn vào túi nào cho gọn, 'Ăn xong quẹt mỏ như gà', nhưng em cho là anh coi thường kỷ niệm của em, và em khóc nghẹn ngào. Tình yêu của mình ghi dấu tiếng khóc thơ ngây lần đầu vào dịp đó, và cũng vào dịp đó anh dỗ dành em bằng cái hôn đầu tiên của hai đứa. Anh đánh mất hết. Xa em vĩnh viễn, anh không còn giữ lại được gì. Phải chi anh còn có một chiếc khăn tay.

"Những kỷ niệm đầu tiên đó sống dậy nơi anh như những mầm, những nụ mọc đầy trên cành cây bên hông nhà hôm qua còn trơ trụi, như tình quê hương dâng lên dào dạt trong lòng người đàn bà xa xứ hơn hai mươi năm. Để anh kể chuyện về người đàn bà đó cho em nghe nhé, em cho phép anh giấu tên. Bà ấy hơn anh độ năm, sáu tuổi, có chồng người ngoại quốc đã ly dị, có hai đứa con đã vào đại học mỗi tháng về thăm mẹ một vài lần. Bà là chị người bạn của anh, người bạn tử trận vào mùa hè 1972. Tình cờ gặp anh tại thị trấn khá tịch mịch này, bà vui mừng vô hạn, hỏi thăm hàng trăm chuyện ở quê nhà, quấn quít bên anh một cách thành thật và cảm động, và mời anh về ở chung như một người em, như một người đồng hương thân yêu, để anh có được nhiều tiện nghi, để bà dạy anh thêm tiếng Anh. Anh chưa biết rõ nếp sống bên xứ này ra sao, nhưng có lẽ anh sẽ dọn về nhà của bà ấy, và biết đâu, Hà của anh, Hà xa xôi ngàn trùng mà anh không thể nào quên được, anh sẽ lấy người đàn bà ấy, hay một người Mễ, một người Đại Hàn, hay một người ngoại quốc nghèo khó nào đó, ở một góc trời nào đó, trong một thời gian rã rời nào đó. Rồi hình ảnh của em có mờ nhạt dần hay không, rồi sợi dây nối liền anh với quê hương có đứt đoạn hay không, để anh trở thành hạt bụi trong cơn gió mù khơi. □

(*) Thơ Tô Thùy Yên

TRIỀU HOA ĐẠI

khói sương

*

Cùng ta một buổi chiều
phai
đong đưa
bước chậm
dẫn người về đâu
đêm xanh, chẳng tỏ
mặt nhau
dời xô, cửa sập
một màu
khói sương

rừng chiều

*

Chim xa nhớ nắng
tìm về
hót vang lời
ngọt
rủ rê gọi lòng
rừng chiều
du diểu buồn không
bụi lầm
lấp loáng, chập chùng
bủa vây
hồn ta
thấp thoáng mưa bay
nơi nao sẽ
giạt
cuối ngày hoàng hôn

LA TOÀN VINH

không đề 2

*

đêm nằm
trên cõi
mênh mông
đong đưa giấc mộng
tay không
gối đầu
trăm năm
còn
chẳng
bao lâu
phù sinh
về
lại
một màu
chiếu chăn
ngẩng đầu
mời
gọi
ánh trăng
đêm luyến diệu ấy
bao lần
ra đi...

HOÀNG CHÍNH

gọi tôi, biển quặn sóng ngầm

Gọi tôi,
tiếng thở dài người
đêm chăn gối lẻ chôn vùi tuổi xuân.
Gọi tôi,
ánh mắt ân cần
cái xa vắng cũ, cái ngần ngại xưa.
Gọi tôi,
câu nói đong đưa
cái trăng đọng vũng hiên mưa bóng gầy.
Gọi tôi,
gió vướng vào mây
trăng gài trong tóc
tóc bay cuối đường.
Gọi tôi,
cái nhịp thất thường.
Trái tim
ấm bếp lửa hồng
trăm năm.
Gọi tôi,
biển quặn sóng ngầm.
Chân quen
lại những bước lầm lỡ xưa.

truyện ngắn **NGUYỄN THỊ THANH BÌNH**

kẻ mất tích

Người đàn ông ngồi bệt trước thềm nhà, hai mắt dán chặt vào tờ giấy màu trắng. Ông ta có vẻ say sưa như đang đọc một trang thư. Nghe tiếng mở cửa và vừa thấy bóng dáng người đàn bà, ông ta luống cuống đứng dậy. Hai tay ôm giấu tờ thư trước ngực. Điệu bộ như đang lén lút một điều gì và bị người ta bắt gặp quả tang.

"Cô . . . cô là Du?"

"Vâng, ông biết tôi?" Người đàn bà trẻ tên Du tròn mắt.

"Không . . . không. Tôi không biết cô. Tôi không biết tôi. Tôi đâu biết ai đâu." Người đàn ông trả lời lừng khừng.

"Ông không biết tôi nhưng ông vừa hỏi tên tôi." Du nhăn mặt, buồn cười.

"Tôi không còn nhớ tên mình nữa, vậy mà tôi vừa nhắc đến tên cô thật à?" Người đàn ông vừa gãi đầu vừa cười hăng hắc.

"Ông này kỳ. Không phải ông đang định kiếm ai? Nhà bên cạnh cũng là người Việt. Hay là ông qua đó thử xem. Tôi phải đi làm bây giờ."

Du nhìn vào vũng mắt sâu thất thần của người đàn ông và bỗng thấy thương hại vô cớ. Mặt mày ông ta nhợt nhạt, xanh xao như đã ngồi quá lâu dưới sương mai. Cái *jacket* phong trần chắc không đủ ấm cho tấm thân bệnh hoạn ấy. Tội nghiệp người đàn ông quá, Du nghĩ. Nhưng nàng cũng không muốn đến sở trễ.

Người đàn ông bối rối lảng tránh cái nhìn của Du. Ông ta ngửa cổ nhìn trời nói lẩm nhẩm. Du đi nhanh ra xe, vờ không nghe rõ. Người đàn ông sững sờ đưa tay lên vẫy. Hình như ông ta còn đứng nhìn theo cho đến khi chiếc xe

Du chạy khuất.

Du lên xe, mỉm cười chào chiếc máy *cassette*. Du vẫn có thói quen xem nó như một người bạn đồng hành thân thiết. Con đường đến sở dài bốn mươi phút nhờ nó vỗ về được thu ngắn lại. Nhạc, nhạc. Du luôn luôn khát nhạc. Không có nó chắc Du khô héo mất. Du sẽ không biết tìm đâu ra niềm an ủi. Đi đâu, ở đâu Du cũng khát khao nó. Đến nỗi Du luôn mường tượng nó ở xung quanh Du. Có khi nó là giai điệu du dương của rặng phi lao. Có khi nó là tiếng gào cuồng dại của sóng biển. Vâng, có khi nó đích thị là tiếng chim hót mỗi sớm mai. Nhạc, Du thầm cảm ơn đất trời và đời sống đã cho Du những cảm nhận này. Ai không cảm nhận được quả là một bất hạnh lớn. À, trước khi Du ra xe, người đàn ông vừa hỏi câu gì nhỉ? Ồ không, ông ta lầm bầm với thiên nhiên ấy mà. Ông ta cũng không có vẻ cố ý nói cho Du nghe. Ông ta ngửa cổ khen trời xanh hôm nay đẹp quá. Điệu bộ trân trọng buồn cười làm Du liên tưởng đến thế giới của những người quanh năm không thấy trời xanh. Những người bị giam giữ tù túng, thèm khát từng thước ánh sáng, từng khoảng trời xanh . . .

Trời xanh là biểu tượng của tự do. Người ta thường chỉ khám phá ra được vẻ đẹp ấy khi đã lỡ đánh mất nó. Một chút nắng vàng, một mảng trời xanh thường chẳng nghĩa lý gì khi người ta vẫn còn bắt gặp, ngắm nghía nó bất cứ lúc nào. Du chợt rùng vai khi nghĩ rằng nếu chẳng may Du bị giam giữ, bị mất những thứ này đi.

Chao ơi, đột nhiên Du muốn nghỉ làm. Trời xanh hôm nay đẹp quá, đi làm không phải là điều uổng phí sao? Bỏ, bỏ hết. Du muốn hất tung những trật tự cũ mèm, chán ngắt của đời sống. Du chỉ xin trời đất bố thí lại cho mình một chút nắng đẹp như hôm nay. Là đủ.

Nắng, hình như cả tháng nay trời xanh mới chịu rải xuống cho Du một chút nhụy hoa. Trước cửa kính xe Du, chút nhụy hoa ấy nghịch ngợm, nhảy tung tăng. Có khi nó kết lại thành từng dải mỏng mảnh lụa là trong mắt Du. Du thấy nắng rủ rê Du bỏ sở làm hôm nay. Du muốn biến thành gió mát để bay theo nụ cười rạng rỡ của nó quá đi mất. Du vừa chợt nghĩ có thể mình đang vay mượn đời sống những thứ không cần thiết mà Du cứ phải hụt hơi, mệt mỏi tìm cách trả nợ mỗi ngày. Sáng xách ô đi, tối xách ô về; những thứ khuôn rập như những liều thuốc đắng mà ai cũng phải uống mỗi ngày dù

bệnh không bao giờ thuyên giảm. Trái lại Du nghĩ, chỉ có cách là bỏ hết những thực hiện này thực hiện nọ, bỏ tuốt những vướng mắc bắt buộc thì may ra Du mới hết bệnh. Du bắt đầu mất hết kiên nhẫn và nghị lực để tiếp tục nốc vào những viên thuốc đắng ấy. Bệnh càng ngày càng trầm kha thế này thì chết héo chết úa thôi.

Cách hay nhất là Du phải biết chìu mình trước hết. Muốn nghỉ hôm nay thì cứ nghỉ. Chẳng có gì quan trọng lắm đâu. Cứ lo lắng như điên, cứ kéo cày như khùng, Du bỗng tội nghiệp mình chưa hề có một chút tự do nào cả. Tôi phải sống lấy cho đời sống của chính tôi chứ, sao lại để một thứ máy móc nào đó sống thay đời mình? Mọi chướng ngại đều do ta xây lên, không nên đổ lỗi cho người khác, cho đời sống. Du ngạc nhiên thấy mình bỗng phơi phới hồn nhiên như chưa bao giờ! Trời đẹp, tôi muốn bay thì cứ tự do bay. Hãy xô ngã những lằn ranh, những giới hạn, những điều kiện, những định luật, những khuôn thước, những cũ mòn . . . để tạo nên luồng khí bay. Du thú vị nghĩ mình sẽ sáng tạo ra một cách bay không giống ai cả. Tuy vậy, ai cũng có thể bắt chước Du để bay như thế. Có gì đâu, tâm tình mình là cánh. Cứ bay lên đi. Tự do. Vô hình. Phóng vượt. Cuộc đời sẽ nhộn hơn vì những bất ngờ bay bổng ấy, phải không? Du mỉm cười nghĩ, sao tôi hay lý luận nhảm, trong khi lẽ ra Du cũng không nên nghĩ đến một điều gì cả. Thật là chán hết sức. Khi không Du bỗng nhớ mình vừa quên tắt cái bàn ủi. Biết đâu lúc Du trở về, căn nhà đã biến thành đám tro tàn gạch vụn. Lẽ ra Du không đến nỗi vội vàng như vậy, nhưng Du vừa nghĩ đến chồng thư . . . tình. Du tiếc công Viễn đã say sưa viết cho Du những bức thư diễm lệ. Du vừa quay xe về nhà vừa hát nhại theo máy *cassette* một bài hát không mấy vui của T.N.S. Hóa ra Du vẫn quen nghe toàn những băng nhạc não nùng. Điều khám phá làm Du hơi khó chịu.

Không sao, có thể lát nữa Du sẽ đi mua một vài băng mới. Với Du, mọi sự như muốn được thay đổi. Dẹp cất những bài ca, những tiếng hát não nùng vào một góc tối nào đó chỉ là một thay đổi nhỏ.

*

Vừa về tới nhà, không biết gió từ đâu bỗng nổi lên tới tấp. Gió hất bay sự dịu dàng của bầu trời khiến những đám mây bắt đầu xịu mặt. Gió nghịch

ngợm đổi chiều phá phách. Gió băng băng nhà hàng xóm làm rạp mình cây cỏ trước vườn. Người đàn ông lúc nãy vẫn ngồi bất động trước hiên nhà Du. Hai mắt ông ta chợt ánh lên khi thấy Du trở về. Hình như ông ta cười nhẹ với Du. Hoặc biết đâu là với khoảng gió vừa chờn vờn trước mặt. Ngộ chưa, gió đang dồn tóc ông ta về một phía như tóc con gái. Du nhận ra tóc người đàn ông để dài quá. Bao lâu, bao lâu rồi ông ấy không chịu cắt tóc nhỉ? Râu ria tua tủa nữa kìa, coi bộ . . . rừng rú ghê. Du cười thầm: mình có vẻ để ý đến ông ta nhỉ?

Du đi ngang qua chỗ ông ta ngồi, kêu lên không ngờ:

"Tôi tưởng ông đi rồi chứ!"

"Không. Đi sao được! Cô cũng thế. Tôi biết là cô sẽ về ngay mà."

Người đàn ông nhìn Du, hai con mắt thu hút kỳ ảo.

Du trả lời, cảm thấy giọng mình mềm đi khác lạ:

"Ai bảo ông khen trời xanh hôm nay đẹp quá làm chi. Tự nhiên tôi cũng nghĩ như ông thôi. Tôi tiếc là mình đã đánh mất hoặc không nhận ra không phải chỉ một buổi sáng mà nhiều buổi sáng mai đẹp như thế này. Uổng!"

"Tôi xin lỗi đã vô tình xúi cô bỏ làm hôm nay." Ông ta cười như hoa. "Không phải tôi dễ nghe lời xúi giục của ông đâu nhé." Du vênh váo.

"Tôi đâu xúi cô. Tôi chỉ chuyện trò với mình. Nếu cô nghe được và cảm thấy thì cũng tốt thôi." Ông ta trầm giọng, vừa ngậm ngùi vừa vuốt ve những khắc khoải vô hình nào đó.

Du mỉm cười, hốt đứng vui sướng như mới bắt gặp một điều gì tưởng không bao giờ có trong đời:

"Hình như ai cũng có lúc lầm lạc, không để ý hoặc hoài nghi bầu trời xinh đẹp trên cao. Bầu trời có thật đấy chứ, xinh đẹp rành rành thế kia. Sao phải đợi có một người nói ra thì người kia mới phát giác được sự tốt lành ấy ông nhỉ?"

"Cũng không sao. Coi như cô đã phát giác kịp thời. Thường người ta chẳng mấy yêu thích hay nhìn thấy rõ bầu trời cho đến khi mình lỡ đánh mất nó đi, cô ạ. Thử coi, nếu cô hay tôi bị giam giữ ở một nơi nào đó. Vâng, nếu chúng ta không được nhìn thấy bầu trời ít lâu, chắc hẳn khi được bước ra ngoài, chúng ta sẽ thấy ngay bầu trời trong lành và tươi đẹp biết bao. Dễ nhận lắm, lúc đó . . . "

"Chữ nếu của ông cũng có vẻ thú vị lắm đấy. Bí mật của cuộc sống chắc cũng chỉ nằm trong chữ nếu mở đầu ấy." Du mỉm cười, tra chìa khoá vô cửa.

Người đàn ông đứng lên, chỉ tay về phía cây cối rung rinh trước mặt:

"Trời gió quá. Ước gì mình cũng được bay như gió, cô nhỉ?"

"Sao ông nghĩ giống tôi vậy. Hình như có lần tôi cũng ước như thế. Nhưng bây giờ thì tôi nghĩ khác rồi. Vào trong nhà mình cũng có thể bay được vậy. Cần gì phải có một khoảng không thênh thang như ở ngoài này mới bay được hả ông?"

"Thì cô vào đi. Khi nào thấy không bay được nổi ở trong thì chạy ra ngoài này với khoảng trời mênh mông nhé. Bảo đảm ở trong đó cô chỉ mới bay được quanh quẩn trong tâm hồn. Phải ra ngoài này, phải thấy sự kỳ diệu của ánh sáng, phải thở với không gian phóng khoáng cô mới thấy "thoáng", thấy lên cao được."

"Ông làm như vào trong thì tôi bị gẫy cánh hoặc phải tìm cách xếp nó lại trong một xó xỉnh của tâm hồn. Hôm nay ở đâu tôi cũng nghĩ mình cũng bay được cả. Điều quan trọng là tôi có muốn đủ hay không thôi."

"Cô nói hay nhỉ. Cô không biết chứ, có dạo cánh tôi chưa mỏi, tôi muốn thử bay một phát cho vui đời mà không tài nào bay nổi đấy cô ạ. Mà thôi bây giờ cô vô đi. Tôi không nghĩ cô muốn mời tôi vào đâu."

"Dĩ nhiên rồi. Dù ông ăn nói có vẻ đàng hoàng, ông vẫn là người đàn ông lạ mặt."

"Vâng, coi như mình mới gặp nhau lần đầu. Có thể tôi đã tưởng lầm quen cô ở đâu đó. Một người ăn nói không đầu không đuôi, vô trật tự như chính bản thân hắn mà cũng được cô khen đàng hoàng à?"

"Sao lại coi như? À, tôi nhớ rồi. Thảo nào ông còn biết tên tôi." Mặt Du bỗng trở nên ngờ nghệch.

Gió lại nổi lên. Cánh cửa Du vừa mở vụt đóng sầm lại. Du có vẻ giật mình, rùng vai như mèo con ướt lạnh. Người đàn ông mỉm cười, nói bâng quơ:

"Thôi cô vào đi kẻo gió. Trời mới nắng đẹp tức thì lại bốc đồng muốn mưa, muốn gió nữa rồi. Chán chưa chứ. Thôi cũng đành. Cái đẹp nào mà chả thoáng qua . . . "

"Sao ông không nói tiếp, 'Niềm vui nào mà chả qua nhanh' cho đủ bộ. Mà ông cũng chưa trả lời câu hỏi của tôi nữa."

"Câu hỏi của cô? Cô vừa hỏi gì tôi quên mất rồi."

"Ông đãng trí quá hà. Thôi nữa, tôi biết chắc tôi chẳng biết ông là ai, vậy được rồi. Còn điều ông biết tên tôi hay không đâu có gì quan trọng."

"Tưởng tượng có kẻ khổ nhọc vì cô từ xa đến mà nghe cô nói thế chắc hẳn đau khổ lắm. Cũng may tôi chỉ là kẻ đại diện cho 'hắn đó', nên cô không nhận ra, không biết tôi là ai cũng phải."

Người đàn ông cười khan, càng lúc càng trở nên bí mật như thứ không gian chuyển đổi từ nắng sang mưa, từ vùng ánh sáng lấp lánh sang vùng ánh sáng nhập nhòa. Chuyển đổi một cách huyền hoặc.

"Ông, ông nói gì tôi không hiểu. Ông đại diện cho hắn nào và đến đây gặp tôi làm gì sao không nói ngay từ đầu?" Giọng Du bắt đầu run rẩy. Da mặt Du bỗng tái xám, nhợt nhạt như không gian vừa đổi màu bạc nhược, tê lạnh.

"Cô làm gì mà run dữ vậy. Cô hồi hộp muốn biết về chính hắn ra sao hay về người đại diện cho hắn?" Người đàn ông có vẻ ưa đùa dai.

"Thú thật tôi chỉ liên lạc mật thiết với một hắn thôi. Nếu tôi được gặp ông đó, có lẽ ông ấy cũng mang điệu bộ gần gần như ông. Tôi đoán thế. Tôi đoán ông ta cũng râu ria ngồm ngoàm, tóc dài "hippie" và ăn nói lừng khừng." Du xuống giọng, nhìn sâu vào mắt người đối diện như cố tìm kiếm một điều gì ẩn giấu.

"Sao cô toàn giả sử, nếu và đoán không vậy? Cô và ông ấy chưa bao giờ gặp nhau à? Bộ cô không thể tưởng tượng ông ấy khá hơn thằng người ngợm như tôi sao?" Người đàn ông chợt cúi mặt xuống, lảng tránh ánh nhìn sắc nhọn tê buốt của Du.

"Người tôi quen đang ở trong tù, lãnh tới mấy chục năm chung thân khổ sai vì tội giết người chừng như không nguyên cớ." Du trầm buồn. Người đàn ông tỏ vẻ chăm chú, như muốn Du không bao giờ ngừng nói.

"Rồi sao nữa? Cô cứ nói đi. Tôi đang nghe đây mà. Chuyện lý thú đấy."

"Thật ra thì cũng có lý do cả đó chứ. Ông ấy bị tên chủ Mỹ đen chèn ép, lăng mạ và dọa đuổi việc. Ông ta bắn chết gã coi như để tự vệ sau khi bị thân hình to lớn ấy đánh túi bụi, bầm vập. À, sao tôi lại dài dòng với ông nhỉ?"

"Cô cứ tâm sự tiếp đi mà. Cô và ông ta quen nhau ra sao vậy hả?" Người đàn ông nhìn Du thành khẩn.

"Thì tôi kể cho ông nghe vậy. Chúng tôi chơi trò liên lạc thư từ như kiểu

tìm bạn bốn phương ấy mà. Đó là cách duy nhất để ông ta quên ngày quên tháng. Tôi cũng thế, ông ạ. Nhiều khi cũng chẳng biết làm gì để tiêu phí những ngày đời trống trải."

"Một người xinh đẹp như cô mà cũng không thấy đời sống có gì vui sao?"

"Ông hỏi lắm người rồi. Mỗi người chọn một niềm vui khác nhau, nhưng dâu hẳn niềm vui chỉ chọn hay đãi ngộ những đứa con gái có chút sắc đẹp nào đó. Ông không nghĩ thế sao? Hình như lúc này tôi chỉ có cái thú vị duy nhất là được đọc thư ông ấy, điều mà trước đó tôi tưởng mình chỉ làm một công việc từ tâm với bộ xã hội."

"Ông ấy viết thư . . . vui lắm sao?" Người đàn ông chớp mắt.

"Không phải, trái lại nữa là khác. Nhưng có vẻ ngô ngộ, cũng giống lối nói chuyện . . . kỳ kỳ của ông." Du trả lời với những cảm xúc không tên dâng tràn.

"À, thì ra thế. Ờ phải rồi, tôi là người đại diện cho tên bạn cô nên không ít thì nhiều chúng tôi cũng thân và giống nhau chứ. Kể ra hắn có nhờ tôi một chuyện, nhưng kiếm được nhà cô, gặp cô rồi tự nhiên tôi lại quên khuấy mất." Người đàn ông cố giữ vẻ thản nhiên.

"Trời ơi, ông làm ăn kỳ cục vậy. Có phải ông ấy gởi thư cho tôi không?"

"Cô cứ bình tĩnh, để yên tôi nhớ lại. Vâng, từ từ tôi sẽ nhớ lại mà. Không sao đâu. Cái đầu óc lãng trí rỉ sét của tôi lâu lâu cũng làm việc đặng lắm. À . . . à, cô nhắc chuyện thư từ nên tôi mới nhớ đây này. Thôi đúng rồi, có bài thơ hắn làm tặng cô, tôi cất trong đầu nên mới ra cớ sự này. Tôi nhớ nhưng nhớ sơ sơ, có được không cô?"

"Thôi đi ông ơi, ông nói chuyện vòng vo quá, ai mà theo nổi. Kìa, trời sắp mưa lớn rồi." Du nhìn mông ra ngoài đường. Những hạt mưa tinh cờ càng lúc càng thối dạt về phía thềm họ đứng.

Người đàn ông nói lầm thầm như nói với chính mình:

"Mưa, nắng. Mới nắng đó rồi mưa. Trời mới cười đã khóc. Ngày mới đẹp đã hết. Buồn cười nhỉ. A, như vậy là không có ai muốn nghe tôi đọc thơ nữa rồi. Thôi tôi đi vậy. Cô đuổi cho tôi đi mau mắn hơn nào."

"Tôi phải vào nhà, vì ông chỉ khéo đùa. Nhưng ông đi bây giờ thì sẽ ướt như một con chuột lột đấy."

"Tôi không dám nghĩ là cô muốn kêu tôi vào nhà và bố thí cho một ly trà hay một ly cà phê. Giỏi lắm cô cũng chỉ bác ái với tên tù bạn cô thôi mà."

"Tôi chẳng bao giờ bố thí cho ai một điều gì cả. Tôi sợ rằng nếu họ nghĩ mình đang được bố thí, chắc không ai thèm nhận đâu ông ạ. Khi tôi làm một cử chỉ từ thiện nào đó chẳng qua tôi muốn bày tỏ sự bác ái với lương tâm mình. Nói theo chữ của ông dùng thì tôi đang bố thí sự bác ái cho chính mình."

"Cô rắc rối, nhức đầu quá. Tôi chỉ muốn một ly nước thôi mà. Kẻ khốn cùng như tôi nhận của bố thí, tình yêu bố thí của thiên hạ là chuyện thường, có chi đâu mà bận tâm. Cô ban bố, cho hay không là quyền của cô."

"À không, tình yêu thì lại khác. Chẳng ai bố thí tình yêu đâu mà ông dòi . . . nhận. Du cười nửa miệng, liến thoắng.

"Gặp ai thì có thể tôi cứng miệng chứ gặp được người . . . dễ thương, giàu lòng bác ái như cô đại gì tôi không mở miệng xin xỏ này nọ. Cô cho nước thì tôi uống, dù là . . . nước độc. Cô cho cái gì tôi cũng nhận hết. Tôi đang khát đây. À, bài thơ tên bạn cô đại khái cũng na ná bản nhạc gì mà: 'Ai cho tôi tình yêu . . . ' Cô còn muốn nghe không? Bây giờ tôi nhớ lại rồi." Người đàn ông tinh nghịch trả dũa.

Du bàng hoàng:

"Ông quen ông ấy trong tù chứ? Bộ ông cũng bị tù hả? Xin lỗi ông nha, thấy ông tóc tai . . . ghê quá, tôi chỉ đoán mò chơi thôi. Ông Viễn thì còn lâu mới được tự do. Cũng may ông ấy thích thơ, nhờ thơ để bay bổng đôi chút. Còn ông cứ quên đó rồi nhớ đó, ai mà thèm tin."

"Cái gì cô cũng biết hết vậy. Thôi cô vào nhà đi kẻo ướt. Hôm nào lục lọi ra chồng thơ của hắn, nhiều lắm, tới sẽ mang lại nếu tôi còn sống hoặc còn một dịp nào khác."

"Tôi định vào lấy nước mang ra cho ông mà."

"Không. Tôi phải đi ngay bây giờ. Nếu không còn một dịp khác, chắc là tôi lỡ điên đâm đầu vào đường rầy xe lửa rồi. Ồ không đâu, tôi ước gì mình được tới một hải đảo hay một nơi nào đó ít người, ít ngợm một tí để sống cho vui."

"Sao ông không bảo là hải đảo Côn Sơn hay về lại Việt Nam, tôi nghe còn cảm động hơn. Nhiều người cũng muốn về lại nhà mình bên đó, bên kia bờ đại dương. Mà ông có muốn đi đâu đi nữa, ông cũng phải chờ tạnh mưa đã chứ."

"Cảm ơn cô. Nhưng nếu chờ mưa tạnh, biết đâu tôi lại đổi ý đứng chôn

chân ở đây thì tội cô chết."

"Sao lại tội tôi? Một người đồng hương chỉ mượn tạm một chút hiên nhà thì có gì đâu. Thôi tôi vào nha."

"Cảm ơn cô. Tôi đứng một chút rồi sẽ đi. Mưa sắp tạnh rồi."

Du hơi bối rối, ngẫm nghĩ gì đó một vài giây rồi đẩy cửa vào nhà.

*

Du bước vào, bất thần sực nhớ chiếc bàn ủi nhưng Du cũng không buồn xem xét lại. Có gì nhà đã cháy hoặc bị khét. Du đi pha ly cà phê, hăm hở trở ra thì cơn mưa cũng đã bỏ đi, đi tự bao giờ. Người đàn ông cũng không còn đứng lặng lẽ trước hiên nhà nữa. Du bỗng khựng người, buồn buồn nhìn khoảng trời rộng đã bắt đầu sáng trắng. Bất chợt, Du bắt gặp mảnh giấy gấn nửa trong nửa ngoài ở thùng thơ. Mắt Du dảo nhanh trên từng nét bút quen thuộc:

Chắc cô ngạc nhiên nếu tôi chính là hắn, là Viễn, người đã chơi trò thư từ qua lại với cô mấy năm nay. Chính hắn đã vì cô chịu khó "xé rào", bất chấp luật pháp, xin xỏ ảo ảnh . . . Điều đó chẳng đáng gì! Chỉ sợ gây phiền cho cô.

Thôi, giờ tôi nghĩ lại rồi. Kể ra cũng hơi tiếc đó chứ. Khi hắn vừa nhận rõ bầu trời thực sự xinh đẹp chính là lúc hắn phải sống như một kẻ mất tích, một kẻ bất định, một kẻ ra đi và đi mãi . . .

Dù sao hắn đã đến và biết đâu vì nỗi gặp gỡ vô duyên này, cô đang cầu mong cho hắn . . . bặt tăm, vô tăm luôn? Thật ra tốt hơn cô không nên cầu mong một điều gì cả, nhất là điều hắn đừng yêu cô. Việc hắn có trở lại hay không bao giờ trở lại cũng thế! Cầu mong làm chi khi đời sống chỉ thú vị ở chỗ kỳ ảo, bí mật, giấu mặt, bất ngờ . . . phải không Du?

Du nhíu mày, nhìn quanh. Không thấy ai. Không còn ai nữa cả. Chỉ còn một lũ lá khô nằm chờ gió cuốn đi, cuốn đi ngu ngơ. Trên cao, một chú chim cánh mỏng vừa rời khỏi cành cây đi tìm trời rộng. Tự nhiên Du muốn chúc lành cho chim trời thôi đừng dụng nhằm bão tố.

Du nhẩm lại ngày tháng và bây giờ Du biết mình nên bắt chước Viễn. Viễn đã không thể giam hãm đời sống của Viễn như thế, huống là Du. Một kẻ đang có thừa tự do trong tay . . . □

HỒ ÔNG

bi kịch

*

1.

tôi suốt đời nô lệ trái tim
chẳng mong vượt ra ngoài
mà không mang thương tích
đó chính là bi kịch
là nỗi bí ẩn khôn cùng

2.

quá khứ
là con két chỉ biết nói một lời
trở thành tiếng than muôn thuở
đuổi theo tôi đến tận cùng
làm khô kiệt
bao tháng ngày mầu mỡ

3.

những dòng chữ
chạy trốn thục mạng khỏi tâm hồn
trúng thương quằn quại
trang giấy mênh mông niềm sợ hãi

4.

tôi chập choạng như kẻ mộng du
bước vào trò chơi dùa giỡn
giữa chữ nghĩa và ảo vọng
với niềm phấn khích diên rồ

5.

nhấm giọt cà phê
rơi xuống từ hư không
tôi nghe mình đắng ngắt
thời gian bần bặt
kéo tôi xa thẳm
thoáng mất dấu trên đời

6.

những sợi khói thuốc rối bời
như mạng nhện
chỉ kịp níu lại những tiếng thở dài
tới dầm hôn mê
(Thailand)

bốn mùa

1.

Anh đến thăm cô lần thứ nhất vào một buổi tối mùa đông trời dày đặc sương mù. Cô mở cửa, nhìn anh hơi sững sờ trong giây lát. Ánh sáng yếu ớt của ngọn đèn cửa không đủ sức dẩy rạt màn sương đêm, lờ mờ phả xuống thành một vũng sáng nhập nhòa trước mặt hai người. Cô bảo sao anh không gọi trước. Anh nói anh không thích gọi trước và nếu cô không có nhà hay đã đi ngủ rồi, anh lại tản bộ thêm một quãng đường nữa trước khi về. Cô bảo chắc anh có chuyện cơm không lành canh không ngọt gì đó với vợ rồi phải không, hay anh lại dở chứng rắc rối tìm chuyện bi lụy vô cớ nữa đây. Anh nhìn cô không nói gì, hai mắt như bị thôi miên bởi khuôn mặt diễm ảo mơ màng như trời sương buốt lạnh ngoài kia.

Cô bảo anh vào nhà cô pha cà phê uống cho ấm bụng. Anh ngoan ngoãn để cô nắm tay kéo vào. Ngọn đèn trên chiếc bàn viết ở góc phòng nhiễu ra một thứ ánh sáng tù mù buồn ngủ. Cô để anh ngồi ở phòng ngoài rồi xuống bếp lúi cúi mở bếp điện nấu nước. Anh ngồi im lặng quan sát gian phòng. Một kệ sách lớn choán gần hết bức tường trước mặt, ngăn phòng ngoài và nhà bếp. Một chiếc dương cầm cũ loại *upright* trông ra cửa sổ. Chiếc ghế nệm anh đang ngồi hình như cũng là giường ngủ vì nó rộng hơn chiếc sô-pha bình thường và được phủ bởi một tấm ra trắng. Nhà không có phòng ngủ. Ngoài chiếc dương cầm, đồ đạc đáng giá trong nhà không còn thứ gì khác. Không

TV, không máy hát. Thế giới của cô hình như chỉ có sách vở và âm nhạc. Anh nghĩ thầm như vậy.

Anh lan man chắp nối những mảnh nghĩ rời về cô đến lúc cô trở ra mới chợt giật mình như bừng tỉnh. Cô đặt xuống hai tách cà phê nóng rồi đến ngồi bên cạnh anh, lưng dựa vào thành ghế, hai chân co lên giấu trong chiếc áo ngủ rộng. Động tác cô làm như một diễn viên sân khấu. Cô nhìn anh hỏi chuyện bâng quơ rồi bảo anh đàn cho cô nghe một khúc nhạc gì đó. Anh bảo anh muốn nghe cô đàn. Cô bảo từ hôm nghe anh đàn ở Vance Hall cô không đụng đến phím đàn nữa mà chỉ ước ao có lúc nào ngồi riêng một mình nghe anh đàn.

Anh đoán cô đang nhắc đến hôm anh và cô gặp gỡ lần đầu khi anh được mời trình diễn trong buổi hòa nhạc của trường đại học nơi anh đang giảng dạy. Buổi trình diễn có tính cách thân mật để các giáo sư trong trường có cơ hội đưa gia đình đến gặp gỡ tiếp xúc nhau. Cô đi một mình. Anh có vợ ngồi dưới khán giả vỗ tay tán thưởng. Sau khi ban nhạc gồm anh chơi dương cầm và bốn người bạn khác chơi đàn dây trình tấu xong những khúc nhạc cổ điển, anh bước xuống nhập vào đám đông và gặp cô ở đó. Qua sự giới thiệu của vị giáo sư khoa trưởng già, cô và vợ chồng anh thân mật dễ dàng vì cả thành phố có không quá trăm người Việt cư ngụ. Vợ anh làm cô cười ngặt nghẽo với những câu tiếng Việt lõm bõm học được từ anh. Cô mới tốt nghiệp ở California, về đây dạy học năm đầu.

Anh bị cô thu hút ngay từ lúc mới gặp gỡ và giá không có vợ bên cạnh, anh đã không phải vất vả đi tìm số điện thoại của cô những ngày sau đó.

Phải đợi cô nhắc đến lần thứ hai anh mới bước lại dở nắp chiếc dương cầm rồi ngồi xuống dạo khúc *Estampes* của Debussy. Lúc trở lại ghế ngồi, anh thấy mắt cô dường như ươn ướt. Anh kéo cô vào lòng. Cô dụi đầu vào ngực anh trong lúc nước mắt chảy dài không ngớt. Cô bảo anh làm tình với cô đi. Cô nói không hiểu sao tiếng đàn lại làm cô thèm khát được yêu như vậy. Anh nhẹ nhàng đưa tay lên cởi chiếc áo ngủ trên người cô rồi úp mặt xuống bờ ngực đầy đặn trắng ngần. Anh ngậm đầu vú cô và thấy vị nước mắt mằn mặn, ấm.

2.

Lần thứ nhì anh đến cũng vào buổi tối nhưng là một buổi tối mùa thu. Ngọn đèn trước cửa nhà đêm đó bị cháy bóng nhưng nhờ có ánh trăng sáng tỏ nên anh thấy mặt cô hốc hác, hai mắt cô sâu vào tiều tụy. Anh thương cảm vô cùng, ôm cô thật lâu trước khi vào nhà. Trong nhà không bật đèn, tối om om. Cô níu lấy cổ anh, hai chân co lên quặp ngang hông anh. Môi cô dán chặt vào môi anh. Cô thở hào hển lúc anh giật phăng chiếc áo ngủ trắng mỏng. Anh làm tình với cô trong im lặng và mặt cô lại đầm đìa nước mắt.

Lần đó cô đàn cho anh nghe. Anh phải nói mãi cô mới chịu ngồi vào đàn. Tiếng đàn cô nhẹ, thanh thoát. Cô bảo cô thích Debussy vì nhạc của ông làm cô liên tưởng tới những làn sóng bất tận ngoài biển khơi. Cô hỏi anh thích Debussy không. Anh gật đầu. Hỏi vậy nhưng cô lại đàn một khúc ngắn trong *Frauenliebe und Leben* của Schumann. Khúc nhạc là bài hát êm ái và anh chỉ muốn nằm trên ghế nhắm mắt ngủ một giấc ngon lành cho đến sáng.

Dứt bản nhạc cô lại nằm với anh. Chiếc ghế khít khao chỉ đủ chỗ cho hai người nằm nghiêng, da thịt cọ sát, và môi dính chặt vào nhau.

3.

Lần thứ ba, anh đến lúc cô không có nhà. Bấy giờ là mùa hè, nhà trường đóng cửa ngoài vài lớp học đặc biệt. Khuôn viên ngôi trường tĩnh mịch tưởng như nghe được tiếng gót giày anh đều dặn nện xuống mặt con đường lát gạch đỏ từ thư viện về nhà mỗi buổi chiều. Anh rảnh rỗi nên càng nhớ thương cô. Bao lần dối vợ lội bộ đến trước cửa nhà cô rồi lại quay về.

Nhưng hồi chiều, vợ anh đưa con về thăm nhà và anh có đến ba ngày không làm gì ngoài việc nhớ thương cô. Anh sung sướng như điên dại. Vợ vừa lái xe ra khỏi nhà anh đã vội vã phóng chân đến nhà cô. Nhưng cô không có nhà. Anh không biết đi đâu bèn ngồi ở bậc cấp chờ cô về. Mãi đến mười một giờ khuya cô mới về. Đưa cô về là một bà bạn hình như cũng là giáo sư trong trường. Cô buông túi giấy đựng hàng vừa mua sắm, choàng hai tay ôm hôn anh trên bục cửa trong lúc bà bạn vọt xe đi khỏi. Hình như bà bạn cô biết mặt

anh và có lẽ chỉ vài hôm nữa sẽ có không ít những lời bàn tán xì xầm sau lưng anh, sau lưng cô. Nhưng anh thây kệ. Cô cũng thây kệ. Anh bảo cô anh chán ngấy cái tính đạo đức giả của bọn trí thức trưởng giả trong thành phố này lắm rồi.

Lần đó cô vui sướng một cách khác thường. Lúc làm tình, anh không phải hôn lên khuôn mặt đầy nước mắt của cô. Hai hàng nước mắt chỉ lăn dài khi cô đưa anh ra cửa lúc gần hai giờ sáng. Anh bảo anh không ở lại ngủ đêm với cô được vì có thể vợ anh sẽ gọi về nhà.

4.

Lần thứ tư, mùa xuân, anh đem đến tặng cô một bó hoa hồng.

Đó là lần đầu tiên anh mua hoa tặng cô. Cô bảo hình như đây là lần đầu tiên anh đến với cô vào ban ngày. Anh bảo đúng và sẽ không bao giờ anh phải đến vào lúc đêm tối nữa vì anh vừa làm giấy tờ ly dị vợ. Anh sẽ về sống với cô. Cô bảo sao anh lại làm thế, cô sắp đi khỏi nơi đây rồi. Anh nói anh không hiểu cô nói gì. Cô bảo vào nhà anh sẽ rõ. Anh vào nhà và thấy đồ đạc trong nhà đóng thành từng thùng lớn nhỏ. Một tấm vải phủ kín chiếc dương cầm, dây nhợ buộc kỹ càng chung quanh. Tranh ảnh trên tường đã tháo gỡ hết. Tất cả như đang chuẩn bị cho một chuyến du hành xa không có ngày trở lại. Anh hoang mang quay lại hỏi cô thế này nghĩa là gì. Cô bảo cô quyết định xa anh, quay về California, nơi có những người thân yêu của cô. Cô không thể tiếp tục sống ở cái thành phố nổi tiếng là thành phố văn hóa nhưng buồn thê thiết này thêm một ngày nào nữa vì nơi đây giết chết cô lần mòn. Anh hỏi cô về California làm gì. Cô bảo không biết. Có thể sẽ lấy chồng. Có thể sẽ làm ăn buôn bán. Có thể đi dạy học tiếp. Có thể ngồi viết văn. Anh bảo cô đừng đùa với anh. Anh không cho cô bỏ anh đi đâu cả vì anh chỉ còn mình cô. Anh hỏi cô không còn yêu anh nữa sao. Cô bảo cô vẫn yêu anh, cô yêu anh hơn bao giờ hết và sẽ không bao giờ còn khả năng yêu được người đàn ông nào khác như đã yêu anh. Anh hỏi nếu vậy tại sao cô lại bỏ đi. Tại sao cô lại bỏ đi khi anh không còn vướng bận những hệ lụy gia đình nữa. Cô bảo đó là sự mâu thuẫn lớn trong cô. Thế thôi. Anh nói anh không hiểu được cô.

Anh không hiểu cô thực. Nhưng khi biết cô không có ý đùa, anh ngồi phệt xuống sàn nhà ôm đầu khổ sở. Sàn nhà gỗ lạnh lẽo vì tấm thảm Ba-tư đã được cuộn tròn lại dựng nơi góc tường. Cô đến ngồi bên cạnh vuốt mái tóc rối bù của anh như bà mẹ vuốt tóc đứa con trai.

Cô ôm lấy anh và anh bắt đầu khóc. Anh khóc muồi mẫn. Lần đầu tiên anh khóc từ khi trưởng thành. Nước mắt anh làm ướt cả vạt áo trước của cô.

Có tiếng chuông điện thoại reo. Cô đứng lên nhấc máy trả lời. Vâng, các ông đến ngay đi. Đồ đạc tôi đã chuẩn bị sẵn sàng. Anh nghe giọng cô ráo hoảnh như đang gọi đặt mua món hàng gì.

Anh đã hết khóc. Cô đem đến nhét vào tay anh một món vật vuông vức, dẹp mỏng. Anh nhìn xuống nhận ra một dĩa nhạc. Dĩa *The Four Seasons* của Vivaldi. Cô bảo cô mua dĩa nhạc này lâu rồi, định tặng anh nhưng hôm nay mới có dịp. Nói xong cô bỏ anh ngồi đó, vào nhà bếp tiếp tục thu dọn đồ đạc.

Còn lại một mình ở phòng ngoài, anh bần thần mân mê dĩa nhạc trong tay, mắt nhìn ra cửa sổ. Nắng xuân ngoài kia bỗng bừng lên, rực rỡ chói lòa. Một chùm nắng xuyên qua cửa sổ chiếu xiên xiên vào, soi lên bó hồng nằm lặng lẽ trên sàn nhà trơ trọi. □

tìm đọc
TRẦN LONG HỒ

CÕI SA MÙ
tập 1 trong trường thiên tiểu thuyết DUNG THÂN

NIỀM VUI UNG THƯ
tập truyện
Minh Văn xuất bản

THỤY KHANH

dấu tích

*

Khi chiều xuống cơn mưa chừng đã dứt
Tiếng ngày rơi lặng lẽ ngọn đèn soi
Chuyến tàu mang em rời xa thành phố
Buốn quẩn quanh thương vệt nắng trên đồi

Ngày khổ hạnh chân hoang mòn phố cũ
Vẫn bơ vơ từ thuở mới yêu người
Em soi bóng bên đời anh tháp cổ
"Giọng hát trong chiều như thể tiếng ngày rơi" (*)

Chiều xuống vội trên vai em dấu tích
Bước chân ai về trong mộng từng ngày
Pho tượng đá những mùa xuân trôi mất
Em điêu tàn khi nắng hạ về đây

Chuyến tàu đi xa dòng sông Seine mất hút
Tượng đá im lìm rêu phủ đã bao năm
Còn lại gì trên vai anh dấu tích
Thuở tươn đầy mộng ước xưa xanh

(*)Thơ Phan Ni Tấn

điểm sách **DUY LAM**

vài cảm nghĩ và nhận xét về cuốn "trại kiên giam" của nguyễn chí thiệp

Qua những giai đoạn biến động của lịch sử một quốc gia, thường là những cuộc chiến tranh, những người trong cuộc có thể là những nhà văn, người trí thức, nhà báo, hoặc nhiều khi chỉ là những nạn nhân của thời cuộc và những cuộc tranh chấp, đôi khi chỉ là những người dân bình thường, đã cảm thấy bị thôi thúc bởi ý muốn cầm bút viết lại những kinh nghiệm sống họ đã trải qua. Sau cuộc đệ I và đệ II Thế chiến và cuộc chiến tranh Việt Nam, thể hồi ký đã có những giai đoạn nở rộ. Những chứng liệu này do chính nhân chứng thuật lại đã trở thành những tài liệu rất quý và giá trị cho những nhà xã hội học, những nhà tư tưởng, nhà văn dùng làm tài liệu tham khảo, để phân tích tổng hợp, chiếu rọi những ánh sáng mới vào những chiều hướng đã được bộc lộ hoặc ngấm ngầm của lịch sử, hầu tương lai tránh được những lỗi lầm của dĩ vãng; hay dựng lên những tác phẩm lớn có chiều sâu nhờ khoảng cách thời gian thích hợp nên cái nhìn bao quát trở nên chính xác với thực tại hơn.

Ta hãy nhớ đến những bài báo đầu tiên về cuộc chiến tranh Sebastopol mà Tolstoi phóng viên chiến trường đã viết và bộc lộ tài năng nhà văn của ông, hoặc tác phẩm *Bác Sĩ Zhivago* của Pasternak, *Quần đảo Goulag* của Alexander Solzhenitsyn, nhưng ta cũng phải nhắc đến cuốn nhật ký của

Anne Frank, một cô gái mới lớn phải cùng gia đình ẩn trốn cuộc bắt bớ khủng bố và tàn sát tập thể của Đức Quốc Xã và đã cầm bút cặm cụi ghi lại những kinh nghiệm hãi hùng và bi thảm đã xảy đến cho cô và những người thân trong gia đình. Khi ghi lại những dòng nhật ký cảm động, Anne Frank đâu có ngờ là sau khi cô chết đi, một nạn nhân thật vô tội của chính sách diệt chủng của Đức Quốc Xã, cái tập nhật ký nhỏ bé của cô sau này đã làm xúc động biết bao nhiêu độc giả trên thế giới.

Vì vậy khi những người dân thường, những nạn nhân của các biến động lịch sử cầm bút viết hồi ký, chẳng bao giờ nghĩ là họ có ý muốn hoặc tham vọng làm văn (hiểu theo nghĩa thông thường của từ này) mà họ chỉ bị thôi thúc bởi các nhu cầu muôn thuở của con người, là trong hay sau nghịch cảnh, ghi lại những kỷ niệm đã sống, trước hết là để bộc lộ những tiếng kêu bi thiết có tính cách phản kháng tiêu cực hoặc tích cực trước sự nghiền nát những tình cảm cao quý của con người của bánh xe lịch sử có vẻ như phi ngã, phi nhân; hoặc để xác nhận lòng ham chuộng tự do phát biểu một cái quyền tối thượng của con người kể từ khi có ngôn ngữ văn tự; và cũng nhiều khi chỉ là để cố gắng chuyển lại cho xã hội đời sau cái tiếng nói thật nhỏ bé nhưng lại bao hàm một sức mạnh ghê gớm của ý thức con người trước viễn tượng đe dọa kinh khiếp của những vũ khí hủy diệt nhân loại, như Faulkner đã nhấn mạnh vào phần cuối bài diễn văn nhận giải thưởng Nobel của ông.

Vì vậy tôi khá ngạc nhiên khi nghe và đọc thấy quan niệm cho rằng các cuốn sách hồi ký của những người tù chính trị được viết và xuất bản ở hải ngoại không phải là những tác phẩm văn chương!

Nỗ lực viết hồi ký đã ghi lại thật trung thực những cái gì thực sự đã xảy ra – những kinh nghiệm sống thiết thân – như tôi đã trình bày ở trên, thực ra chỉ nhằm chính yếu là để hành sử cái quyền tự do phát biểu của con người, cái quyền mà hơn suốt 16 năm qua những người tù chính trị và nói rộng ra hơn 65 triệu người Việt Nam đã bị cộng sản tước bỏ và còn đàn áp một cách tàn nhẫn phi nhân nhất, hầu để không một tiếng nói nào dù nhỏ bé có thể lọt qua bức màn tre đến được thế giới tự do ở bên ngoài, và như vậy cũng giảm thiểu tối đa mọi cố gắng đối thoại truyền thông, cái mối liên hệ thật cần thiết cho các khối tự do trên thế giới trong một thế giới đang tiến những bước vũ bão đến những căn bản liên lập.

Như vậy, theo tôi, các cuốn hồi ký nằm trên bình diện khác biệt với bình diện làm văn, và đứng ở vị trí của văn chương để đánh giá các tài liệu và ghép chúng phải tuân theo những tiêu chuẩn giá trị về sáng tác như kết cấu, kỹ thuật viết, văn thể, sử dụng từ ngữ, hình ảnh, thời tôi e không thích hợp và cũng không hợp lý lắm.

Nói thế không phải là tôi phủ nhận đã có trường hợp những nhà văn viết hồi ký về những năm tháng tù đày, và thực sự đã là nhà văn thời viết bất cứ cái gì cũng là viết văn, vì với những kinh nghiệm sẵn có, những cuốn hồi ký này đã đạt được nhiều hay ít giá trị văn chương. Cũng có những trường hợp các nhà văn tuy không đi tù nhưng dựa vào những kinh nghiệm kể lại của người khác, hoặc các cuốn hồi ký của những người tù chính trị đã hứng khởi sáng tác những tác phẩm văn chương có giá trị.

Riêng tôi, tôi vẫn luôn luôn tin là những biến động bi thảm đã xảy đến cho đất nước Việt Nam trong suốt 16 năm qua mãi mãi còn là một kho tàng vô tận và quý giá cho tất cả chúng ta – trong đó có những nhà văn và nhân chứng trong cuộc – hầu sẽ còn tiếp tục có nhiều tác phẩm đủ loại được hình thành dựng lên từ đó: hồi ký, thơ, văn, kịch, các pho sách khảo luận . . .

Đó là một trách nhiệm của tất cả những người có ý thức có liên hệ xa gần trực tiếp đến chữ nghĩa nghệ thuật! Trách nhiệm hiểu như một lời nguyện của tất cả những người còn sống, những người được hưởng tự do, đối với tất cả những người đã chết tức tưởi trong các trại cải tạo hay trong những chuyến vượt biển, nhưng trước khi nằm xuống trở về lòng đất hoặc vùi thây trong biển cả đã không bao giờ ngừng chuyển đến cho chúng ta những thông điệp qua hình thức những dòng văn thơ nhạc trong tù, hoặc những lời nhắn nhủ trối trăn với những người thân bạn bè trước khi dấn thân vào biển cả: Những biểu lộ cao đẹp và đáng cho chúng ta trân trọng gìn giữ và khai triển, vì đó là những chứng liệu hùng hồn của ý muốn mãnh liệt không áp lực nào đàn áp nổi của những con người ham chuộng tự do phát biểu và sống tự do, dù có phải chịu những nghịch cảnh kinh khiếp, dù có phải hy sinh cái quý nhất của con người là mạng sống của chính mình.

Sau khi đã trình bày một cách khái quát về quan niệm của tôi về cuốn hồi ký của các người tù chính trị, tôi xin nói thẳng ngay là trong những cuốn hồi ký tôi đã được đọc cho đến nay tại hải ngoại, cuốn TRẠI KIÊN GIAM là một

cuốn sách hay và có nhiều đoạn thật xuất sắc, viết với một cách diễn tả thẳng thắn và chân thành, không khoan nhượng với những bạn đồng cảnh và với chính mình, tức là với sự thật y như đã xảy ra. Vì vậy có thể nói nếu thực tại ở các trại cải tạo được mang ra làm tiêu chuẩn đánh giá, thời TRẠI KIÊN GIAM đã đạt được những mức độ giá trị về thể viết hiện thực rất cao. Quả thật đó cũng là một điều hiếm thấy trong một số cuốn hồi ký tôi đã đọc, trong đó lòng thù hận đôi khi đã kéo ngòi bút người viết quá xa, khiến giọng văn quá cường điệu, mặc dù đã tạo được những tác động gây xúc động đáng kể nơi độc giả, nhưng mặt khác đã làm cho sự thật đã được thể hiện kém trung thực, vì nếu nhắc đi nhắc lại nhiều qua nhiều hồi ký khác nhau sẽ có thể trở thành nhàm chán, chưa nói là đã khiến nhiều độc giả tinh ý nghi ngờ thắc mắc về sự xác thực của những dữ kiện hoàn cảnh đã được mô tả khi đối chiếu nhiều điểm có vẻ như mâu thuẫn nhau giữa nhiều cuốn hồi ký của nhiều tác giả.

Ngoài giá trị hiện thực của TRẠI KIÊN GIAM (theo tôi quan trọng vào hàng đầu với thể viết hồi ký) cuốn sách này của anh Nguyễn Chí Thiệp còn nhiều ưu điểm rất đáng khen và rất giá trị khác.

Trước nhất, anh Thiệp đã dựng lại những cảnh sống rất linh động kể cả những tâm cảnh của chính anh với biến chuyển tình cảm tâm lý khá gọi là tế nhị và hữu lý. Anh cũng có một trí nhớ thật tốt và nhận xét sắc bén đối với khung cảnh bên ngoài và cả những biểu lộ tâm lý nơi tất cả những nhân vật anh lần lượt gặp gỡ, kể cả những bạn tù cải tạo lẫn những cán bộ Cộng Sản, và luôn cả những dân thường làm nền cho cảnh sống kế tiếp nhau anh đã trải qua. Cái óc quan sát không bỏ qua chi tiết nhỏ nhặt nhất là một đức tính cần thiết cho một nhà văn để tạo chiều sâu tâm lý cho các nhân vật, và ngay từ những trang đầu, TRẠI KIÊN GIAM đã lôi cuốn tôi vì cái hơi thở của thực tại đã tỏa ra từng dòng chữ. Đối với độc giả, chỉ cần đọc ít trang một tác phẩm dù hư cấu hay hồi ký, ngay những độc giả bình thường có thể cảm nhận ngay có bao phần sự thật trong tác phẩm và tác giả đã đạt nhiều hay ít khi mang đời sống và sự thật đến cho độc giả qua trung gian của từ ngữ.

Tôi nghĩ anh Thiệp còn có ý muốn đi xa hơn để làm một nhà văn, thời ưu điểm này đã cho anh một cái vốn căn bản rất thuận lợi.

Tôi đặc biệt chú ý đến những trang mở đầu chương I thuật lại những ngày

đầu tiên sau biến cố tháng 4-1975. Tôi ít thấy ở các cuốn hồi ký khác và cả những truyện ngắn, truyện dài của nhiều tác giả cái "không khí" rất sinh động mà cũng rất phức tạp rối rắm đã được anh Thiệp viết rất đạt và còn đầy những nhận xét tinh tế như: "... *Những người tò mò ra đường thưa thớt vẫy tay, chào ngượng ngập, e dè ...*" "*Thỉnh thoảng người cán bộ đứng hầu quạt phải tiếp ông cụ già (Tôn Đức Thắng) một ly nước hoặc một viên thuốc ...*" "*Khi nhắc đến Hồ Chí Minh tỏ ra nghẹn ngào, cụ ngừng đọc, rút khăn lau nước mắt. Mọi người trên khán đài lấy khăn ra lau nước mắt ...*"

Một ưu điểm nữa của anh Thiệp là khi viết về những nhân vật bằng xương bằng thịt rất sống và rất người, anh đã khéo léo và tế nhị lồng vào những luận điểm rất quan trọng anh muốn minh chứng, mà không làm câu chuyện khô khan. Riêng tôi, tất cả những nhân vật anh nhắc tới (trong có cả những nhân vật tôi quen biết và cả nhiều nhân vật tôi không hề biết) đã lôi cuốn sự chú ý kéo dài của tôi từ đầu đến cuối hồi ký. Là một nhà văn, tôi cũng hiểu rất rõ nhân vật quan trọng đến như thế nào, để tạo thực tại cho một cuốn tiểu thuyết, nhất là một cuốn hồi ký.

Nhân vật chú Bình, cuộc đối thoại giữa ông này và tác giả có thể coi là một đoạn hay và sâu sắc, có thể làm sườn cho một truyện vừa. Đoạn này làm tôi liên tưởng đến nhân vật ông tướng trong truyện "Tướng Hồi Hưu" của Nguyễn Huy Thiệp, nhưng sự giác ngộ của chú Bình làm cho ta cảm nhận và thông cảm nhanh hơn và cũng có phần gần gũi với ta hơn, có lẽ vì những yếu tố căn bản tương đồng về gia thế, học vấn và môi trường sinh trưởng.

Sự hướng về những giá trị nhân bản của một xã hội tự do sau khi đã trải qua một sự phản tỉnh rất thật về tâm lý và cũng sau khi đã khám phá ra mình bị chế độ cộng sản lừa dối phản bội, đã là một ý hướng người đọc đón tiếp với sự bao dung rất có ý nghĩa.

Nhân vật cô Bích, cô em họ của tác giả, một cán bộ Cộng Sản được nêu ra trong chương hai mươi cũng tạo cho tôi những cảm nhận lý thú. Sau nhiều năm cách biệt, tác giả gặp lại đã ghi nhận những biến đổi đáng kể của Bích. Từ một sinh viên lý tưởng chịu cộng tác và nằm vùng cho cộng sản, sau một thời gian làm giáo viên sau 1975, cô đã thấy hết sự sa đọa và thối nát của chế độ, cô đã dứt khoát xin ra khỏi đảng và còn biết xấu hổ khi nhớ tới tiếng Cách mạng. Câu nói của Bích: "... *Trước đây em đã tin và theo cách mạng, ngày*

nay em đã hiểu rõ chế độ cộng sản chỉ trích đúng mà không làm đúng. Em đã bỏ đảng nhưng em thấy một phần trách nhiệm và xấu hổ những gì đảng đã làm cho đất nước rách nát tàn hại như ngày nay. Em phải ở lại . . . "

Ý thức minh bạch và dứt khoát của một phụ nữ về trách nhiệm của mình sau khi đã lầm lỗi đáng để ta suy ngẫm. Ở bên này ở bên kia phòng tuyến ý thức hệ từ trước đến nay bao nhiêu kẻ có quyền hành đã che đậy và từ bỏ trách nhiệm với đất nước để bám giữ lấy quyền hành. Thật không bằng một phụ nữ có học thức tương đối nhưng có can đảm ở lại không vượt biên, vì cảm thấy còn có trách nhiệm và ám chỉ còn có thể làm gì để sửa lại lỗi lầm. Ta có thể tin là còn nhiều người suy nghĩ và làm như cô Bích.

Cuốn hồi ký của anh Thiệp còn làm nổi bật được cái dòng liên tục đối kháng của những người tù chính trị, nhất là những lớp trẻ, qua đủ mọi hình thức, từ tích cực bạo động, đến tiêu cực qua những cuộc tổ chức lãng công. Nhưng điểm làm tôi xúc động là khi đọc đến tất cả những hình thức đối kháng phong phú và đa dạng qua thơ văn nhạc và làm báo trong tù. Độc giả có thể thấy hết sức mạnh của văn nghệ đối với con người tự do có ý thức, khi đọc đến cả trăm đoạn tác giả nêu ra những nhân vật, những hoàn cảnh trong đó với những nỗ lực đáng kể, anh em tù chính trị đã xoay sở để duy trì và phát triển cho riêng anh em cái tiếng nói có lúc hùng hồn bi tráng, có lúc trữ tình; cái tiếng nói của con người tự do trong những hoàn cảnh cực độ (situations extremes). Bởi vì nếu con người tự do không giữ nổi cho mình cái bản sắc nó phân biệt họ với những con người máy bị tha hoá mất nhân tính – những con người súc vật – thời sự đồng hoá toàn thể hay một phần là điều khó có thể tránh.

Chỉ khi đọc tới những mạng sống đã mất đi trong cùm kẹp chỉ vì những cố gắng duy trì sự tự do (phát biểu của con người tự do và ý thức sâu đậm là mình tự do dù thân xác bị tù hãm) ta mới thấy hết được cái quan trọng của tư tưởng đối với những giá trị tinh thần cao quý phải bảo vệ dù phải trả một giá rất lớn. Tuy chua xót và tiếc rẻ khi đọc đến những đoạn này (trang 474, trang 512) và đôi khi có thể tự hỏi tại sao chỉ để ca mấy bài hát và đọc cho nhau nghe vài bài thơ, góp công phu để làm một tờ báo, thật sự đâu có gì quan trọng lắm để phải hy sinh vài mạng anh em và lãnh án thêm; nhưng nghĩ cho kỹ một mặt khâm phục sự dũng cảm của những người tù chính trị, một mặt

khác ta cũng có thể giật mình khám phá ra một sự thật, là tự do chỉ quý khi ta mất nó, và tận dụng tự do tràn đầy ngay trong tay để đấu tranh cho tự do của những người cùng dòng máu Việt Nam ở đất nước Việt Nam vừa xa xôi vừa gần gũi lại càng trở nên một nhu cầu khẩn thiết.

Tôi muốn viết nhiều hơn về nhiều ưu điểm khác của cuốn hồi ký này của anh Thiệp, nhưng tôi không muốn dài dòng và chỉ bảo đảm là độc giả đọc cuốn sách này sẽ còn gặp nhiều khám phá nữa.

Tuy giọng văn có vẻ khô khan trần trụi và nhiều đoạn tả chân thật cụ thể tạo cho người đọc cảm giác nặng nề, nhưng nếu đọc qua mấy trang đầu, các bạn sẽ thấy dần dần bị cuốn hút vào dòng văn miêu tả của cuốn sách và muốn biết thêm sâu hơn nữa về số phận bi thảm của những nhân vật đa dạng cứ lần lượt xuất hiện trong trí tưởng các bạn. Các bạn cũng có thể tức giận, bất mãn, khâm phục và đôi khi khinh miệt một số nhân vật và rồi các bạn sẽ hoà nhập hẳn vào cái thế giới đầy ám ảnh, trong đó sự đối kháng của các lớp người cộng sản và người tự do diễn ra căng thẳng kịch liệt không khoan nhượng, các bạn có thể gấp sách lại và thêm tin tưởng là cuối cùng cuộc chiến ai thắng ai dã nghiêng về phía những người tự do, và cuối cùng những giá trị nhân bản cao đẹp đã được bảo toàn, dĩ nhiên với cái giá là những sinh mạng và sự đau khổ của biết bao con người, trong đó có cả những bạn đồng ngũ, đồng nghiệp, bạn tù, kể cả những người các bạn đã có dịp quen biết hoặc nghe tiếng. Dĩ nhiên, cũng còn những người vô danh mà các bạn không hề quen, một bà mẹ già, một người trẻ phục quốc chết tức tưởi vì tra tấn, một em bé có lòng thương tặng người tù bốn cái trứng gà và nhiều người khác nữa, mà sự khí khái can trường hoặc tình thương ngây thơ sẽ khiến bạn cảm động sâu xa. Tôi muốn nhắc đến câu nói của Hemingway tôi đã đọc lâu và thích và cũng đã nhiều lần nhắc lại với các bạn tù nhân chính trị trong 12 năm sống qua các trại cải tạo, kể cả trại Xuân Phước, trại Kiên Giam mà anh Thiệp đã dùng làm tên của hồi ký, mặc dù tôi chỉ nhớ khái quát nội dung: "*Bánh xe lịch sử nghiền nát bao con người! Trong số này có những kẻ mạnh và xương sẽ lành lại, nhưng nhiều kẻ đã chết và trong số này lại có nhiều kẻ can đảm nhất và dịu hiền nhất* . . . " □

việt nam qua tác phẩm của nhật tuấn và nhật tiến

Đi về nơi hoang dã, *truyện dài của Nhật Tuấn, ấn bản Hoa Kỳ do nhà xuất bản Việt Nam in năm 1990, sách dày 268 trang, tranh bìa Hồ Thành Đức, lời giới thiệu của Vũ Huy Quang, giá đề 11 Mỹ kim, không ghi địa chỉ phát hành cũng như nơi xuất bản.*

Mồ hôi của đá, *truyện dài của Nhật Tiến, Tủ Sách Cành Nam xuất bản tại Arlington, VA, năm 1988, bìa và phụ bản của Trương Anh Thụy, sách dày 276 trang, giá đề 8 Mỹ kim. Địa chỉ phát hành: Tủ Sách Cành Nam, 2607 N. Military Road, Arlington, VA 22207, USA.*

Tại Việt Nam từ lâu đã có hiện tượng nhiều nhà văn, nhà thơ thành danh có liên lạc huyết thống với nhau. Trong những thế kỷ gần đây chúng ta có dòng họ Ngô Thì, dòng họ Nguyễn Tiên Điền (trong đó có Nguyễn Du), dòng họ Nguyễn Huy (trong có Nguyễn Huy Tự), dòng họ Phan Huy (trong có Phan Huy Vịnh), v.v...

Trong thế kỷ 20, thời kỳ tiền chiến, chúng ta đã có hai cha con Nguyễn Văn Vĩnh - Nguyễn Nhược Pháp; Phạm Duy Tốn và các con Phạm Duy Khiêm, Phạm Duy. Nổi danh từ thời tiền chiến tới hiện nay là ba anh em đồng họ Nguyễn Tường: Nhất Linh, Hoàng Đạo và Thạch Lam. Kế tiếp bằng thế hệ sau là Tường Hùng, Duy Lam và Thế Uyên. Gần đây nhất chúng ta có hai chị em Nguyễn Thị Thụy Vũ - Hồ Trường An, Trần Thị Nghi - Trần Thị Kim Lan, Phan Thị Trọng Tuyến - Nguyễn Thị Ngọc Nhung - Nguyễn Thị Ngọc Diễm, và hai anh em Nhật Tiến - Nhật Tuấn.

Dĩ nhiên là dù có liên hệ huyết thống gần gũi, một nhà văn hoặc nhà thơ, dù là anh em ruột chăng nữa, mỗi người vẫn có một bút pháp, một tư duy và nhận thức khác nhau. Lấy thí dụ gần gũi nhất là hai anh em Duy Lam và Thế Uyên. Duy Lam chỉ viết truyện ngắn, truyện dài và lập trường chính trị thì hữu khuynh, trong khi Thế Uyên viết đủ loại, từ sáng tác tới biên khảo, dịch thuật, và lập trường chính trị thì tả khuynh.

Nhưng độc đáo nhất vẫn là trường hợp hai anh em Nhật Tiến và Nhật Tuấn.

Năm 1954, Nhật Tiến di cư vô Nam, viết văn rất sớm và thành danh đã lâu, trong khi người em Nhật Tuấn ở lại Hà Nội đã viết văn rất trễ. Sau 1970 mới có những truyện ngắn đầu tiên và chỉ thành danh sau 1985. Ở miền Nam, Nhật Tiến làm nghề nhà giáo, rồi do chế độ động viên, đã thành lính Việt Nam Cộng Hòa. Ở miền Bắc Nhật Tuấn đi vào ngành kiểu lộ, chuyên về nghiên cứu và thiết kế những tuyến đường mới – do nghiệp vụ này, Nhật Tuấn đã đội nón cối đi dép râu deo sà cột vào Sài Gòn ngay từ những ngày đầu của tháng 5-1975.

Hai anh em ruột nhưng lớn lên trong hai chế độ Bắc - Nam, cộng sản - quốc gia thù nghịch nhau, nội chiến máu lửa suốt mấy chục năm. Anh ở bên này chiến tuyến, em ở bên kia, đương nhiên khi viết văn, những tác phẩm của họ, dù chọn đề tài trong đất nước Việt Nam, vẫn có những sắc thái khác nhau. Nếu họ có giống nhau chăng, là cách thế họ nhìn chế độ cộng sản và quốc gia trong quá khứ. Nếu họ có tương đồng nào chăng, đó là cách thế họ nhìn về tương lai.

Đi về nơi hoang dã với Nhật Tuấn

Nội cái nhan đề sách đã mang nặng tính cách "phản động" rồi. *Ai* đi về nơi hoang dã? Dân miền Bắc. *Ai* bắt dân phải đi vào nơi khốn cùng như thế? Đảng cộng sản Việt Nam với thứ chủ nghĩa Mác-Lê Nin, Mác-Mao nhập cảng từ phương Bắc.

Nhật Tuấn đã bắt đầu truyện dài của mình bằng đoạn văn sau:

Chúng tôi có năm người, một ông già và bốn gã đàn ông lực lưỡng sẵn sàng

làm chồng những cô gái khỏe mạnh, làm cha người đứa bé chập chững, làm chủ những gia đình vào chiều đông xám lạnh như chiều nay hắn đang quây quần quanh bữa cơm nóng sốt. Vậy mà đằng đẵng bao năm nay, chúng tôi bị quẳng lên những đỉnh núi quanh năm mây phủ, không có cả đến một tiếng chó, một bãi phân trâu, cái thứ ở dưới miền đồng ruộng kia, ta bắt gặp nhan nhản ngay khi chưa bước chân vào cổng làng. (trang 11)

Năm người đàn ông đó là ai? Nhật Tuấn không hề đặt cho họ một cái tên rõ rệt, chỉ gọi họ bằng chức vụ trong toán người đi mở tuyến đường tới đỉnh Hua Ca. Ông già là "ông trưởng toán", tượng trưng cho thành phần đảng viên cộng sản trung kiên. "Thằng học giả" tượng trưng cho thành phần trí thức "dã đầu hàng giai cấp vô sản" (nghĩa là đảng). "Thằng hộ pháp" thân hình lực lưỡng, tính tình chất phác, tượng trưng cho giai cấp nông dân lao động chân chính. "Thằng cấp dưỡng" (làm bếp và tiếp vận), cháu của ông trưởng toán, tượng trưng cho mẫu người trung bình yếu đuối trong xã hội, ai sao ta vậy. Còn nhân vật thứ năm, xưng "tôi" trong truyện, tượng trưng cho người trí thức có lương tri.

"Đỉnh Hua Ca" là cái chi vậy? Với Nhật Tuấn, đó là cái thiên đường xã hội chủ nghĩa ước mơ của biết bao thế hệ đảng viên cộng sản từ đầu thế kỷ này, từ Moscow, Bắc Kinh tới Hà Nội và Havanna. Đó là thứ thiên đường mà Dương Thu Hương gọi là *thiên đường mù*, Xuân Vũ gọi là *thiên đường treo*. Nhưng đó là chuyện về sau này. Còn vào thời điểm trong truyện, chưa ai tới được đỉnh Hua Ca cả, nên nàng Sao, cô gái miền núi, người yêu của nhân vật "tôi", mới nghĩ rằng:

"Phà ơi – nàng kêu lên – anh lên đỉnh núi Hua Ca? Cao lắm, sát tầng mây kia đấy. Hua Ca có nghĩa là "đầu quạ", nghe nói ở cái mỏ của nó phun ra một dòng nước, nếu hai người cùng uống nước đó trong một cái chén thì không bao giờ quên được nhau . . . "

"Thật không? Em nói thật không?"

"Thật chứ, ông nội em kể lại cho bố, bố kể lại cho em. Nhưng phải thực bụng với nhau mới uống được, người nào không thực bụng uống vào chết ngay."

Tôi nói với nàng nếu vậy nhất quyết tôi sẽ tìm bằng được lên đỉnh Hua Ca lấy một chai nước về tặng nàng để mai kia uống chung với ai đó." (trang 227)

Toán người mở tuyến đường này chỉ có những phương tiện thô sơ như dao

chặt cây nên cuộc sống vô cùng khốn khó. Ăn thì đói vì cơm ăn không đủ no, dừng nói gì đến thức ăn. Bởi thế họ đã từng phải ăn thịt chó ghẻ hấp hối, đào con bò chết bệnh lên mà ăn thịt, và đôi khi may mắn được ăn thịt tươi thì cái thú vị, niềm hạnh phúc lúc đó của họ chỉ có những sĩ quan cải tạo miền Nam sau này mới chia sẻ được. Nhật Tuấn tả họ ăn thịt con cheo như sau:

Quả thực suốt từ ngày bắn được con lợn rừng, ba tháng nay chúng tôi không động tới miếng thịt tươi, thiếu đạm động vật, người mệt mỏi, da khô, mắt mờ, đêm nằm mơ thường chỉ thấy mình sắp được ăn món này món kia, món nào cũng kể miệng rồi tỉnh giấc. Bởi vậy mới chỉ đặt miếng thịt cheo vào đầu lưỡi đã thấy cái vị bùi bùi của nó chạy lan khắp người, rung chuyển cả hệ thần kinh và rồi dạ dày như được đánh động co bóp thật chặt để đón chờ những dưỡng chất thần kỳ, từ lâu rồi vắng mặt. (trang 133) Năm con người này là những con người thực sự, không hề là "bọn quỉ đỏ", bọn "ác ôn cộng phỉ". Ngay ông trưởng toán, đảng viên trung kiên mấy chục năm, cũng có lần sa ngã mê một "bà trưởng phòng", làm tình với bà để có một đứa con hoang. "Thằng học giả" chiều nào ăn xong cũng ngồi giữa rừng núi viết thư cho người yêu là "nàng búp bê" ở Hà Nội. "Thằng cấp dưỡng" không dám chi một đồng lương nào, dành dụm tiền để mang về cho mẹ già sửa mái nhà mưa dột. "Thằng hộ pháp", mặc dù to khỏe đẹp trai, đi tới đâu là phụ nữ mê tới đó, làm tình bừa bãi, nhưng lúc nào cũng chỉ yêu "con vợ thằng xã đội" ở quê nhà. Còn "tôi" thì cô đơn hoài, mãi cho tới khi đến bản Mù Cang được gặp nàng Sao.

Tai họa dồn dập tới với họ. Bệnh kiết lỵ, bệnh rắn lục cắn, rớt xuống thác, tuột tay trên vách núi. Nhưng tất cả những tai nạn kiểu đó không làm cho họ đau khổ bằng những thay đổi khác. Thí dụ như nàng búp bê không đợi chờ được, đi lấy chồng khác, làm "chàng học giả" suýt nữa dùng súng tự tử. Chàng cấp dưỡng bị rớt mất gói tiền dành dụm trong lúc tấn công đỉnh núi cao. Chàng hộ pháp trốn về quê, dự tính rủ nàng vợ ông xã đội trốn theo lên rừng núi yêu nhau tự do, nhưng không thành.

Có thể nói Nhật Tuấn đã thật can đảm khi dám bước ra khỏi thứ *văn chương phải đạo* (tất cả nhân vật đều là anh hùng, dũng sĩ, cách mạng chân chính, lao động tiên tiến . . .) Các nhân vật của anh đều rất "người" với tất cả những giấc mơ bình thường, những tâm tình yêu đương và nhu cầu sinh lý. Con người, dưới ngòi bút Nhật Tuấn, được mô tả trọn vẹn hơn là những nhân

vật của ông anh Nhật Tiến. Nghĩa là con người vừa biết yêu thương vừa có nhu cầu về tính dục. Chính vì lối miêu tả này mà Nhật Tuấn ở trong nước đã bị mấy ông dảng viên già kết tội là viết văn khiêu dâm. Sự thực những đoạn nói về *sex* ấy không thấm vào đâu với những nhà văn của miền Nam trước dây như Túy Hồng, Thế Uyên, Dương Nghiễm Mậu. Và còn xa mới bằng những Kiệt Tấn, Khánh Trường, Đỗ Kh. của hải ngoại.

Chúng ta hãy đọc một vài đoạn:

Tôi thò đầu ra khỏi võng, kêu lên: Lạ nhỉ, đói rét mất ngủ đã đành, no tử bụng mà cũng không ngủ được thì là sao? Thằng học giả cất giọng giảng giải: Chúng mình không ngủ được là đúng thôi. Tình dục là nền tảng cho các hoạt động của con người. Bởi thế "cái đó" mới nằm bên dưới cái đầu. Nó thuộc hạ tầng cơ sở nhưng lại chi phối chặt chẽ thượng tầng kiến trúc. Cho nên chúng mày thử ra lệnh cho nó rụt lại xem có được không? Không được . . . (trang 35)
Kỳ phép vừa rồi tao (thằng hộ pháp kể) *vừa đặt chân xuống bến ô-tô phố luyện thì đổ mưa như trút, xung quanh trốn sạch cả, tao còn dang khoác áo nylông đứng giữa trời, giữa bến xe ngơ ngơ ngác ngác như quạ vào chuồng lợn thì bỗng từ quán ăn dằng xa có một em tới như chuột lột, chạy tới, chui tọt vô nylông của tao. Trời ơi, tưởng ai hóa ra con vợ thằng xã đội, nó cứ run lên cầm cập, ôm lấy tao khóc rưng rức: "Ối anh ôi, anh bỏ em đi đâu cho em khổ thế này?" Tao càng dỗ, nó càng khóc to, hai quả dừa của nó cứ đè chặt lấy ngực, nóng ran khắp người. Mưa lại ào ào mỗi lúc mỗi to. Biết làm sao giờ, tao đành buông cái ba lô trên vai xuống, rồi cứ dừng thế mà quấn chặt lấy nhau như bện thừng, may có miếng nylông trùm kín hết chẳng sợ ai nhìn thấy. Chưa giập bã trầu, nó đã giẫy lên dành đạch, miệng gì gì: "Ối anh ôi, anh* làm gì em thế này . . . (trang 92)

Mùa mưa ào ào chụp lên toán mở tuyến đường khi họ không còn xa đỉnh Hua Ca. Ông trưởng toán ngã bệnh, tình nguyện ở lại một cái lán làm tạm, để những người còn lại tiếp tục leo lên đỉnh. Lúc này chỉ còn có hai người, "thằng học giả" thay ông già làm trưởng toán, và anh trí thức lè phè nhưng sáng suốt "tôi". Và đây là đỉnh Hua Ca:

Tôi ngơ ngác nhìn quanh, nửa tin nửa ngờ, không lẽ tôi đã đi một vòng ngay trên đầu con quạ ấy ư, vậy còn cái mỏ của nó phun ra dòng nước thần đâu? Chẳng lẽ cái vùng đất huyền diệu nàng Sao kể tôi nghe lại tầm thường toàn

sương mù gai góc và đầy những vũng nước vàng ố và bẩn thỉu thế kia ư? Không thể như thế được, cái đỉnh Hua Ca thần thánh ấy chắc không phải nơi tôi đang đứng đây, nó phải ở đâu đó cao tít tầng mây kia chứ . . .

Thôi nhé, vĩnh biệt chuyến đi tìm nước thần thoát ra từ miệng con quạ. Tôi không thể bắt chước thằng học giả, không thể mang thứ nước vàng dục kia và gọi nó là nước thần về cho nàng Sao. Tôi bước nhanh ra khỏi vũng lầy đầy những bọ gậy và lá mục . . .

Đoạn kết luận thật buồn và có "tính phản động" cao độ. Nhật Tuấn đã cho thấy ông trưởng toán trong những ngày đau ốm chót, đã kín đáo trao cho nhân vật "tôi" tất cả tiền bạc dành dụm, nhờ nhân vật này khi trở về đến đồng bằng, hãy đi kiếm mẹ con "bà trưởng phòng" đang sống lam lũ trong một nông trường, tặng ngân khoản ấy với lời xin lỗi và hối tiếc. Xét về tình người muôn thuở, thì sự kiện ấy rất được. Nhưng sự kiện khai tử ông đảng viên trung kiên một đời cho sự nghiệp cách mạng, là một thị kiến làm nhức nhối rất nhiều ông trung ương ủy viên già của đảng cộng sản Việt Nam vào thời điểm Boris Yeltsin chưa giải thể liên bang Sô Viết. *Quí ông không thể tới đỉnh Hua Ca được*, và có tới cũng chẳng có gì ngoài sương mù, gai góc và những vũng nước vàng dơ bẩn. *Thời và giấc mơ của quí ông và ngay bản thân của quí ông nữa, đã qua rồi*. Đó là thư thông điệp nhà văn Nhật Tuấn muốn gửi tới đảng.

Nhưng chỉ có đảng cộng sản là phải chết, qua đi thôi. "Thằng cấp dưỡng" dù phát quang cả sườn núi cũng không kiếm ra gói tiền đánh mất, đã trở lại. "Thằng hộ pháp" không rủ được nàng xã đội ra đi, cũng một mình trở lại miền Hua Ca. "Bốn thằng" này, tượng trưng cho nhân dân trường tồn ngàn đời của Việt Nam, đã trịnh trọng mang xác ông trưởng toán lên chôn trên đỉnh Hua Ca. Sống, ông đã không lên được nhưng ông đã thiện chí và cố gắng tối đa, thì chết, cho ông lên nằm ở đó – phản ứng đúng tình nghĩa của dân Việt.

Nhưng kết luận của Nhật Tuấn cũng không đến nỗi bi quan. Dưới đây là những dòng chót của *Đi về nơi hoang đã*:

Trong đêm cuối cùng trên đỉnh núi Hua Ca, chúng tôi lại đốt một đống lửa, ngồi quây quần như những ngày trước. Không ai hé răng một lời. Tất cả đều ngồi thẫn thờ trước ngọn lửa đang bốc cao kéo những tàn đỏ đuổi nhau và mất hút trong bóng đêm. Mọi việc giữa bọn tôi rồi cũng qua đi như thế. Sáng mai

tôi sẽ xuống núi, sẽ nói với nàng Sao rằng suối thần trên đỉnh Hua Ca chỉ có trong huyền thoại, tuy nhiên KHÔNG VÌ THẾ CON NGƯỜI KHÔNG THỂ THỰC BỤNG YÊU NHAU . . .

Mồ hôi của đá của Nhật Tiến

Nếu bảo rằng đa số những người cầm bút ra hải ngoại đều hay bóp méo sự thực khi cầm bút viết về Việt Nam thì là điều quá đáng, nhưng nếu bảo rằng ai cũng trung thực với sự thực của lịch sử, lại là điều hoàn toàn không đúng. Trong những người cầm bút có can đảm tả đúng những gì đã xảy ra trước và sau 1975 tại Việt Nam, chúng ta có không nhiều, và đương nhiên trong thành phần nhà văn trung thực này có mặt Nhật Tiến.

Đọc *Mồ hôi của đá*, độc giả không thấy những huyền thoại kiểu: cả trăm ngàn quân nhân tự sát vì không chịu buông súng, giáo chức thì bỏ dạy để phản đối chính quyền cộng sản, các mật khu kháng chiến mọc ra như nấm, đánh cộng sản tơi bời hoa lá, v.v... Nhật Tiến đã có can trường tả đúng những gì xảy ra tại miền Nam sau tháng 4-1975, và nhất là tại Sài Gòn. Ông đã, qua những nhân vật Nguyệt, Vũ, Toàn, ông Hồng Phát . . . , miêu tả rõ tâm trạng thực sự của dân miền Nam *những năm đầu.*

Đó là thứ tâm trạng thoả hiệp với chính quyền mới. Chính quyền cũ và quân lực Việt Nam Cộng Hòa đã tan rã, nay có muốn chống đối tiếp cũng không thể nổi. Dân thời này hay nói với nhau: Lúc còn cả triệu quân có súng còn chẳng đánh nổi cộng sản nữa là bây giờ. Thứ tâm trạng cầu an này không có gì để ngạc nhiên vì đó là thứ tâm trạng phổ biến trong nhiều thời đại tại các không gian khác nhau. Điểm đặc biệt Nhật Tiến đã nêu lên được là *sự quyến rũ đầu tiên* của "chính nghĩa cách mạng" do đảng cộng sản đưa ra. Từ bộ đội miền Bắc đến bộ đội của Nguyễn Hữu Thọ, từ quân sự đến dân sự, đều lớn tiếng nhấn mạnh đến công cuộc cách mạng của họ, không phải chỉ có một, mà tới "ba dòng thác cách mạng". Không phải nhắc ngày nhắc đêm, mà bắt toàn dân miền Nam đều phải học tập cho hiểu và cho nhớ. Và đương nhiên đa số dân đều bị tác động, chỉ có điều tin nhiều hay ít hay bán tín bán nghi, thì tùy từng người mà thôi. Nhật Tiến đã tả đúng thứ tâm trạng này

trong đoạn văn sau:

Một xã hội như thế, ai mà không mơ ước! Phải chăng, mấy trăm ngàn sĩ quan các cấp thuộc quân lực cũ sẵn sàng đi trình diện học tập trong khi guồng máy công an, cảnh sát của chế độ mới hãy còn ở giai đoạn phôi thai chưa đủ khả năng ruồng bắt, tóm gọn, ấy cũng là vì xuất phát từ một tấm lòng tha thiết muốn được góp phần vào công cuộc xây dựng lại quê hương sau bao nhiêu năm hoang tàn vì chiến tranh. (trang 55)

Đối với những người lớn tuổi, kể cả thành phần quân cán chính của chế độ cũ, đa số đều bán tín bán nghi: Họ (cộng sản Việt Nam) nói họ làm cách mạng xã hội để xây dựng một xã hội lý tưởng, hay hơn, công bằng dân chủ hơn chế độ Việt Nam Cộng Hòa, vậy thì ta "hãy cứ chống mắt" lên xem họ làm. Còn đối với lớp trẻ, thì chính nghĩa cách mạng cộng sản quyến rũ hơn nhiều. Thí dụ như nhân vật chính Nguyệt. Là nữ sinh Nguyễn Bá Tòng mới trở thành sinh viên Đại học Văn Khoa chưa được bao lâu, Nguyệt đã nhiệt thành tin tưởng ở chính nghĩa vô sản, do đó đã trở thành bí thư chi đoàn trong nhà in Hồng Phát cô đang làm việc – với chế độ xã hội chủ nghĩa, kể như Nguyệt trở thành *general manager*, cô giám đốc có toàn quyền sinh sát đối với toàn thể công nhân, kể cả ông chủ nhà in thực sự là ông Hồng Phát.

Nguyệt có hai người yêu. Người đầu là Vũ, sinh viên y khoa năm thứ ba bỏ ra bưng theo mặt trận Nguyễn Hữu Thọ. Người yêu thứ hai là Toàn, cựu sinh viên Luật, động viên thành thiếu úy, bị thương giải ngũ nên không phải đi cải tạo năm 1975. Ba người này tượng trưng cho giới trí thức trẻ của miền Nam. Về phía cộng sản đang nắm quyền, có hai nhân vật xuất hiện. Một ông Sáu Thu theo đảng từ mấy chục năm nhưng trong thâm tâm đã mất lòng tin ở chủ nghĩa Mác-Lê. Bây giờ ông chỉ lo giữ ghế và hưởng thụ tối đa những gì miền Nam có thể mang lại.

Như ông Sáu Thu là một trường hợp điển hình. Ông đã miệt mài đấu tranh để loại bỏ một giai cấp, nhưng ông lại đang ở trên đà trở thành kẻ thay thế lớp người cũng ở giai cấp đó. Nói khác đi, cách mạng đâu có xóa bỏ nổi giai cấp áp bức, bóc lột. Nó chỉ thay thế lớp người đi làm công cuộc áp bức, bóc lột đó thôi. (trang 65)

Ông Năm Tỏa thì trái lại. Ông thuộc thành phần cán bộ miền Nam, theo đảng vì tưởng đảng mang lại cho dân một chế độ tốt hơn hẳn chế độ Việt Nam

Cộng Hòa mà ông biết trước đây. Bây giờ cách mạng thành công rồi, đất nước đã thống nhất, ông mới chua xót nhận ra là chế độ xã hội chủ nghĩa nhập cảng từ lục địa phương Bắc, là một chế độ tồi tệ đến độ ông thường cay đắng than: "*Cả cuộc đời tôi đi làm cách mạng, đâu phải để thể hiện một cái xã hội như thế này*." Nhận định này biểu lộ tâm trạng chung của những người đảng viên cộng sản đổi mới bất cứ ở đâu, từ Hungary, Ba Lan tới Liên bang Sô Viết. Chính cái ông cộng sản có tâm thức *glasnost*, đổi mới này đã khuyên Nguyệt như sau:

Thôi Nguyệt ạ, đừng loay hoay làm gì cho mất công. Cái đời chó đẻ này, ở đâu cũng thế. Lý thuyết một đằng, thực hành lại đi một đằng khác. Như tôi, đấu tranh gần cả một đời, gian nan nào cũng vượt, khó khăn nào cũng qua, ấy thế mà, lúc cầm được vinh quanh trong tay lại là lúc chao đảo niềm tin một cách não nề nhất. Chẳng phải chỉ có một mình Sáu Thu đâu, chúng nó mất phẩm chất la liệt. Trước thì còn nghĩ được rằng đó chỉ là hiện tượng, nhưng rồi không thể chối cãi được rằng hiện tượng đó đã trở thành bản chất mất rồi! (trang 69)

Trong những năm đầu sau tháng 4-75, dân miền Nam có thói quen coi bất cứ ai đội nón cối đi dép râu đều là "cán bộ và bộ đội cộng sản". Nhưng rồi với thời gian, dân miền Nam dần dần hiểu ra rằng ngoài Bắc cũng có hai thành phần dứt khoát: thành phần thống trị là đảng, và thành phần bị trị là dân – và dân thì đói khổ vô cùng tận. Kể từ đó dân bị trị hai miền thông cảm với nhau hơn, cùng ngấm ngầm ghét cay ghét đắng "tụi nó" (từ thông dụng mà dân Bắc hay dân Nam cùng dùng mỗi khi nói tới đảng và công an). Làm sao dân miền Nam không chấm dứt hiện tượng vơ đũa cả nắm dân miền Bắc khi chính một người miền Bắc đã nói với bà con miền Nam như sau:

Đừng tin những gì chúng nó nói, cháu ơi. Xã hội miền Bắc sau gần 30 năm tiến hành xây dựng xã hội chủ nghĩa, đời sống vật chất càng ngày càng nghèo đi, mà đời sống tinh thần cũng theo đó mà suy sụp theo nữa. Con người không còn tâm trí nào khác hơn là lo toan đến những nhu cầu vật chất tối thiểu. Như một đàn cừu dưới làn roi vọt, con thì được chia nhiều cỏ hơn, con thì được ít hơn. Nhưng chung qui vẫn chỉ là những con cừu thụ động đi theo sự hướng dẫn của đảng và nhà nước. (trang 82)

Đó là nói về quảng đại quần chúng miền Bắc. Vậy còn giới trí thức mà mọi người nội địa hay gọi dùa là "giới sĩ phu Bắc hà" thì sao?

Giới này vẫn còn tồn tại nhưng nín khe sau vụ Nhân Văn - Giai Phẩm. Đa số những người này suy nghĩ như nhân vật nhà văn miền Bắc tên Hoàng:

Từ khước phương tiện văn chương chỉ là một thái độ tiêu cực. Điều đó có nghĩa là phó mặc mọi việc nước cho một thiểu số mặc sức tung hoành. Kết quả, kẻ đứng ngoài cũng vẫn chịu ảnh hưởng đến đời sống của mình chứ không phải vì thế mà tránh thoát. Cho nên hãy cứ xông vào, chấp nhận qui luật của chế độ mới để tạo một đất đứng cho mình. Dần dà, số người tham gia sẽ trở thành những nhân số tích cực, ảnh hưởng vào cơ chế mới, khiến cho nó thay đổi. Nhân số tích cực càng nhiều thời gian thay đổi càng rút ngắn.

Đó là quan điểm phổ biến của nhiều người cầm bút miền Bắc . . . (trang 89)

Chính nhà văn miền Bắc này đã nhận định:

Miền Bắc, sau gần 30 năm kìm kẹp, không trông mong gì được về một phong trào chống đối nào. Mọi người đã kiệt quệ, mòn mỏi. Tuổi trẻ thì khi sinh ra đã ở trong lòng chế độ. Họ hoàn toàn xa lạ với những tin tức bên ngoài và những tư tưởng tự do. Họ không đủ yếu tố để trở thành những hạt nhân của sự suy nghĩ mới. Xã hội bế tắc nhưng vẫn cứ tồn tại. Tồn tại trong những điều kiện thấp kém nhất của nhu cầu tối thiểu làm người.

Hoàng hướng về quần chúng miền Nam với một ước vọng thầm kín. Lịch sử không thể tái diễn đối với phần đất đã từng có hơn 30 năm tiếp xúc với thế giới bên ngoài. Đảng và nhà nước có trấn áp, có tiêu diệt, có áp dụng triệt để bạo lực cách mạng thì những gì đã xảy ra ở miền Bắc vẫn không thể xảy ra trọn vẹn ở miền Nam. (trang 93)

Chính với một ý hướng như thế, Hoàng đã gặp những Nguyệt, những Toàn của miền Nam để phổ biến bản tuyên ngôn của nhóm văn nghệ "Nhóm Chân Đất" hoạt động bí mật trong giới cầm bút gốc miền Bắc, có đoạn như sau:

Chúng tôi, những con người vốn sinh ra như con người dưới ánh sáng mặt trời muôn thuở, kêu gọi tất cả mọi sáng tác phẩm được viết phải dành cho mọi trái tim yêu thương chứ không dạy mọi người phải căm thù và chuyên chính! Với bộ ngực trần, chúng tôi tuyên chiến với mọi thứ văn hóa bịp bợm, tố bịch đang ngày đêm làm bẩn bầu không khí xung quanh chúng ta. Hãy chống mọi thứ ô nhiễm đang đầu độc nền văn hóa 4000 năm . . . (trang 159)

Mồ hôi của dại được xuất bản tại Hoa Kỳ năm 1988, nghĩa là Nhật Tiến đã

hoàn tất cuốn truyện trước đó. Vào thời điểm ấy, sự hiện diện và nỗ lực của nhóm Chân Đất kể như không mấy ai chịu tin. Nhưng những năm về sau, thực tế đã trả lời là họ có thật và làm được thật. Những Trần Mạnh Hảo, Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Nhật Tuấn, Nguyễn Duy . . . đã xuất hiện thật mạnh mẽ với nhiều tác phẩm có giá trị về tư tưởng cũng như nghệ thuật.

Nhưng đó chỉ là trong địa hạt văn nghệ và vận động tư tưởng quần chúng cho một sự đổi thay lớn lao cho một tương lai chưa tới. Về thực tế, cụ thể, trong cuộc sống chính trị xã hội kinh tế hằng ngày thì sao? Câu trả lời khá giản dị: Đổi Mới đã có, đã xảy ra và đang diễn tiến, dù con đường dẫn tới một "C.I.C Việt Nam" thay cho Việt Nam Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa vẫn còn dài. Dù là đi "chân đất, ngực trần" như nhân vật Hoàng trong truyện, hay "ngồi bệt xuống cỏ" mà nói lên tiếng nói của lương tri như Dương Thu Hương, người trí thức, người nhà văn dấn thân của Việt Nam cũng đã hoàn tất đáng khen thiên chức của mình.

Nhật Tiến đã kết thúc tác phẩm của mình bằng cách cho Nguyệt bị ông Sáu Thu (vẫn mê nàng một cách rất xác thịt từ lần đầu gặp gỡ) lừa cho uống thuốc mê để phá trinh nàng. Sự kiện này là giọt nước làm tràn cái ly: Nguyệt đi tới chỗ không còn tin tưởng ở "cách mạng nói chung" nữa. Nhưng Nguyệt biết làm gì bây giờ, một khi nàng từ khước giải pháp bỏ cuộc, quay lưng lại với nỗi khốn khổ của dân tộc, vượt biên ra đi đến Canada hay Mỹ làm lại cuộc đời nhỏ bé của mình trong bình yên.

Nguyệt không còn tin ở phe chiến thắng cũng như phe chiến bại bởi vì những người " *. . . như Sáu Thu, như Vũ, và những cán bộ được chuyển từ miền Bắc vào. Họ luôn luôn tự mãn với thành quả chiến thắng vừa đạt được. Họ làm như đã đạt tới tột đỉnh của vinh quang và không bao giờ muốn đổi thay nó. Nghĩ tới đổi thay bây giờ là dụng chạm tới luỵ kị*" . . . "*Còn cái vỏ thuế hai thì dành cho những kẻ như Toàn. Chàng tiếc nuối quá khứ và do sự tiếc nuối này, chàng không chấp nhận bất cứ cái gì không thuộc về quá khứ. Thật ra có ích gì đâu khi đứng bên lề cuộc sống và gậm nhấm tất cả những nỗi buồn tủi, ê chề, thiếu thốn do chính cuộc sống đem lại mỗi ngày . . .* " (trang 162)

Phe chiến thắng không còn tin được, phe chiến bại cũng không xài vào việc gì, vậy giải pháp nào đây cho toàn dân Việt Nam?

Nhật Tiến đưa ra giải pháp "Năm Tỏa", kể ngay từ lúc xuất hiện trong

truyện đã nổi danh vì câu: "Tôi đi làm cách mạng, hy sinh cả một đời, đâu có phải để thực hiện một xã hội như thế này!"

Hẳn lòng ông mang đầy mặc cảm tội lỗi. Nhiều đảng viên, đoàn viên, cán bộ chắc cũng đã mang mặc cảm tội lỗi như thế, nhất là những thành phần trong đám đã từng tham gia Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, không vì xã hội chủ nghĩa mà vì lòng yêu nước. Nhưng ông Năm Tỏa đã hơn hẳn nhiều người có cùng một tâm sự như ông, ở chỗ ông không dừng lại. Dừng lại là phủ nhận lý tưởng của mình, là tiếp tay cho bạo lực, là có tội chứ không có công với tổ quốc, với đồng bào. Ông đã lẳng lặng tiếp tục bước đi nữa trên con đường chông gai của mình. (trang 165-166)

Khi thấy Nguyệt (và khối người như Nguyệt thật là đông đảo) lâm vào bế tắc, ông Năm Tỏa đề nghị mời Nguyệt tham gia vào mật khu mới của phe ông:

Cô sẽ không thấy một chiến khu rầm rộ súng ống và những chiến sĩ thao dượt ngày đêm như cái danh từ vốn mang đầy đủ hình ảnh đẹp đẽ ấy . . . anh em chúng tôi ở đây quan niệm rằng súng ống của chúng tôi là súng ống mà chính quyền hiện đang có, quân đội của chúng tôi là quân đội đang phục vụ chế độ ở dưới cờ. Tất cả những phương tiện đó sẽ là của chúng ta nếu chúng ta thành công trong công cuộc thay đổi não trạng của tất cả mọi người. Chúng ta sẻ nhóm lên những ngọn lửa và trông chờ nó lan thành những cơn bão lớn, chứ không phải trông chờ ở những ai bật đèn xanh, đèn đỏ gì hết. (trang 170)

Những điều ông Năm Tỏa nói trên, vào thời điểm những năm 1987-88, còn mang tích cách dự tri, hơi nặng phần văn chương khoa học giả tưởng. Nhưng thực tế của những năm sau đó đã chứng tỏ sự thay đổi não trạng của những lãnh tụ và đảng viên cộng sản đã xảy ra thật. Bắt đầu từ Ba Lan, lan dần khắp Đông Âu. Để rồi tận cùng, tại Liên bang Sô Viết, nơi phát sinh ra các chế độ xã hội chủ nghĩa trên thế gian, chính những người đảng viên cộng sản cao cấp như Gorbachev, Yeltsin . . . đã đứng lên giải tán các đảng cộng sản, để mặc dân đập tan các thần tượng và tượng thật của những thánh tổ đỏ xưa kia như Mác, Lê-nin.

Tại Việt Nam, những ông Năm Tỏa đã xuất hiện và đã đổi mới được một phần nào chế độ. Nhưng với Nhật Tiến thì không phải chỉ có những ông Năm tỏa mà thôi. Trong đoạn chót của *Mồ hôi của đá*, Nhật Tiến đã cho nhân vật

chính Nguyệt gặp gỡ trong mật khu kiểu mới của Năm Tỏa một đại úy của quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Đó là một hình ảnh tượng trưng cho giải pháp mơ ước của Nhật Tiến:

Những người cộng sản trong sạch và biết nhận lỗi lầm trong quá khứ sẽ hợp tác với những người tốt *của Việt Nam Cộng Hòa xưa kia, kể cả các sĩ quan cải tạo, để cùng làm một cuộc cách mạng mới hay một công cuộc đổi mới toàn diện đất nước.*

Nếu có một vấn nạn nào có thể nêu ra để kết thúc bài văn này là: Vào thời điểm Nhật Tiến viết *Mồ hôi của đá*, chưa hề có chương trình H. O. cho phép các sĩ quan cải tạo mang vợ con đến Mỹ làm lại cuộc đời trong khiêm tốn nhưng an bình. Bây giờ các sĩ quan ấy đã, đang và sẽ còn ra đi đều đặn . . . đến độ những người đọc đến trang chót *Mồ hôi của đá* có thể tự hỏi: Đến cái ngày mà những người trong nước, chủ yếu là các đảng viên cộng sản đổi mới, viết lại một lần nữa hiến pháp, xóa bỏ chủ nghĩa Mác-Lê và chuyên chính vô sản, thì liệu có còn một sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa nào nữa không đứng cạnh những cô Nguyệt, những ông Năm Tỏa của Việt Nam? □

LÊ BI

thơ dịch

*

Ngạn ngữ: dịch là phản, kẻ yêu thơ càng thấy thơ khó dịch
Làm sao dịch lục bát Nguyễn Du ra ngôn ngữ xứ người
Ngay quanh tôi thiếu gì điều không thể dịch
Để cho đời nghe trăm vạn tiếng mưa rơi.

chị em

CHƯƠNG MỘT
CỐ SỰ CỐ NHÂN

1.

Mười lăm năm rồi chị em mình mới gặp lại nhau," cô Hoàng vừa nói vừa ôm chầm lấy em gái. "Mười lăm năm," Tâm nghẹn ngào nói theo. Rồi buông cô ra, nó ngả người ra sau ngắm chị. Nó lại nói, "Chị vẫn như xưa. Chị khỏe mạnh, em mừng lắm."

"Chú ấy đâu?" cô hỏi. Tâm bảo Hoài đã qua bên Texas ăn thượng thọ bên nội. Tâm nhanh nhẩu nhặt va-li của chị đặt lên xe đẩy, rồi dẫn chị ra khỏi khu quan thuế thông hành của phi trường Los Angeles.

Thế là cô đến Mỹ. Chỉ còn sang cửa B đổi phi cơ là ba giờ nữa cô sẽ tới Hoa-Thịnh-Đốn đoàn tụ với cha mẹ.

"Cửa B đi ngã nào Tâm nhỉ?" cô hỏi em.

Tâm không trả lời thẳng câu hỏi của chị. Nó đề nghị:

"Chị ạ, khoan hãy sang bên ba mẹ. Ca-li vui lắm, ở chơi với em ít tuần. Tối nay thứ bảy, Rex có chương trình ca nhạc mới, nghe xôm tụ lắm."

Cô Hoàng ngắm em gái. Ngày xưa ai cũng bảo hai chị em giống nhau như

dúc. Nó cũng như cô, dong dỏng cao. Nhưng bây giờ, sự giống nhau dừng lại ở đây. Mái tóc nó bồng bềnh óng ả, cắt ngắn, ôm lấy khuôn mặt trái soan. Nước da nó mịn màng, ngăm ngăm nắng. Nhưng nó ngăm nắng một cách duyên dáng mượt mà. Tâm nó đen một cách sang trọng, không phải cái đen khô cháy cằn cỗi của cô. Nó có dáng dấp của mẫu người nữ trong các phim Hồng Kông, nhan sắc học vấn, có nghề nghiệp tốt địa vị cao trong một xã hội bắt đầu biết trọng đàn bà. Rồi cô tức cười, nghĩ về diện khác em mình vẫn còn con nít, hồn nhiên và láu táu. Cô vừa chân ướt chân ráo đặt chân trên đất Mỹ mà Tâm đã rủ rê đi phòng trà rồi. Mười lăm năm rồi mà tính em vẫn thế, chuyện gì cũng coi nhẹ như không.

*

Cô thèm cái vô tâm của em. Cùng máu mủ mà sao cái gì Tâm xử lý cũng quá dễ dàng, còn cô thì bao giờ cũng trăn trở khó khăn. Ngay việc đoàn tụ với gia đình cô đã nhiều đêm mất ngủ, phân vân giữa đi với ở.

Cô đã xa gia đình từ tháng Tư 1975. Đang phục vụ tại trại trẻ mồ côi Long Khánh, cô không kịp về Sài Gòn để di tản. Cô đã sống những năm tháng vô cùng bơ vơ. Một thân một mình, mất việc vì thành phần "ngụy", cô bán dần bán mòn gia sản để ăn. Mãi về sau, cô liên lạc lại được với cha mẹ, đời sống mới sáng sủa hơn nhờ số tiền cha cô thỉnh thoảng gửi về. Mới đầu, cô sống với niềm hy vọng độc nhất là một ngày nào lại được xum họp với người thân. Nhưng năm này qua năm khác, đơn cô xin xuất ngoại đoàn tụ vẫn không được các cơ quan hữu trách hồi âm.

Với thời gian, chuyện ra đi nguội dần. Cô trở về Long Khánh, treo biển hành nghề y tá chích dạo. Phố quận không có bác sĩ, chuyện gì cô cũng phải quyết định lấy, dần dà trở thành một y sĩ nông thôn. Nguyên cán sự y tế, lại thêm hai năm du học tại Mỹ, cô không gặp khó khăn nhiều với những chứng bệnh phổ thông.

Thủ tục xuất ngoại hoàn tất khi cuộc sống của cô đã ổn định. Trong cái xã hội nhỏ bé của phố quận, cô có bệnh nhân, có hàng xóm láng giềng, và một số bè bạn cũ mới. Cô phân vân lưỡng lự giữa cái vui được sống gần người thân và những bất an có thể xảy ra cho cô nơi miền đất lạ. Sau cùng, nghĩ đến cha

mẹ mỗi ngày một già yếu, cô quyết định ra đi. Hai em đã có vợ có chồng lại đều ở xa, nếu cô không qua thì mai mốt ai lo cho ông bà đây? Đã có lần sang Mỹ tu nghiệp trước hồi mất nước, cô biết người già ở Mỹ cô độc lắm.

"Không được đâu em," cô nói với Tâm. "Ba mẹ đợi chị bên ấy, chị phải đi thôi. Ít bữa nữa dâu vào đấy rồi, nếu có phương tiện, chị sang ở lâu với em. Em đưa chị đổi phi cơ ngay đi, kẻo trễ."

Tâm không chịu thua. Nó bảo đã thu xếp mọi chuyện để hai chị em sống với nhau ít tuần, như hồi còn ở với ba mẹ. Tâm đã có sẵn một chương trình cho chị, lại có cả một hũ ô mai để hai chị em nhâm nhi khi thức đêm nói chuyện nữa.

"Mà ba mẹ không đợi chị dâu," Tâm cả quyết. "Các cụ đã đồng ý cho em giữ chị lại chơi ít lâu mà."

"Để chị coi," cô Hoàng tìm cách hoãn binh.

Tâm nghĩ một giây, rồi bảo chị:

"Chị ạ, chắc chị không biết. Anh Lương cũng ở vùng này. Anh ấy còn mê chị lắm."

Cô sững sờ. Đầu cô choáng váng, và cô vịn tay vào chiếc xe hành lý. Đã lâu lắm cô không có tin tức của Lương. Cô chỉ biết Lương đã vượt biên hồi 1979, sau khi đi học tập trở về. Anh ra đi một mình, bỏ lại vợ và chín đứa con. Về sau anh làm thủ tục đưa gia đình sang, nghe nói họ đã đoàn tụ mấy năm trước đây. Nhưng nghe vậy biết vậy, hoàn cảnh mỗi người mỗi ngả, cô cũng không muốn theo dõi. Thật không ngờ anh ấy lại ở cùng tỉnh với em Tâm.

"Anh chị ấy có khá không em," cô lấy giọng thản nhiên hỏi em.

"Vợ anh ấy sang được hơn năm thì hai người ly dị nhau."

"Vậy sao..."

Cô nói cho có nói, đầu óc cô rối mù. Rồi cô nói tiếp, như một cái máy, như ai nói hộ cho cô:

"Tiếc quá, đổi chuyến bay chắc lôi thôi lắm, lại tốn kém nữa. Nếu không, chị ở lại chơi với em."

Cô biết cô ăn nói nhì nhằng, thuận không ra thuận, từ chối không ra từ chối. Cô nghĩ mình điên rồi, tuổi này còn mơ mộng viển vông. Cô phải dứt khoát mới được, phải cho em nó hay ngay là cô nhất định về Hoa Thịnh Đốn hôm nay. Con bé ranh lắm, hở ra một chút là nó bắt mạch được liền. Cô liếc

nhìn em. Vẫn nhanh nhẩu, Tâm nói tiếp:

"Chị này thật... Ngày xưa chị đi Mỹ rồi, mà còn ngại chuyện đổi vé máy bay. Mà tốn kém gì đâu, loại vé của chị thì đổi tha hồ. Để em thu xếp nhé." Nó thản nhiên chìa tay đợi cô trao vé cho nó.

*

Thế là cô ở lại Cali chơi với em gái. Trên đường về nhà, cô ngắm em chạy xe bon bon giữa xa lộ. Cô biết lái xe từ thủa con gái. Thứ bẩy chủ nhật, khi bác tài nghỉ, ba cô vẫn thường cho cô lái cho cả nhà đi ăn phở hay ra ngoại ô hóng mát. Nhưng chắc bây giờ thì cô không dám lái nữa.

Bên cô, Tâm tía lia, kể hết chuyện này chuyện kia, chuyện cũ khi còn sống với ba mẹ ở Sài Gòn, chuyện mới về đời sống thoải mái và thành công của hai vợ chồng nó ở đây. Tâm đã đi học lấy lại bằng dược sĩ từ năm 78, và hiện có hiệu thuốc tây ở khu Việt Nam. Hoài, nguyên kỹ sư tốt nghiệp tại Pháp, cũng đã điều chỉnh được bằng cấp và có công việc tốt. Tâm kể hai vợ chồng đã mua nhà bên Irvine, và qua nét kiêu hãnh của em, cô áng chừng đây là một khu sung túc khang trang. Bốn đứa con Tâm thì đã hai đứa lên đại học, đi học xa tít bên miền đông bắc. Hai đứa nhỏ, một trai một gái, còn học trung học tại tỉnh nhà. Như Tâm đã cho hay, chúng đã theo cha sang Texas ăn thượng thọ ông nội.

Tâm lại than đời sống ở đây buồn quá. Gia đình từ bố mẹ cho đến con cái cắm cổ làm việc, không có thì giờ sống với nhau, liên hệ vợ chồng mẹ con mỗi ngày mỗi nhạt đi. Ai lo phận nấy, ích kỷ như quy luật xã hội xung quanh. Cô không bắt chuyện em, nghĩ nó chỉ than cho có lệ. Cô nghe nói người mình sang Mỹ một khi dạt được mức sống khá giả, thường có lệ hay than thở cuộc sống ở Mỹ là quá vật chất và thiếu tình người. Rồi Tâm nhắc đến ba mẹ, nói hai cụ bên miền đông vẫn mạnh, không lạc lõng như các vị cao niên khác. Cụ ông thì bận rộn với các hội đoàn chính trị, cụ bà thì lu bù với công quả ở chùa. Hai cụ rất đông bạn, vì Hoa Thịnh Đốn là nơi tụ họp của đám cựu thần hào nhân sĩ của SàiGòn trước 75.

Tâm không nhắc đến Lương nữa. Mà Tâm cũng không cần nhắc, từ nãy đến giờ nói chuyện với em gái, cô chỉ ậm ừ cho qua, còn đầu óc cô hoàn toàn chế ngự bởi hình ảnh anh. Lương là mối tình đầu, mối tình độc nhất của cô,

mối tình đã để lại cho cô biết bao ngang trái. Gần ba mươi năm kỷ niệm bỗng trở về trong trí cô.

2.

Cô gặp Lương lần đầu vào mùa thu 1960, khi cô còn là cô bé Hoàng mười bảy tuổi và đang theo học ban tú tài tại một trường Pháp ở SàiGòn. Ba cô thuê Lương kèm hai em cô học, qua sự giới thiệu của bác tham Lan, một ông bạn làm bên Tổng Ủy Dinh Điền.

"Học trò Bắc ngoan mà học giỏi lắm, tôi nghe nói món gì nó cũng giỏi," bác tham Lan đã quảng cáo cho anh. "Nó lại có tú tài Việt, rất tốt để bổ khuyết cho các cháu." Bác Lan cũng như ba cô, với trào lưu độc lập của xứ sở, bắt đầu khó chịu với các giáo sư tây đầm đang nhồi sọ con cháu mình với môn sử Pháp mở đầu bằng câu *Nos ancêtres les Gaulois.*

Hồi ấy Lương đang học Y Khoa năm thứ nhất. Nghe nói gia cảnh không sung túc, nên mặc dầu đã có lương quân y, anh vẫn muốn dậy trẻ thêm để giúp bố mẹ. Ba cô trả anh tám trăm một tháng, khoảng nửa tháng lương thư ký công nhật, cộng thêm ăn ở tại gia. Mẹ cô bảo thế là hậu lắm, còn riêng cô thì mù tịt, chẳng biết thế nào là giá trị đồng tiền. Nhà cô ở là một biệt thự người Pháp ngày trước xây cho công chức cao cấp của họ. Tòa nhà chính rộng thênh thang, nhưng mẹ cô vẫn cho sửa sang lại căn phòng cũ của bác tài cho anh ở. Phòng vẫn để không từ ngày bác đón vợ con dưới quê lên và xin dọn ra. Phòng khoảng bốn trên sáu thước, nằm giữa nhà tắm và bếp, trong dãy nhà gỗ cuối vườn sau.

"Để có chỗ tĩnh mạc cho anh ấy học," mẹ cô cắt nghĩa sự sắp xếp của bà. Nhưng cô biết mẹ cô chỉ chủ ý tạo một khoảng cách giữa anh với gia đình, hay đúng hơn với chính cô. Nếu đúng ý mẹ cô thì Lương ăn luôn trong phòng là tiện nhất, nhưng ba cô phản đối quyết liệt, cho như thế là không biết trọng dãi học trò nghèo.

Sau mấy tuần quan sát, ba cô hoàn toàn thỏa mãn với công việc kèm trẻ của anh. Anh dậy học có lương tâm, lại quí con nít, và hai đứa em cô rất mến anh. Và cứ thế, anh ở nhà cô cho đến năm thứ năm quân y khi anh dọn vào

bệnh viện ở.

Mau thật, mới đấy mà ai cũng già rồi. Thằng Hải em cô đã xuất dương sang Pháp rồi ở luôn bên ấy lập nghiệp, còn em Tâm đã chồng con dùm đề.

*

Chuyện hai người yêu nhau hoàn toàn bất ngờ. Ba cô tuy đầu óc rộng rãi, nhưng ông không hề tính kén rể bằng cách thuê học trò nghèo làm thầy giáo tại gia. Còn dưới mắt mẹ cô, Lương tuy có tương lai nhưng quá khứ lại có nhiều khuyết điểm quá. Đã người Bắc, lại đạo dòng, lại con nhà nghèo, anh không có gì môn đăng hộ đối với cô. Gia đình cô gốc Trà Vinh, đã mấy đời sung túc. Ông nội cô là đốc phủ xứ, ba cô là tham sự lục lộ về sau lại đi Pháp tu nghiệp, lấy thêm bằng kỹ sư. Ông làm giám đốc công chánh, đã giữ nhiều chức vụ cao cấp trong bộ, quen biết nhiều trong chính giới, và việc ông lên làm bộ trưởng trong tương lai không phải là chuyện xa vời. Hơn nữa, gia đình có ruộng đất bị chính phủ Ngô Đình Diệm mua lại qua biện pháp cải cách điền địa để phát cho dân di cư, nên mẹ cô tuy không đặc biệt có ác cảm với người Bắc, cũng có khi thấy họ sấn sổ và nhiều đòi hỏi.

Riêng cô, mấy năm đầu cô hoàn toàn không để ý đến anh. Thứ nhất anh không đẹp trai mà cũng không chải chuốt. Lúc nào cũng quần kaki, áo sơ mi Chợ Lớn may sẵn. Tuy bề cao vừa phải, nhưng cái vạm vỡ có chiều nặng nề của nông dân làm anh trông như hơi thấp lùn. Khuôn mặt anh ngay thẳng, nhưng hàm răng hơi vẩu, nếu không có đôi mắt thông minh bù lại thì quê kệch lắm. Anh sống khắc khổ thầm lặng. Anh chỉ cởi mở với hai đứa em của cô, còn nói chung, anh thân thiện lễ độ nhưng vẫn giữ khoảng cách với mọi người.

Thỉnh thoảng anh làm cô tò mò. Anh khác hẳn các bạn trai của cô, những thanh niên cùng giai cấp, hồn nhiên đến vô tâm, sống vô tư lự bên lề cảnh lam lũ của đồng bào. Sau lưng anh, họ thường gọi anh là *thằng cha nhà quê*. Cô thấy bất nhẫn nhưng không phản đối, vì quả anh có nhà quê, từ ăn mặc cho đến xử thế. Phần lớn thì giờ anh dùng vào việc đọc sách, chuyên khoa hay văn học. Anh hoàn toàn không có thú vui hay sở thích tốn tiền.

Anh gần như không mua sắm bao giờ, trừ khi về quê thăm gia đình. Quê

đây là Hố Bò, quê mới của anh, còn quê thật của anh ở tít ngoài Bắc, một thôn nhỏ nơi miền duyên hải, hình như khoảng gần Bùi Chu Phát Diệm. Cô đã thấy những món quà anh mua sắm, những vật dụng mà lúc ấy cô không biết dùng để làm gì. Không có cái cà vạt lụa cho ông bố, cái khăn quàng cho bà mẹ, hay chai nước hoa cho cô em gái, mà toàn là những đồ gia dụng cho một cảnh đời khác. Khi thì cái mấy chục thước lưới cá, dăm ba lưỡi cầy lưỡi cuốc, bó kim cuộn chỉ, thùng dầu tây; khi thì ống kỷ ninh, bánh thuốc lào, đến xà phòng giặt, cái đầu máy khâu. Và mỗi khi từ quê trở lên tỉnh, anh mang những món quà của thầy - "Thầy Bu" anh tiếng Bắc miền quê để gọi cha mẹ - gửi lên biếu ba mẹ cô, như liễn mật ong, con cá chép tươi, buồng chuối chín cây, hay tảng thịt nai... Tụi bạn trai của cô có đứa bảo, coi chừng có ngày anh sẽ đem rượu lậu thịt chó lên biếu.

Và cứ như vậy, anh sống trong gia đình cô như một người bà con nghèo, âm thầm học hành và lo kèm mấy đứa em cô. Anh ít nói, không phải không biết ăn nói, vì ngôn từ anh chững chạc mạch lạc khi giảng bài cho các em, mà có lẽ cảnh sống của gia đình cô hoàn hoàn xa lạ nên anh nghĩ sẽ không bao giờ liên hệ lâu dài...

*

Và cứ như vậy cho đến một hôm, anh làm cô ngạc nhiên. Hôm đó cô tốt nghiệp năm thứ nhất văn khoa, lại học xong lớp dương cầm trung cấp. Ba mẹ cô mở tiệc mời bè bạn tới nghe cô trình diễn. Lương cũng dự cuộc vui gia đình, nhưng anh ngồi riêng một góc phòng khách với các em nhỏ. Lương lễ phép nghe trình diễn, vỗ tay theo mọi người, nhưng rõ ràng là anh không thưởng ngoạn âm nhạc cổ điển của cô. Lúc cô đánh xong bản cuối và mọi người vừa ngưng vỗ tay, Bảo, một bạn trai của cô, độc ác hỏi anh:

"Anh Lương thấy bản nhạc tây này thế nào?"

Cô khó chịu vì lối nói xấc của Bảo. Mọi người quay lại nhìn Lương. Anh lúng túng đến tội nghiệp. Sau cùng, anh nói, nét mặt thành thật:

"Bản đàn mạnh, nhanh, dồn dập, và chắc đòi hỏi nhiều chính xác. Cô Hoàng tập bản này cả hơn tháng nay. Tôi biết là hay, nhưng lắng nghe nhiều lần mà không bắt được. Chắc tại trong đầu tôi không có sẵn những giai điệu

ấy."

"Tất nhiên là không có rồi," Bảo trịch thượng. "Tôi nghĩ thế nào cũng phải có khác nhau giữa dương cầm và đàn banjo."

Cô biết Bảo ám chỉ đến cây đàn tội nghiệp của Lương. Trong đám bạn trai của cô, Bảo là người luôn luôn kiếm chuyện với Lương. Khác với phần đông sinh viên ban nhân văn thường nhìn nhận y khoa là môn khó, Bảo hay tỏ ý coi thường các trường kỹ thuật nói chung và trường thuốc nói riêng. Bảo cũng trúng tuyển vào y mà sau cùng không học, vì anh cho rằng với quen biết lớn của gia đình, bằng cử nhân luật sẽ thuận tiện hơn cho những tham vọng chính trị của anh. Cô nhớ Bảo thường nói Lương là người chồng lý tưởng cho những cô gái tiểu tư sản tỉnh nhỏ, nhưng sẽ quá lạc lõng quá với xã hội thượng lưu của thủ đô.

Bảo tấn công tiếp:

"Anh Lương, tôi tò mò cái này, phiền anh trả lời. Thôi, không nói đến nhạc dương cầm nữa. Chung chung, người Bắc di cư tìm cái gì trong nhạc nhỉ?"

Mẹ cô đỡ lời:

"Chắc anh Lương còn mải nghĩ đến bệnh nhân, đến dao mổ ống chích phải không? Bác nghĩ nghề thuốc bận rộn lắm, ai yêu nghề này thì phải bỏ văn học nghệ thuật thôi."

Cô biết mẹ cô quí Bảo hơn Lương, và bà can thiệp chỉ vì muốn cứu vãn không khí buổi tiếp tân. Bà không chấp nhận chuyện to tiếng trong phòng khách gia đình. Khác với mọi lần, Lương không tránh né. Anh nói:

"Bác, bác cho con tiếp chuyện anh Bảo. Thế này anh Bảo nhé. Nghề y không đối chọi với nhạc. Trái lại, Y rất gần Nhạc, và cả hai đều lấy đời sống làm đối tượng."

Rồi cao hứng, Lương nói tiếp:

"Anh hỏi người Bắc di cư tìm bắt gì trong nhạc ấy ư? Tôi nghĩ họ-trong đó có tôi – tìm bắt cái đời sống hàng ngày mà họ biết. Họ tìm tiếng gà sáng, tiếng võng trưa, tiếng đập lúa dưới trăng mùa gặt. Tiếng trống bỏi con nít chơi rằm tháng tám, tiếng mưa trên tầu chuối một đêm mất ngủ. Tiếng chuông nhà thờ buổi trưa trên cánh đồng chói nắng..."

"Cánh đồng chói nắng," Bảo tựa dương cầm, miệng lẩm nhẩm nhắc lại, nét mỉa mai hiển hiện trong ánh mắt. Nhưng Lương không để ý, nói tiếp:

"Còn tôi, tôi muốn tìm trong nhạc cái hy vọng, cái sức sống của đồng bào tôi đang tạo lập một đời sống mới trong những khu dinh điền như Hố Bò, hay trước nữa trong tất cả miền Nam này khi tổ tiên chúng ta mới tới đây lập nghiệp. Tôi muốn tìm trong nhạc tất cả âm vang của cuộc sống hiện tại, từ tiếng học trò đi học, tiếng xe cộ ngoài đường phố, cho đến tiếng nhà máy than máy điện. Tôi muốn tìm tất cả những cái nói ra nghe như tiểu thuyết tại vì đẹp quá, nhưng có thật xung quanh chúng ta..."

Bảo nhún vai:

"Nghệ thuật vị nhân sinh, nhất là nhân sinh ở dinh điền Hố Bò, phải không anh Lương?"

Không khí nặng nề. Ba cô xen vào. Với giọng tươi cười bình thản, ông quay sang Lương, ánh mắt hiền lành độ lượng:

"Anh Lương à, Hoàng nó học dương cầm năm năm rồi đấy. Bác cũng như anh, nghe nhạc thì chỉ thích hay không thích mà chẳng bao giờ bận tâm tới nhạc lý. Anh thấy em đánh có được không?"

Cô biết ba cô mở lối ra cho Lương. Anh chỉ việc khen Hoàng lấy lệ, rồi ông sẽ đưa câu chuyện sang đề tài khác. Thấy anh ngập ngừng, cô làm bộ hồn nhiên khuyến khích anh:

"Anh Lương nghĩ gì? Anh nói đi cho Hoàng sửa."

Anh cười hiền lành:

"Thì nói nhé. Hình như tay phải cô lanh hơn tay trái một chút."

Rồi vội vã, anh chữa lại:

"Một chút thôi à... À khoảng vài phần trăm giây..."

Đám bạn cô tuy thích âm nhạc cổ điển tây phương, nhưng thích cho hợp thời trang chứ không hiểu cặn kẽ, mà cũng không bén nhậy. Chỉ có ba cô biết anh nói gì. Mắt ông sáng lên vì thích thú. Còn cô thì sững sờ. Anh bắt đúng nhược điểm của cô, cái nhược điểm mà thầy giáo dương cầm vẫn phê bình, và cô đã gắng sức nhiều mà không sửa được. Ba cô bảo:

"Anh Lương thính tai nhỉ... Anh cũng thích dương cầm?"

"Thưa bác, con dốt nhạc lắm," anh lễ phép thưa. "Có thính tai chẳng qua là ở nhà thương, phải tập nghe tim phải và tim trái cùng đập, nên quen đi. Còn dương cầm, con chưa bao giờ thử. Chắc khó lắm."

Bảo xía vào:

"Tất nhiên là khó rồi. Khó hơn nhạc banjo là cái chắc."

Các bạn trai của cô cười lớn. Ba cô nghiêm nghị nhìn đám thanh niên. Quay sang cô, ông chậm rãi nói:

"Ý kiến anh Lương rất đúng, Hoàng phải tập mà sửa đi."

Rồi ông nhìn bà như ra hiệu. Mẹ cô khẽ gật đầu như hiểu ý chồng. Bà sai cắt bánh mở rượu. Lát sau mọi người đều quên câu chuyện âm nhạc, và đề tài mới cho buổi tiếp tân là bánh chị bếp nhà ngon, hay bánh tiệm Brodard ngon.

*

Nhưng Hoàng không quên. Cô bắt đầu suy nghĩ về Lương. Mới đầu cô giận lắm, vì chưa ai dám bình ngón đàn của cô như vậy. Điệu bộ tự tại của Lương ám ảnh cô. Rồi một hôm trong bữa ăn tối, cô thưa với ba cô là cho mấy chị em về thăm Hố Bò để xem cuộc sống của đồng bào mình từ Bắc di cư vào. Ông suy nghĩ một phút rồi hỏi han Lương về điều kiện nhà cửa dưới ấy.

"Thưa bác, dưới quê an ninh lắm," Lương nói. "Việt cộng họ không bén bảng về khu dinh điền đâu. Con đề nghị cô Hoàng và các em đi chiều thứ bảy, ngủ lại đêm bên nhà văng lai của cha xứ. Ở đấy cũng đủ tiện nghi lắm, mà cũng không xa nhà Thầy Bu con. Ở chơi cho hết ngày chủ nhật, rồi độ năm sáu giờ thì về lại SàiGòn là đẹp."

Ba cô chăm chú nghe Lương nói, rồi ông chấp thuận. Mẹ cô cũng miễn cưỡng thuận theo. Rồi một trưa thứ bẩy tan học xong, ông cho bác tài lấy xe hơi đưa ba chị em Hoàng cùng Lương về thăm Hố Bò.

Khi chị em cô tới nơi thì cha mẹ Lương cùng cha xứ đi Biên Hòa chưa về. Lương sai dọn cơm trưa đãi khách. Cơm nước xong, anh dẫn ba chị em cô đi thăm khu dinh điền. Quê mới của Lương làm cô ngạc nhiên, không phải vì cô ngỡ ngàng với nông thôn. Cô không xa lạ với canh tác, từ đại canh tác tại đồn điền của mấy người Pháp bạn ba cô, cho đến nông thôn cổ truyền tại quê cô ở Trà Vinh. Canh tác đồn điền thì cơ khí quá, mà con người ở đấy lại buồn bã quá, lương ít việc nhiều, sớm tối cạo mủ cao su hay hái trà, lam lũ lầm than như người cu li bị ngoại bang bóc lột. Còn nông thôn Trà Vinh thì an nhàn quá, gần như không phải làm mà vẫn có ăn.

Phải đến khu dinh điền Hố Bò, cô mới thấy được sức sống mãnh liệt của con người trong vùng đất mới. Lương dẫn cô đi xem cảnh làm ruộng, đốn gỗ, nung gạch, lưới cá. Ngang qua trạm y tế, cô tá viên điều dưỡng đon đả mời Lương vào để cảm ơn Lương chai ký ninh Lương cho kỳ trước, và nhắc Lương kho thuốc trụ sinh đã hết. Ngang qua trường tiểu học, thầy hiệu trưởng vui vẻ chạy ra đón Lương. Ông cho Lương hay số vở tập Lương cho vẫn còn, nhưng ông sợ không đủ phấn bảng cho tới cuối khóa. Mặt khác, nhờ dầu tây Lương tặng, lớp tối cho chương trình tráng niên giáo dục đã khai mạc tuần trước. Rồi Lương đưa cô qua trại cưa trại mộc và sau cùng đến khu chăn nuôi heo bò. Cô cũng được xem khu chợ quê, mấy tiệm thợ may, và tiệm chụp hình độc nhất của Hố Bò. Tất cả cái tổ ong nhân loại này quây quần với nhau xung quanh ngôi nhà thờ xứ mới xây, và khắp nơi tràn trề một sức sống mãnh liệt.

Cô cảm thấy mến những người đồng hương của Lương, những người Bắc di cư mà ba cô và các bạn của ông có khi cho là sấn sổ. Cô thấy nơi họ hình ảnh của sơ cố mấy thế kỷ trước cũng vào đây lập nghiệp như gia đình Lương bây giờ. Ý niệm Nam Bắc thân thương ruột thịt, trừu tượng như một bài học sử ký từ chương, bỗng trở nên cụ thể thấm thía.

Theo chân Lương qua những cánh ruộng xanh tươi, những vườn rau thẳng tắp, những dàn bầu dàn bí nặng chĩu quả và đầy hoa vàng, cô miên mang suy nghĩ. Cô không ngờ ruộng đất quí đến thế. Ba mẹ cô ở Trà Vinh, khi lập gia đình, bên ngoại cho một ngọn đồi, bên nội cho một ngọn đồi làm vốn. Hai ngọn đồi đều bỏ hoang, đứng nhìn nhau qua con sông nhỏ, như biểu tượng cho hai gia đình quê quyền thế và sung túc. Nghe nói chú cô và ba cô thỉnh thoảng về đấy săn bắn giải trí, còn gia đình cô hình như chưa bao giờ khai thác hai ngọn đồi phì nhiêu ấy để sinh lợi. Đất bỏ hoang cho yến gần đây mới vỡ ra làm khu dinh điền.

Rồi cô khám phá ra rằng đất đai tự nó nào có quí. Quý chăng là tại mồ hôi người đã đổ xuống để cho tự do và hy vọng dấy lên từ những thửa ruộng những cánh rừng ấy. Phải có những con người yêu đất yêu ruộng, lúc nào cũng mơ ước thèm khát đất ruộng như gia đình Lương, mới đem lại giá trị cho vùng đất hoang vu này. Cảnh sống ở đây có ý nghĩa quá. Nó là cảnh sống của những người đi tìm nơi chốn mới để bảo tồn một nếp sống cổ truyền, để

được ấm no và tự do thờ phượng.

Và chỗ nào cô cũng thấy cái gắn bó của Lương với mọi người. Cô đã tình cờ biết được sự rộng rãi của Lương với trường tiểu học và trạm y tế. Cô chợt hiểu ra lý do của nếp sống cần kiệm của Lương, và những vật dụng quê kệch Lương thường thu nhặt mang về làng, từ cái lưỡi cá, cái lưỡi cầy, cho đến cái kim cái chỉ, cái thùng dầu tây, bỗng trở nên có ý nghĩa. Cô cũng thấy ấm tình người ta dành cho anh, từ những người lớn tạm ngưng tay cầy tay cuốc để trao đổi câu chuyện mưa nắng với anh, cho đến đám trẻ đang giờ chơi bỏ đánh đáo đánh khăng để chạy lại quấn chân anh. Cô thấy rõ vai trò chỉ đạo của anh. Cô thèm cuộc sống của anh, cuộc sống sung mãn nhờ chia sẻ với mọi người từng cái vui cái buồn, cuộc sống mà cho đến bây giờ cô chỉ thấy tò mò, có khi thương hại. Và cô cảm thấy kiêu hãnh được đi song đôi với anh giữa những tia nhìn đầy thiện cảm của đám lưu dân can trường và thành công.

*

Tối đến Lương dẫn cô đi gặp cha mẹ anh. Cha anh tên Xứng, người cao lớn, có bộ râu quai nón rậm. Lương kể ông học đến lớp nhì thì đăng lính, và đóng đến trung sĩ nhất Bảo Chính Đoàn. Giải ngũ về lại Bùi Chu, ông phục vụ trong đội thân binh của giáo khu. Sau hiệp định Genève, di cư về khu dinh điền này, ông được vị nể như một người tù trưởng đã dẫn bộ lạc vượt qua bao nhiêu sóng gió để tới vùng đất hứa. Thấy cô, mới đầu ông có vẻ ngượng ngùng, tựa hồ như ông không quen đối xử với con trẻ tỉnh thành. Nhưng trong ánh mắt ông, cô thấy niềm quí mến như đối với con cháu trong nhà. Ông hỏi cô về đời sống của Lương trên tỉnh. Ông hỏi cho có hỏi, vì cô biết ông kiêu hãnh về con trai, và không bao giờ nghĩ Lương có thể làm chuyện gì không toàn hảo.

Tối hôm đó, mấy chị em Hoàng nghỉ bên phòng vãng lai của cha xứ. Cô lạ chỗ nên nằm thao thức. Lát sau, cô mặc áo ra phòng khách tính đọc sách. Cha xứ còn thức. Thấy cô, ông mời cô ngồi xuống bên ông trò chuyện. Vị linh mục khoảng trung niên, tiếng nói sang sảng, vóc người tầm thước. Nếu không có chiếc áo chùng thâm và cái cổ cồn trắng, người ta có thể lầm ông với đồn trưởng của một ấp chiến lược. Hoàng nghĩ giá có đeo thêm cho ông bao đạn

và cây súng, ông vẫn thoải mái. Nghe nói lúc động dụng, ông cũng ra chiến hào dự phần tác chiến với anh em.

Cha hỏi cô có ngỡ ngàng với đời sống của giáo dân ở đây không? Cô thưa rằng không, vì tuy gia đình là Phật tử, cô theo học trường Thiên Chúa giáo nên khá quen thuộc với đạo Gia Tô. Ông mỉm cười bảo thế là tốt, và chính ông cũng không xa lạ với pháp lý nhà Phật, nhất là Phật Giáo Việt Nam với công đức của Thiền Phái Trúc Lâm. Ông am thông kinh kệ hơn cô. Ông lại nói chỉ tiếc chưa thấy nhiều giáo dân lưu tâm đến Phật Pháp. Hiểu nhau và thương nhau là điều vô cùng quan trọng cho người Việt Nam. Đạo lớn nhất cho người mình là đạo yêu nước. Rồi ông bảo trong lịch sử có những lúc bị hiểu lầm, nhưng giáo dân nói chung yêu nước lắm.

Ông cũng nói đến văn học nghệ thuật, có lẽ ông nghĩ cô học văn khoa. Ông biết nhiều chuyện hấp dẫn, tuy lập trường ông cực đoan. Ông quả quyết là họa đồ kiến trúc thành phố Bắc Kinh với tất cả lâu đài cung điện là do một người Việt Nam vẽ. Là tiếng Việt có ảnh hưởng lớn cho nhiều ngôn ngữ trên thế giới, chữ *convoi* của Pháp là bắt nguồn từ chữ *con voi* của ta. Là ông nghĩ Lục Tổ Huệ Năng là người Việt, tuy ông chưa đủ tài liệu để khẳng định.

Đổi đề tài, ông kể cho cô nghe về sinh hoạt của giáo dân trong khu dinh điền. Sau cùng câu chuyện trở về Lương. Ông bảo biết anh từ hồi anh còn để chỏm tại một xóm đạo miền Bắc, và từ thủa ấy, anh đã cốt cách hơn người. Ông đặt nhiều kỳ vọng nơi anh. Chính ông đã giúp cho anh tiếp tục ăn học. Anh sẽ là cột trụ của cộng đồng này. Anh sẽ là thầy thuốc của họ, và anh cũng là lãnh đạo của họ trong đời sống chính trị của quốc gia. Bao giờ Lương sẵn sàng lãnh vai trò ấy, ông sẽ lui về hoàn toàn tu hành. Rồi nửa đùa nửa thật, cha bảo cô là tương lai Lương đã vạch sẵn, và những mộng ước của ông về anh sẽ còn được chóng thực hiện hơn, nếu anh kiếm được người vợ xinh đẹp đảm đang. Hoàng không nhớ câu chuyện với cha xứ về sau ra sao, chỉ nhớ tim cô đập dồn hồi vì thẹn thùng. Lần đầu tiên cô nghĩ đến Lương như cô gái nghĩ đến một thanh niên cùng trang lứa.

(Còn tiếp)

ghi nhận đó đây

Tạp chí Văn kỷ niệm mười năm hiện diện

Tháng 6-1982, nhà văn Mai Thảo cho tục bản tạp chí Văn ở hải ngoại. Tháng 6-1992, đúng 10 năm, 120 tháng, Văn ra số kỷ niệm 120. Trong tình trạng khó khăn trăm bề của một tạp chí văn chương nơi đất khách, ra đều đặn 120 số báo trong 120 tháng, thật là một kỷ lục đáng nể! Hôm 6 tháng 6 vừa qua, nhà văn Mai Thảo có tổ chức một cuộc họp mặt thân hữu ở nhà Nguyễn Xuân Hoàng để mừng Văn mười tuổi, đồng thời đây là dịp bạn bè chúc mừng sinh nhật 67 của nhà văn chủ nhiệm. Không khí ấm cúng, cảm động, rất "đại gia đình", người trưởng họ lúc nào cũng cao, gầy, ly rượu trên tay, xem thường mọi ràng buộc trần thế, nhưng lúc nào nói tới văn chương thì đam mê xuất thần như một người cầm bút thời mở đường, phất cờ xuống núi. Có Kiều Chinh, Anh Ngọc, Quỳnh Giao . . . nên có kỷ niệm về Hoài Bắc. Có Nguyễn Sỹ Tế, Nguyễn Xuân Hoàng, nên có kỷ niệm thời *Sáng Tạo*, Văn 38 Phạm Ngũ Lão. Có Triệu Châu, Trần Diệu Hằng, Khánh Trường, Nguyễn Mộng Giác, Mai Kim Ngọc, Đào Trung Đạo, Phạm Quốc Bảo, Đỗ Vẫn Trọn, Hoàng Dược Thảo, Nguyễn Mạnh Trinh, Phan Tấn Hải, Vũ Quỳnh N.H., Trầm Phục Khắc, Vũ Huy Quang . . . những bạn văn của nhiều tờ báo hải ngoại từng chia sẻ với Mai Thảo nỗi nhọc nhằn của nghề báo. Đặc biệt là sự hiện diện của nhà văn Nguyễn Sỹ Tế, vừa đến Mỹ qua chương trình H.O. sau mười năm lao tù. Tuổi cao, mắt kém, nhưng Nguyễn Sỹ Tế vẫn còn khoẻ, rắn rỏi vượt qua được những ngày bị biệt giam, cùm kẹp và đói. Nguyễn Sỹ Tế

bảo: "Không ngờ mình có thể sống sót được." Mọi người yêu cầu nhà văn đọc thơ. Nguyễn Sỹ Tế đọc ngay hai bài thơ Pháp văn ông làm trong tù. Giọng đọc thơ sang sảng, gương mặt tỏa ra trọn vẹn nào phẫn nộ, đam mê, nhiệt tình . . . Đây rồi, chính sức mạnh nội tâm đã "cứu" Nguyễn Sỹ Tế. Và cũng chính sức đam mê của Mai Thảo đã "cứu" tờ Văn qua bao nhiêu thăng trầm, cho Văn sống trải 10 năm, rồi cứ thế tiếp tục.

Cánh Đồng Cho Em

Trong cuộc họp mặt ở nhà Nguyễn Xuân Hoàng, có Vũ Quỳnh N.H. (tên thật là Quỳnh Như) một cây bút mới xuất hiện mấy tháng gần đây, nhưng truyện ngắn nào của cô cũng đặc sắc, được nhiều người trong văn giới chú ý. Lối viết của cô nữ tiếp viên hàng không này, giống như lối viết của Đỗ Kh. và Dương Như Nguyện, mở ra một khung cảnh khác rộng rãi hơn là cái khung chật hẹp về địa dư lâu nay, lối nghĩ lối cảm cũng khác, ít chịu vướng víu vào quá khứ, nhập trọn vào cuộc sống hiện đại – Lâu lắm mới lại thấy một đợt sóng mới trên văn đàn.

Còn nhớ khoảng 1986, 1987, một đợt những cây bút trẻ xuất hiện như Vũ Quỳnh Hương, Tạ Thái, Nguyễn Hiền Thảo, Nguyễn Hoàng Nam, Đỗ Kh., Trần Sa, Nguyễn Thị Thanh Bình, Hoàng Mai Đạt . . . Sau năm năm nhìn lại, những cây bút trẻ ấy vẫn viết đều, nhưng phổ biến tác phẩm thưa thớt, tuỳ hứng. Phần lớn bận bịu chuyện học hành, nghề nghiệp, và dường như không tìm thấy trong sinh hoạt chữ nghĩa của lớp trước có gì hứng thú để nhập cuộc. Trong số các bạn trẻ trên đây, Đỗ Kh. đã cho xuất bản được một tập ký, hai tập thơ và một tập truyện ngắn. Người thứ nhì có sách xuất bản là Hoàng Mai Đạt. Anh vừa tự xoay sở để cho in tập truyện ngắn đầu tay nhan đề *Cánh đồng cho em*. Theo Hoàng Mai Đạt tự thán "Trong một truyện ngắn đăng trên Thế Kỷ 21", muốn in tác phẩm đầu tay anh đã phải gửi "tâm thư" vận động bạn bè đặt mua trước tác phẩm (dĩ nhiên là ứng trước tiền). Hồi âm thưa thớt! Rụt rè đến một nhà xuất bản lớn in cho, bị chê truyện không có sex bán không được, tên còn lạ. Chuyển qua nhờ thuê in thì bị chê tiền chỉ đủ một góc tư số cần. Giải pháp cuối cùng: tác giả nhận đánh máy thuê cho nhà xuất bản để bù số ấn phí còn thiếu.

Con đường khổ ải ban đầu, ai cũng đã trải qua nếu muốn trình làng những tập thơ, truyện đầu tay. Hiện *Cánh đồng cho em* đã có mặt ở các hiệu sách khắp nơi. Xin chúc mừng Hoàng Mai Đạt!

Xuất bản và ra mắt sách

Do thị trường sách báo ở hải ngoại bị suy thoái kinh tế ảnh hưởng, mãi lực giảm xuống một nửa, nên các nhà xuất bản hiện nay chỉ in cầm chừng. Trừ một số những cây bút có tiếng vẫn được các nhà xuất bản in sách cho, còn lại hầu hết trường hợp người viết phải tự bỏ tiền ra in lấy. Hoàng Mai Đạt không phải là người duy nhất.

Đã tự bỏ tiền in sách thì cũng phải tự lo lấy việc phát hành. Tổ chức ra mắt sách trở thành cần thiết.

Tháng vừa qua tại hạt Cam (Orange County) thủ đô tị nạn có hai buổi ra mắt sách đáng chú ý.

Cùng hôm Văn kỷ niệm 10 năm, nhà thơ Ngọc Hoài Phương, chủ nhiệm tạp chí *Hồn Việt*, tổ chức trình làng tập thơ *Cõi tạm*. Tác giả là một nhà báo dày dạn kinh nghiệm, quảng giao, thân thiết với nhiều đồng nghiệp, nhiều bạn bè trong nhiều giới, nên buổi ra mắt thơ qui tụ được đông đảo người tham dự. Bạn hữu và độc giả *Hồn Việt* nhờ thế thấy thêm được một khía cạnh khác của nhà báo Ngọc Hoài Phương: đằng sau những tất bật của nghề báo, hoá ra còn có một nhà thơ. Có lẽ nhờ thế mà ông chủ nhiệm *Hồn Việt* được mọi người thân ái, mến yêu.

Một tuần lễ sau, 14-6-1992, cũng tại phở Ngon, Nguyễn Chí Thiệp ra mắt tập hồi ký cải tạo *Trại Kiên Giam*. Tốt nghiệp Quốc Gia Hành Chánh, nhân viên cao cấp VNCH, tù nhân cải tạo – Nguyễn Chí Thiệp thật đủ điều kiện để viết hồi ký cải tạo với cái nhìn rộng hơn nhiều người khác. Như nhà văn Duy Lam nhận xét, tác giả vừa có cái tinh tế quan sát của một nhà văn lại có một đức tính rất quý là sự khách quan công bình khi nhận xét kẻ khác, cả bạn lẫn thù. Tập sách dày trên 600 trang, in đẹp, bìa của họa sĩ Hồ Thành Đức, giá chỉ có 15 đô la. Theo ghi nhận của nhiều người, đây là một tập hồi ký cải tạo giá trị, không giống với nhiều tập chỉ kể khổ và tự tôn vinh đã từng xuất hiện.

Cũng nằm trong phương thức "tự biên tự diễn", có *Một thoáng trong mơ* của Nguyễn Tấn Hưng, gồm sưu tập Thơ-Nhạc và Hoà âm. Hiện tượng các nhà văn nhà thơ "táy máy" xâm phạm vào ngành khác đã có từ lâu. Không hiếm trường hợp "táy máy" cho vui không ngờ thành công quá sức tưởng tượng. Ở bên nhà có hiện tượng "táy máy" xâm nhập ngành hội họa. Ở hải ngoại, nhà văn Trùng Dương vẽ, nhà thơ Trần Sa vẽ, nhưng điều đó không thịnh hành bằng các nhà văn nhà thơ soạn nhạc: Nguyễn Tất Nhiên, Duyên Anh, Hà Thúc Sinh . . . gần đây có Nguyễn Thị Ngọc Diễm. Bây giờ thêm Nguyễn Tấn Hưng. Như vậy câu tục ngữ Pháp, *Qui trop embrasse, mal étreint* (phóng dịch: Ôm nhiều thì yếu) coi bộ không còn đúng nữa rồi!

Làng Văn ra quân rầm rộ

Hách nhất, rầm rộ nổi đình nổi đám nhất trong ngành xuất bản hiện nay, có lẽ chỉ có *Làng Văn*. Ai than mặc ai, *Làng Văn* cứ phom phom tiến lên, phất cờ tới tấp. Hằng năm đến kỳ "chu niên" thường *Làng Văn* tổ chức rất lớn, diễn văn phụ diễn đầy đủ, không lôi thôi âm thầm như *Văn* hoặc *Văn Học*. Các nhà văn cột trụ của nhà xuất bản đã viết hăng, xông xáo tích cực trước các vấn đề thời sự, lại hát hay đàn giỏi. Một bằng chứng nữa chứng tỏ câu tục ngữ Pháp trên đây trật lất. Ôm nhiều mà không hề yếu, càng ôm càng khoẻ!

Ngày 21-6-92 tới đây, bộ phận chủ biên hùng hậu của *Làng Văn* sẽ kéo qua Paris ra mắt một lượt sáu tác phẩm:

– Chút ân tình mong manh, tập truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Ngạn.

– Chính khách, truyện dài của Nguyễn Ngọc Ngạn.

– Tiếng núi, tập truyện ngắn của Ngô Nguyên Dũng. – Chuông đêm, tập truyện ngắn của Ngô Nguyên Dũng.

– Nguyệt bạch, thơ Cung Vũ.

– Dọn đường về nước, tham luận chính trị của Nguyễn Hữu Nghĩa.

Trước đó, Làng Văn cũng đã xuất bản cho anh Trần Văn Tích tập tiểu luận *Sự muôn năm cũ*.

Trong lúc đó các ông giám đốc xuất bản tại California lại in lai rai, cầm chừng. Văn Nghệ: tập cuối hoàn tất bộ *Võ Phiến toàn tập*. An Tiêm (nghe

nói đỏi hẳn thành nhà xuất bản Thanh Văn) sau *Bên lở bên bồi* của Nguyễn Thị Hoàng Bắc và *Một trang đời* của Phan Thị Trọng Tuyến, từ đây đến cuối năm chỉ dự định cho ra vài cuốn: *Bụi và rác* của Nguyễn Xuân Hoàng, *Tiệp bút* của Đỗ Quí Toàn, *Nghề làm vua* tiểu thuyết của Lệ Hằng. Nhà xuất bản Xuân Thu vẫn là nhà xuất bản mạnh nhất về thương vụ hiện nay, nhưng vì sách in ra ít gửi cho các tạp chí, nên *Văn Học* không theo dõi được.

Ngành xuất bản ở Mỹ

Tình trạng xuất bản ở Mỹ có khá hơn ngành này của dân tị nạn không?

Cuối tháng 5 vừa qua, hội những người bán sách của Mỹ tổ chức một cuộc hội thảo qui mô tại Anaheim, hạt Cam để bàn cho ra cách nào bán được sách, trước các tiến bộ mới của kỹ thuật truyền thông. 1900 người tham dự đua nhau bàn cãi mổ xẻ vấn đề sinh tử này.

Họ tìm hiểu loại sách nào bán chạy, vì sao. Tác giả nào ăn khách: họ vỡ lẽ những tác giả ăn khách đều không phải là dân viết lách: tướng Norman Schwarzkopf ẵm gọn 5 triệu đô nhuận bút với cuốn *It doesn't Take a Hero*, không phải ông viết. Nhờ tiếng tăm có được qua cuộc chiến vùng Vịnh, ông thuê Peter Petre viết, và nhà xuất bản Bantam Books chộp thời cơ, in liền, bán chạy ào ào. Magic Johson là danh thủ bóng rổ được ái mộ. Và vì được các cô ái mộ nhiều, "ôm hơi nhiều", nên bị vạ AIDS. Thay vì giấu bệnh để được tiếp tục ôm, anh lên TV kể vanh vách. Thế là nổi tiếng hơn nữa. Nhà xuất bản uy tín Random House liền đề nghị món nhuận bút 4 triệu đô để anh kể cho người ta viết hai cuốn sách *What you can do to avoid AIDS* và *Magic Johson: My Life* .

Xuất bản là một ngành kinh doanh nên phải tính kỹ chi phí và doanh thu. Các nhà văn Mỹ lên tiếng thống trách ngành xuất bản chỉ chạy theo lợi, không quan tâm đến giá trị văn hoá. Ngành xuất bản biện hộ là có thực mới vực được đạo, sách cao siêu bán ế, hiện độc giả ít thì giờ, lười suy nghĩ, chỉ cần biết mỗi thứ một chút chứ không cần tìm hiểu sâu, sách báo không lo tự cứu thì khó lòng cạnh tranh với TV. Họ cũng bảo các nhà văn rằng ngành xuất bản đã nghe báo động kiểu đó nhiều lần, nhưng thời nào không có những tác phẩm giá trị ra đời. Cuộc hội thảo kết thúc, và như mọi lần, ai lo đường nấy.

Solzhenitsyn sắp hồi hương

Chuyện sách Mỹ ghi nhận cho vui (hoặc để giới cầm bút tự an ủi) chứ không dính dấp nhiều tới người mình. Chuyện văn hào Nga từng đoạt giải văn chương Nobel, Alexander Solzhenitsyn sắp hồi hương có lẽ đáng quan tâm hơn.

Hồi trung tuần tháng 6, tổng thống Nga Yeltsin sang Mỹ xin viện trợ để chôn cất chủ nghĩa cộng sản (ông dọa trước lưỡng viện quốc hội Mỹ là nếu không có đô la, chủ nghĩa cộng sản sẽ sống dậy). Vừa tới nơi, ông điện thoại cho Solzhenitsyn để tha thiết mời văn hào này hồi hương. Yeltsin xin lỗi nhà văn về những phỉ báng, dày đọa chính thể cộng sản đã gây ra cho nhà văn, và hối thúc nhà văn mau mau trở về. Trước đó, vợ và ba con của Solzhenitsyn đã về nước để chuẩn bị cho cuộc hồi hương của chồng và cha. Chính quyền Moscow cũng đã trả lại căn nhà cũ của nhà văn, tịch thu khi ông bị buộc lưu vong sang Đức.

Nhưng theo giới thân cận với Solzhenitsyn cho biết, có lẽ nhà văn này chưa vội hồi hương ngay. Ngoài những tác phẩm giá trị đã xuất bản như *Một ngày trong đời Ivan Denisovich, Tầng dầu địa ngục, Khu ung thư, Quần đảo ngục tù*, hiện ông đang hoàn tất cho xong bộ *Bánh xe đỏ* mô tả đầy đủ tất cả những gì chế độ cộng sản đã gây ra cho dân Liên Xô suốt 70 năm qua. Muốn hoàn tất, ở Mỹ ông có đủ điều kiện làm việc hơn là trở về nước. Đó là chưa kể một điều có lẽ ông đã thấy trước: là với uy tín lớn lao của ông, về nước thế nào ông cũng bị lôi cuốn vào những hoạt động chính trị, và lúc đó, chưa chắc Solzhenitsyn nhà văn sẽ là Solzhenitsyn một nhà hoạt động chính trị sáng suốt.

Thái độ sống của Solzhenitsyn nhắc chúng ta nhớ đến trường hợp một nhà văn lưu vong tiếng tăm khác: Milan Kundera, người Tiệp, Kundera cũng bị lưu dày khỏi xứ vì chống chế độ cộng sản Tiệp, nhất là khi Liên Xô xua quân qua đàn áp phong trào đòi dân chủ hồi 1968. Ông qua sống ở Pháp, và hiện được xem là một nhà văn uy tín, thông minh và đầy sáng tạo. Năm nào ông cũng được đề nghị tặng giải Nobel văn chương. Thế mà từ khi cộng sản Tiệp sụp đổ, dù là bạn thân của tổng thống Havel, Kundera vẫn ít lên tiếng về các vấn đề thời sự đang nóng bỏng ở quê hương. Không có tin tức gì về sự hồi hương. Vì sao? Có lẽ chỉ vì Kundera biết rất rõ hạn chế và sở trường của mình,

và của giới cầm bút trước sinh hoạt phức tạp của chính trị.

"Tự kiểm"

Vòng vo tam quốc một hồi, bây giờ trở lại chuyện nhà. *Văn Học* số 74 vừa qua có nhiều khiếm khuyết. Hai tháng 4 và 5-92 báo không ra, tháng 6 ra tiếp mà quên thông báo cho độc giả dài hạn, nhiều vị nhận được số 74, điện thoại hỏi tại sao không có số tháng 4 và 5?

Khiếm khuyết lớn nhất là quá nhiều lỗi chính tả. Nhiều đến nỗi nhà văn Võ Đình đã phải gửi một tấm thư ngắn súc tích. Thư như sau:

Thư Võ Đình cho Văn Học:

Thân gửi Văn Học,

Tôi đã nhận được Văn Học số 74 có truyện Anne *của tôi. Cảm ơn các bạn đã gửi báo. Và cảm ơn vì nhờ truyện mới đăng này mà tôi được lọt vào cuốn* The Guiness Book of World Records. *Truyện* Anne *có đến . . . 100 lỗi đánh máy. Có sao nói vậy, chứ tôi hết sức thông cảm cho những khó khăn của toà soạn . . .* □

Bác Sĩ
VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE AND PULMONARY DISEASES
CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI
● bệnh nội khoa: tiểu đường - mau cao...
● bệnh phổi: ho - suyễn - đau ngực - lao - khó thở
NHẬN MEDICAL và BẢO HIỂM
giờ làm việc: (gọi lấy hẹn)
ngày thường: 9 - 12 AM & 1 - 6 PM
thứ bảy: 9 AM - 1 PM
Tel: **(714) 641-0263**
Địa chỉ: 2740 S. Bristol # 118 Santa Ana, CA 92704

HỘP THƯ VĂN HỌC

Ông Tạ Quốc Tuấn (Texas): Đã gửi số báo thiếu đến Ông.Tấm chi phiếu Ông kèm trong thư, xin được xem như tiền tem gửi báo trong tương lai. Mong nhận được những bài biên khảo giá trị cuả Ông. Kính.

Anh Triều Hoa Đại (Florida): Chắc Anh đã biết " buồn" khi thấy Văn Học ra trở lại đều đặn rồi chứ? Vấn đề bây giờ là làm thế nào giữ được nhịp độ đều đặn đó mải. Câu trả lời có lẽ nằm ở phía các văn hữu xa gần (như anh chẳng hạn) và độc giả khắp nơi. Nói như vậy không có nghĩa là chúng tôi đổ trách nhiệm lên quý anh, nhưng tình thực mà nói, tờ Văn Học còn tồn tại đến ngày nay là do lòng ưu ai cuả quý bạn hữu và độc giả trung thành. Mong lần tới anh ghé Cali, có dịp gặp mặt để hàn huyên. Thân.

Chị Mai Duyên Tem Kin (Save the children - Honh Kong): Chị còn thiếu số báo nào, xin cho biết, chúng tôi sẽ gửi bù. Biết chị làm việc bên đó bận rộn, nhưng vẫn monh chị viết đôi hàng cho biết sơ lược về công tác giúp đỡ trẻ em bên đó. Thân.

Anh Lê Tất Luyện (pháp): Việc Anh nhờ Chị PTTT, Chị đã hoàn tất chu đáo. Cám ơn anh và chị PTTT nhiều lắm. Thân.

Phát hành nay mai

NGHỆ THUẬT

tạp chí hội luận văn học

Chủ Biên: DU TỬ LÊ

● bài vở xin gửi trước 15.7.1992.
● bài có nhuận bút xin ghi rõ.

● Liên lạc:
8011 1/2 Finlay St.
Houston TX 77017
Tel: (713) 951-0199

SỐ RA MẮT THÁNG 8-1992

không chỉ như một băng nhạc
không chỉ như một tác phẩm
mà còn là
một cố quận ấm trong một trái tim

ĐỜI MÃI Ở PHƯƠNG ĐÔNG

10 phối hợp tuyệt vời
giữa thơ DU TỬ LÊ và nhạc TRẦN DUY ĐỨC

cùng tấm lòng, tiếng hát của:

Anh Ngọc ● Lệ Thu ● Khánh Ly

Tuấn Ngọc ● Lê Uyên

Nhóm Nhân Chứng thực hiện
Trầm Tử Thiêng hoà âm
Nguyệt Lãm Productions phát hành

Đã phát hành khắp nơi

KHÚC NGUYỆT QUỲNH

Dĩa nhạc CD tuyệt tác gồm 12 ca khúc nghệ thuật
trình bày bởi tiếng hát

QUỲNH GIAO

● trên da tình yêu - LÊ UYÊN PHƯƠNG ● đêm nhớ trăng Saigon - PHẠM ĐÌNH CHƯƠNG / thơ DU TỬ LÊ ● tình long lanh FRANCOISBAZIN / QUỲNH GIAO ● yêu - VĂN PHỤNG ● chiều rơi mênh mang - ENRIQUÉ GRANDOS / TRỊNH Y THƯ ● kỷ niệm - PHẠM DUY ● hội hoa đăng - DƯƠNG THIỆU TƯỚC ● hẹn một ngày về - LÊ HỮU MỤC ● mơ tiên - DƯƠNG THIỆU TƯỚC ● nhớ bạn - VŨ THÀNH ● xuân thì - PHẠM DUY ● khúc nguyệt quỳnh - MARGUERITE MONNOT / NGUYỄN XUÂN NGHĨA ●

liên lạc:
Quỳnh Giao
4960 Almaden Expwy # 191
San Jose, CA 95118
Trong nước Mỹ: $ 17.00 kể cả cước phí
Ngoài nước Mỹ: $ 19.00 kể cả cước phí

Tôi muốn mua _____ dĩa *Khúc Nguyệt Quỳnh*

Xin gửi về địa chỉ dưới đây:

_____

_____

_____

Đính kèm là chi phiếu $ _____

MỤC LỤC

●THƯ TÒA SOẠN 1
●NGUYỄN KHẮC XUYÊN
về I hay Y trong chính tả Việt ngữ. Biên khảo 3
●ABC
một khoảng Việt Nam Cộng Hoà nổi dài - hồi ký 14
●TRẦM PHỤC KHẮC
thơ 25
●HOÀNG XUÂN SƠN
thơ 26
●PHẠM DUY
thuở ban đầu - hồi ky 28
●PHẠM VIỆT CƯỜNG
thơ 45
●TRẦN HỒNH CHÂU
thơ 46
●CAO XUÂN TỨ
thơ 48
●NGỰ THUYẾT
khăn vắt lên vai - truyện ngắn 49
●TRIỀU HOA ĐẠI
thơ 58
●LA TOÀN VINH
thơ 59
●HOÀNG CHÍNH
thơ 60
●NGUYỄN THỊ THANH BÌNH
kẻ mất tích - truyện ngắn 72
●HỒ ÔNG
thơ 70

●**TRỊNH Y THƯ**
bốn mùa - truyện ngắn 72
●**THỤY KHANH**
thơ 77
●**DUY LAM**
vài cảm nghĩ và nhận xét về cuốn "TRẠI KIÊM GIAM" của nguyễn chí thiệp - điểm sách 78
●**THẾ UYÊN**
Việt Nam qua tác phẩm của Nhật Tuấn và Nhật Tiến - điểm sách 85
●**LÊ BI**
thơ 97
●**MAI KIM NGỌC**
chị em - truyện dài 98
●**GHI NHẬN ĐÓ ĐÂY** 111
●**HỘP THƯ VĂN HỌC** 118

Nhà **Xuất Bản Minh Văn** trân trọng giới thiệu những tác phẩm đã ấn hành của Trần Long Hồ:

Tập truyện ngắn	**NGÀY QUANH QUẨN**	$10.00 US
Truyện dài	**CÕI SA MÙ**	$18.00 US
Tập truyện ngắn	**NIỀM VUI UNG THƯ**	$10.00 US

Và những tác phẩm sẽ xuất bản:

LỤC BÁT HOÀNG XUÂN SƠN thơ Hoàng Xuân Sơn
CHÂN TRỜI LAM NGỌC ký sự của Hồ Trường An

Địa chỉ: **Nhà Xuất Bản Minh Văn**
P.O. Box 647, Oakton, VA 22124-9998

Nhà **XB Minh Văn chịu hết mọi cước phí và giảm 15%** từ giá sách cho độc giả đặt mua sách trực tiếp từ NXB.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Đặt mua dài hạn Văn Học từ số . . . . . đến số . . . . . .

Mua một năm báo tại Hoa kỳ

Gửi hạng tư $36.00

Gửi hạng nhất $42.00

Mua một năm báo tại Canada

Gửi hạng tư $40.00

Gửi hạng nhất $46.00

Mua một năm báo tại Âu, Á và Úc châu

Gửi hạng tư $48.00

Gửi hạng nhất $84.00

Trả bằng Mỹ kim. Ngoài Hoa kỳ xin trả bằng International Money Order. Ngân chi phiếu đề Văn Học

PHIẾU TẶNG BÁO

Muốn mua một năm báo để tặng cho:

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

ANTIỆM

SÁCH ĐÃ IN

. ĐỌC KINH Đoản văn Vũ Khắc Khoan	$6.00
. HOÀNG TỬ BÉ Saint Exupéry Bùi Giáng dịch	$6.00
. MÙI HƯƠNG XUÂN SẮC Gerard de Nerval Bùi Giáng dịch	$6.00
. NHÀ KHỔ HẠNH VÀ GÃ LANG THANG Hermann Hesse Trí Hải, Vĩnh Bách, Lan Nhã dịch	$15.00
. THƯ GỬI NGƯỜI THI SĨ TRẺ TUỔI Rainer Maria Rilke Phạm Công Thiện dịch	$6.00
. SÔNG CÔN MÙA LŨ Trường thiên tiểu thuyết (4 tập) Nguyễn Mộng Giác	Tập 1: $18.00 Tập 2: $20.00 Tập 3: $20.00 Tập 4: $20.00
. LỊCH SỬ NỘI CHIẾN Ở VIỆT NAM Biên khảo của Tạ Chí Đại Trường	$15.00
. THƠ TAGORE * Lời dâng * Tâm tình hiến dâng * Tặng vật Đỗ Khánh Hoan dịch	$8.00
. THÀNH PHỐ TRONG HỒI TƯỞNG Tùy bút Trần Hồng Châu	$8.00
. MỘT TRANG ĐỜI Tập truyện ngắn, Phan Thị Trọng Tuyến	$11.00
. ÂM NHẠC, NIỀM VUI TUỔI THƠ Nguyễn Thuyết Phong biên soạn	$8.00
. BẾN LỞ BẾN BỒI Tập truyện ngắn, Nguyễn Thị Hoàng Bắc	$10.00

SÁCH SẼ IN

. TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI
Tiệp bút của Đỗ Quý Toàn
. BỤI VÀ RÁC
Truyện dài của Nguyễn Xuân Hoàng

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683 – U.S.A.
Phone: (714) 527-5761
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

VĂN NGHỆ

SÁCH ĐÃ IN 1991

- **VÀI CHÚ GIẢI VỀ THIỀN ĐỐN NGỘ** — **7.00MK**
  Nguyên Giác Phan Tấn Hải
- **TIỂU THUYẾT VÔ ĐỀ** — **12.00MK**
  Tác phẩm mới nhất của Dương Thu Hương
- **VĂN HỌC VIỆT NAM DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN 45-90** — **16.00MK**
  Biên khảo Nguyễn Hưng Quốc
- **TRUYỆN THẬT NGẮN** – *Võ Phiến* — **6.00MK**
- **NGỤ NGÔN** – *Đoàn Nhật Tấn* — **11.00MK**
- **HỠI ƠI** – *Thơ Ngu Yên* — **6.00MK**
- **SAO CÓ TIẾNG SÓNG...** – *Võ Đình* — **13.00MK**
- **THƠ MIỀN NAM** *tập I* – *Võ Phiến* — **6.00MK**
  (viết về 8 nhà thơ miền Nam – Văn Học Miền Nam)
- **KINH DỊCH** (đạo của người quân tử) — **20.00MK**
  Nguyễn Hiến Lê dịch, giải
- **HỒI KÍ TẬP II** (trọn bộ 3 cuốn đã in đủ) — **15.00MK**
  Nguyễn Hiến Lê
- **KHỔNG TỬ** – *Nguyễn Hiến Lê* — **12.00MK**

SẼ IN

- **LỊCH SỬ VĂN MINH TRUNG QUỐC**
  Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch
- **TIỂU THUYẾT I** – *Võ Phiến*
  (cuốn chót của Võ Phiến toàn tập)
- **TUẦN TỬ** – *Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê*
- **TRUYỆN** *tập I* (Văn Học Miền Nam) – *Võ Phiến*

Ngoài nước Mỹ thêm 1MK cho sách 12MK. Trên 12MK thêm 2MK

Giá $3.50 MK